

NGHỊ QUYẾT
Về Chương trình hoạt động giám sát năm 2020
của Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
KHÓA VIII - KỶ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Xét Tờ trình số 04/TTr-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố Về Chương trình hoạt động giám sát năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất thông qua Chương trình hoạt động giám sát năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII với những nội dung sau:

1. GIÁM SÁT TẠI KỶ HỌP

a) Tại kỳ họp tháng 7 năm 2020

Xem xét báo cáo 6 tháng đầu năm 2020 của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố; báo cáo kết quả thực hiện Chương trình giám sát năm 2019 của HĐND Thành phố; báo cáo của UBND Thành phố về: Kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh; ước thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020; xem xét tình hình sử dụng ngân sách và phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách năm 2019 của Thành phố; xem xét kết quả phòng chống tham nhũng, cải cách hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác Bảo vệ môi trường 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 và việc giải quyết kiến nghị của cử tri, báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực HĐND Thành phố và tiến hành chất vấn theo quy định.

b) Tại kỳ họp tháng 12 năm 2020

Xem xét báo cáo của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố năm

2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; các báo cáo, tờ trình của UBND Thành phố về: kinh tế - xã hội; tình hình thu – chi ngân sách năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021; công tác phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác Bảo vệ môi trường và kiến nghị của cử tri năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021; báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực HĐND Thành phố và tiến hành chất vấn theo quy định.

2. GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ

a) Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về kế hoạch thực hiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thành phố Cao Lãnh đến năm 2020.

- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị theo Thông báo kết luận số 06/TB-HĐND ngày 24/5/2017 về giám sát việc cụ thể hóa Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của HĐND Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cao Lãnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

b) Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố:

- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị theo báo cáo số 41/BC-HĐND ngày 07/11/2018 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố năm 2018.

- Giám sát về tiến độ thực hiện các công trình, dự án từ nguồn vốn ngân sách nhà nước do Thành phố quản lý và phân bổ năm 2019 và năm 2020 trên địa bàn.

c) Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố:

- Giám sát việc thực hiện Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án Nhân dân trong việc thi hành một số quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Giám sát thực hiện những kiến nghị theo báo cáo số 37/BC-HĐND, ngày 15/5/2018 của Ban pháp chế HĐND Thành phố giám sát việc thực thi pháp luật về đất đai trên địa bàn Thành phố.

d) Tổ Đại biểu HĐND Thành phố:

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thi hành pháp luật, nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố tại địa phương hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND phân công; tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân trong Tổ thực hiện hoạt động giám sát. Tham gia Đoàn giám sát của Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố khi tiến hành khảo sát, giám sát tại địa phương, nơi đại biểu HĐND ứng cử hoặc công tác.

đ) Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, phường; giám sát việc thi hành pháp luật trên địa bàn nơi đại biểu ứng cử. Đồng thời giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

e) Hoạt động phối hợp giám sát của Thường trực HĐND, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp với các Đoàn giám sát của Thường trực, các Ban của HĐND Tỉnh tiến hành khảo sát tại Thành phố. Tiến hành giám sát một số chuyên đề hoặc những vấn đề bức xúc theo đề nghị của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và cử tri trên địa bàn.

Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân; hướng dẫn các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố trong việc thực hiện hoạt động giám sát theo thẩm quyền và báo cáo kết quả theo quy định.

Điều 3. Các cơ quan, tổ chức hữu quan tạo điều kiện thuận lợi để Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố trong công tác giám sát; chủ động chuẩn bị báo cáo và cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Đoàn giám sát; nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của các Đoàn giám sát.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Cao Lãnh khoá VIII, kỳ họp thứ Mười một, thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT/HĐND, UBND Tỉnh;
- TT/TU, HĐND Thành phố;
- UBND, UB MTTQ VN Thành phố;
- Ủy ban Kiểm tra Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các phòng, ban ngành Thành phố;
- LĐ VP HĐND & UBND Thành phố;
- TT/HĐND, UBND xã, phường;
- Lưu: VT.



CHỦ TỌA

Cao Thị Phụng

NGHỊ QUYẾT
Về việc Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách
nhà nước thành phố Cao Lãnh năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2019, của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh về Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách Thành phố năm 2018; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Tổng quyết toán ngân sách nhà nước thành phố Cao Lãnh năm 2018, cụ thể như sau:

1. Tổng thu ngân sách Thành phố năm 2018 là: **1.411.253.027.679 đồng.**

(Một ngàn, bốn trăm mười một tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, không trăm hai mươi bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi chín đồng)

Trong đó thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là: 884.907.415.855 đồng đạt 124% so với dự toán (dự toán là: 714.070.000.000 đồng). Được chia ra từng cấp ngân sách như sau:

- Thu ngân sách Trung ương : 44.671.579.310đ.

- Thu ngân sách địa phương : 1.366.581.448.369đ, gồm:

+ Thu ngân sách Tỉnh : 219.639.090.393đ.

+ Thu ngân sách Thành phố : 1.011.230.238.348đ.

+ Thu ngân sách xã : 135.712.119.628đ.

- Tổng thu ngân sách Thành phố được hưởng để cân đối nhiệm vụ chi là: **1.146.942.357.976 đồng**, bao gồm:

+ Thu NSNN trên địa bàn được hưởng theo phân cấp là: 620.596.746.152 đồng.

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là: 292.203.437.000 đồng.

+ Thu chuyển nguồn từ năm trước sang là: 227.757.591.731 đồng.

+ Thu kết dư ngân sách năm trước là: 6.376.863.093 đồng.

+ Các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách là: 7.720.000 đồng.

2. Tổng chi ngân sách Thành phố là: **1.132.246.478.828 đồng**, đạt 166% dự toán.

(Một ngàn một trăm ba mươi hai tỷ, hai trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi tám ngàn, tám trăm hai mươi tám đồng).

Trong đó:

- Chi ngân sách cấp Thành phố là: 1.009.140.227.748 đồng.

- Chi ngân sách xã là: 123.106.251.080 đồng.

3. Kết dư ngân sách Thành phố năm 2018 là: **14.695.879.148 đồng** *(Mười bốn tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi chín ngàn, một trăm bốn mươi tám đồng).*

Trong đó:

- Ngân sách cấp Thành phố là: 2.090.010.000 đồng.

- Ngân sách xã là : 12.605.868.548 đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức phổ biến công khai Tổng quyết toán ngân sách nhà nước thành phố Cao Lãnh năm 2018 đúng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp sau khi Tổng quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 được Hội đồng nhân dân phê chuẩn mà các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán phát hiện có sai sót, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện khắc phục đúng theo yêu cầu của các cơ quan nêu trên và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố trong kỳ họp thông qua tổng quyết toán năm sau.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh khóa VII, kỳ họp lần thứ Mười một, thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- TT/HĐND, UBND Tỉnh;
- Sở Tài chính Tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- TT/HĐND; UBND xã, phường;
- LĐVP & N/C TH;
- Lưu: VT.



CHỦ TỌA

Cao Thị Phụng

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn
05 năm 2016 – 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/09/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/09/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phê chuẩn điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020 như sau:

1. Công trình điều chỉnh giảm 06 công trình. Bao gồm Lĩnh vực giao thông - hạ tầng kỹ thuật 02 công trình; Lĩnh vực Cấp nước sạch 01 công trình; Lĩnh vực Cấp điện 01 công trình và Lĩnh vực Thương mại 02 công trình.

Chi tiết kèm theo biểu số 01.

2. Công trình điều chỉnh tăng 15 danh mục công trình. Bao gồm Lĩnh vực giao thông – hạ tầng kỹ thuật 10 công trình; Lĩnh vực Cấp điện 01 công trình; Lĩnh vực Thương mại 02 công trình; Trụ sở Cơ quan quản lý nhà nước: 04 công trình và bố trí kinh phí chi bồi hoàn giải quyết khiếu nại các công trình trên địa bàn Thành phố.

Chi tiết kèm theo biểu số 02.

3. Nguồn kinh phí

- Danh mục công trình giảm vốn bố trí 38,984 tỷ đồng.
- Danh mục công trình tăng vốn bố trí 38,984 tỷ đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh khóa VIII, kỳ họp lần thứ Mười một, thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT/HĐND, UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Sở Tài chính Tỉnh ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh;
- TT/Thành ủy, UBND TP;
- ĐB HĐND Thành phố;
- TT/HĐND, UBND xã, phường;
- LĐ & CVTH VP/HĐND&UBND TP;
- Lưu: VT.



CHỦ TỌA

Cao Thị Phụng

BÁO CÁO
Về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn 05 năm 2016 - 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh

Căn cứ Chương trình họp Hội đồng nhân dân Thành phố 6 tháng đầu năm 2019;

- Ngày 14 tháng 6 năm 2019 Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh có Tờ trình số 93/TTr-UBND về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm (2016 – 2020).

- Qua ý kiến đóng góp thảo luận các Tổ đại biểu, Ủy ban nhân dân Thành phố báo bổ sung Tờ trình điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm (2016 – 2020) như sau:

* Bổ sung công trình, dự án trong cân đối nguồn vốn đầu tư 05 năm 2016 – 2020. Lĩnh vực giao thông – kết cấu hạ tầng: bổ sung 02 công trình, gồm:

- Đường Lê Văn Tám (đoạn đầu nối với đường Trần Hưng Đạo).
- Đường vào Trường Mầm Non Tịnh Thới kết nối với đường xuống Cầu Cao Lãnh. (các công trình tại Tờ trình số 93 TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 không thay đổi).

+ Danh mục công trình sau khi bổ sung.

Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận: *Trần Văn*

- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT/UBNDTP;
- Văn phòng HĐND&UBNDTP;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Cư Trinh



DANH MỤC CÔNG TRÌNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 -2020

(Kèm theo báo cáo số 163/BC-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh)

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Vốn đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		
TỔNG SỐ					39.010	39.010	38.984	
I	Chi bồi hoàn GQKN các công trình trên địa bàn TP	Thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA & PTQĐ	2019	3.540	3.540	3.540	
II	Lĩnh vực Thương mại				2.890	2.890	2.890	
1	Bể xử lý nước thải 4 chợ (Chợ Rạch Chanh, Chợ Mỹ Trà, Chợ Mỹ Ngãi và Chợ Cao Lãnh)	Thành phố Cao Lãnh	Ban Quản lý Chợ TPCL	2019	1.690	1.690	1.690	
2	Quầy thức ăn nhanh CV Hai Bà Trưng	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.200	1.200	1.200	
III	Trụ sở Cơ quan QLNN				10.650	10.650	10.650	
1	Sửa chữa trụ sở làm việc trên địa bàn (UNMD phường 4 và Trung tâm Bồi dưỡng chính trị)	Thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA & PTQĐ	2020	1.050	1.050	1.050	
2	Ban nhân dân ấp Đông Thạnh - xã Tân Tân Thuận Đông	Tân Thuận Đông	Ban QLDA & PTQĐ	2020	800	800	800	
3	Ban nhân dân khóm 4	65	Ban QLDA & PTQĐ	2020	800	800	800	
4	Trung tâm Học tập cộng đồng phường 3	Phường 3	Ban QLDA & PTQĐ	2020	8.000	8.000	8.000	
IV	Lĩnh vực Giao thông - hạ tầng kỹ thuật		Ban QLDA & PTQĐ		17.930	17.930	17.904	
1	Nâng cấp mặt đường Đặng Văn Bình (QL30-Lý Thường Kiệt)	Phường 1	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.300	1.300	1.300	
2	Nâng cấp mặt đường Nguyễn Đình Chiểu (Nguyễn Huệ- Nguyễn Du)	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.200	1.200	1.200	
3	Nâng cấp mặt đường Đốc Binh Kiều (Nguyễn Huệ- Nguyễn Du)	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.200	1.200	1.200	
4	Cải tạo sửa chữa ke co gián Cầu Đúc	Phường 2-4	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.150	1.150	1.150	
5	Cải tạo sửa chữa ke co gián Cầu Cái Sao Thượng	Phường 1-Mỹ Phú	Ban QLDA & PTQĐ	2019	420	420	394	
6	Tuyến đường từ Anh Duyệt - đầu Cồn	Tân Thuận Đông	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.500	1.500	1.500	
7	Đường Cặp hông Sở Lao động TB&XH (Đường 30/4 - cuối đường)	Phường 1	Ban QLDA & PTQĐ	2020	700	700	700	
8	Đường Lê Văn Tám (đoạn nối với đường Trần Hưng Đạo)	Phường 1	Ban QLDA & PTQĐ	2020	4.560	4.560	4.560	
9	Đường vào trường Mầm non Tịnh Thới kết nối đường xuống cầu Cao Lãnh	Tịnh Thới	Ban QLDA & PTQĐ	2020	900	900	900	
10	Hoàn thiện các hạng mục của dự án nâng cấp Đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long- Tiểu dự án thành phố Cao Lãnh còn lại sau khi đóng dự án	Thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA & PTQĐ	2020	5.000	5.000	5.000	
V	Hệ thống điện				4.000	4.000	4.000	
1	Hệ thống cấp nguồn khu tái định cư trường Cao đẳng cộng đồng	Phường Hòa Thuận	Ban QLDA&PTQĐ	2019	4.000	4.000	4.000	

Số: 93 /TTr-UBND

Thành phố Cao Lãnh, ngày 14 tháng 6 năm 2019

09

TỜ TRÌNH

Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm 2016 - 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh

I. QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố: số 40/2016/NQ-HĐN ngày 30 tháng 7 năm 2016 về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 – 2020; số 09/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020; số 18/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020; Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020; Nghị quyết số 26/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020.

Căn cứ Chương trình họp Hội đồng nhân dân Thành phố 6 tháng đầu năm 2019, Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng dự thảo Tờ trình điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm 2016 - 2020, kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố các nội dung như sau:

II. VỀ CƠ CẤU TỜ TRÌNH

Gồm 01 phần:

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm 2016 – 2020.

III. VỀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA TỜ TRÌNH

1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm 2016 – 2020

* Điều chỉnh, bổ sung công trình, dự án trong cân đối nguồn vốn đầu tư 05 năm 2016 – 2020.

- Lĩnh vực giao thông – kết cấu hạ tầng: có 186 công trình, dự án (tăng 08, giảm 2 công trình, dự án).
- Lĩnh vực nông nghiệp - thủy lợi: có 89 công trình (không tăng).
- Cấp nước: có 60 công trình (giảm 01 công trình).
- Cấp điện: có 49 công trình (giảm 01 công trình).
- Lĩnh vực giáo dục: có 31 công trình (không tăng).
- Trụ sở cơ quan: có 59 công trình (tăng 4 công trình).
- Lĩnh vực văn hóa – thông tin: có 14 công trình (không tăng).
- Lĩnh vực thương mại: có 13 công trình (tăng 2 công trình, giảm 2).

Đính kèm phụ biểu công trình giảm; biểu công trình tăng; biểu tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020.

2. Khả năng cân đối các nguồn vốn bố trí kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm 2016 - 2020

* Các nguồn vốn trong cân đối ngân sách Thành phố

Ngân sách thành phố bố trí kế hoạch: 778,92 tỷ đồng (*tăng 24,02 tỷ đồng*);
bao gồm:

- Ngân sách tập trung: 454,421 tỷ đồng (*tăng 2,82 tỷ đồng*).
- Tiền sử dụng đất: 321,704 tỷ đồng (*tăng 21,20 tỷ đồng*).
- Ngân sách xã, phường: 2,80 tỷ đồng (*không tăng*).

Trong đó, dành 72,148 tỷ đồng bố trí vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư, công tác trích lập đo đạc bản đồ sử dụng đất, trả nợ vay tín dụng đầu tư phát triển và trả nợ đọng XDCB, chi trả tiền bồi thường bổ sung các công trình trên địa bàn thành phố theo quyết định giải quyết khiếu nại cấp thẩm quyền.

* Đối với các công trình, dự án có nhu cầu đầu tư nhưng chưa cân đối được nguồn vốn thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2020, từ nay đến năm 2020 nếu được Tỉnh hỗ trợ vốn sẽ triển khai đầu tư, đồng thời sẽ tiếp tục rà soát đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021 – 2025.

III. NHỮNG NỘI DUNG ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHO Ý KIẾN

Trên cơ sở dự thảo báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm, điều chỉnh kế hoạch vốn phân bổ năm 2019 và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố cho ý kiến về:

1. Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm 2016 – 2020.
2. Bố trí nguồn chi trả tiền bồi thường bổ sung các công trình trên địa bàn thành phố theo quyết định giải quyết khiếu nại cấp thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT/UBNDTP;
- Văn phòng HĐND&UBNDTP;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Cư Trinh

DANH MỤC CÔNG TRÌNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 -2020

(Kèm theo tờ trình số: 93 /TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh)



Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Vốn đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		
	TỔNG SỐ				34.760	34.150	34.735	
I	Chi bồi hoàn GQKN các công trình trên địa bàn TP	Thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA & PTQĐ	2019	9.000	9.000	9.000	
II	Lĩnh vực Thương mại				2.890	2.890	2.890	
1	Bể xử lý nước thải 4 chợ (Chợ Rạch Chanh, Chợ Mỹ Trà, Chợ Mỹ Ngãi và Chợ Cao Lãnh)	Thành phố Cao Lãnh	Ban Quản lý Chợ TPCL	2019	1.690	1.690	1.690	
2	Quầy thức ăn nhanh CV Hai Bà Trưng	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.200	1.200	1.200	
III	Trụ sở Cơ quan QLNN				10.400	10.400	10.400	
1	Sửa chữa UBND xã, phường trên địa bàn	Thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA & PTQĐ	2020	800	800	800	
2	Ban nhân dân ấp Đông Thạnh - xã Tân Tân Thuận Đông	Tân Thuận Đông	Ban QLDA & PTQĐ	2020	800	800	800	
3	Ban nhân dân khóm 4	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2020	800	800	800	
4	Trung tâm Học tập cộng đồng phường 3	Phường 3	Ban QLDA & PTQĐ	2020	8.000	8.000	8.000	
IV	Lĩnh vực Giao thông - hạ tầng kỹ thuật		Ban QLDA & PTQĐ		12.470	11.860	12.445	
1	Nâng cấp mặt đường Đặng Văn Bình (QL30-Lý Thường Kiệt)	Phường 1	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.300	1.300	1.300	
2	Nâng cấp mặt đường Nguyễn Đình Chiểu (Nguyễn Huệ-Nguyễn Du)	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.200	1.200	1.200	
3	Nâng cấp mặt đường Đốc Binh Kiều (Nguyễn Huệ-Nguyễn Du)	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.200	1.200	1.200	
4	Cải tạo sửa chữa ke co gián Cầu Đúc	Phường 2-4	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.150	1.150	1.150	
5	Cải tạo sửa chữa ke co gián Cầu Cái Sao Thượng	Phường 1-Mỹ Phú	Ban QLDA & PTQĐ	2019	420	420	395	
6	Tuyến đường từ Anh Duy - đầu Cồn	Tân Thuận Đông	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.500	890	1.500	
7	Đường Cặp hông Sờ Lao động TB&XH (Đường 30/4 - cuối đường)	Phường 1	Ban QLDA & PTQĐ	2020	700	700	700	
8	Hoàn thiện các hạng mục của dự án nâng cấp Đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long- Tiểu dự án thành phố Cao Lãnh còn lại sau khi đóng dự án	Thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA & PTQĐ	2020	5.000	5.000	5.000	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Tờ trình số: 23/TTTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năm g lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2019			Ghi chú	
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN			Tổng số	Trong đó:			
															Thu hồi vốn đã ứng	Trả nợ XDCB		
TỔNG SỐ																		
I	Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật									46.333	45.873	38.984						
1	Hai tuyến đường, công thoát nước cấp hông đền thờ ông bà Đỗ Công Tường (đường số 4, đường số 7 đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Đồng Đa)	Phường 2	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐT		292	2019-2020	36/QĐ-UBND 09/10/2017	24.468	24.468	20.390						Vướng công tác GPMB	
2	Đường số 14 vào trường TH Võ Thị Sáu (rộng 5-9-5m, dài 328m)	Phường 3	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐT		292	2019	427/QĐ-UBND 25/10/2018	12.182	12.182	10.152						Nằm trong dự QH 68ha	
II	Lĩnh vực Cấp nước sạch									444	444	370						
1	Đường Ông Sùng đến Sáu Cửa	Mỹ Trà	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐT		311	2019		444	444	370						C/ trình hiện trạng còn SD được	
III	Lĩnh vực Cấp điện									600	600	500						
1	Tuyến điện từ cầu Rạch Vòng đến Bảy Cừ	Mỹ Trà	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐT		302	2019		600	600	500						C/ trình hiện trạng còn SD được	
IV	Lĩnh vực Thương mại									8.639	8.179	7.573						
1	Chợ Bình Trị	Mỹ Tân	KBNNĐT	UBND xã Mỹ Tân		321	2019		5.000	4.540	4.540						Vướng công tác GPMB	
2	Chợ xã Tân Thuận Đông	T.T.Đông	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐT		321	2019-2020		3.639	3.639	3.033						Dự kiến di dời điếm mới	



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
 (Trong cân đối nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020)
 (Kèm theo tờ trình số 17/Tr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khất toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020											Ghi chú	
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố				Vốn vay tín dụng (5)	Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)		
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GD 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)	Ngân sách cấp xã, phường				
TỔNG SỐ							4.064.308	3.499.091	896.000	36.503	1.443.500	104.943	454.421	321.704	228.691	2.835	5.777	4.718	
A.	Lĩnh vực Giao thông - Kết cấu hạ tầng					3.390.106	2.903.049	896.000	36.503	1.411.741	-	163.191	234.757	152.400	1.535	5.777	1.146		
I	Chuẩn bị đầu tư					700	700					700							
II	Chuẩn bị thực hiện đầu tư và thực hiện đầu tư					3.389.407	2.902.349	896.000	36.503	1.411.741	-	162.491	234.757	152.400	1.535	5.777	1.146		
1)	Chuyển tiếp của giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020					1.546.780	1.228.008	896.000	-	313.198	-	10.000	8.810	-	-	-	-		
1	Dự án nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Cao Lãnh	TPCL	BQLDA NCĐT	2012-2018		1.460.692	1.204.485	896.000		308.485									
2	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường số 9 đến đường Trần Quang Diệu)	Mỹ Phú	BQLDATP	2015-2016		2.500	2.450			2.000			450						
3	Sửa chữa Bờ kè, hoa viên đường Lê Duẩn	Mỹ Phú	BQLDATP	2015-2016		14.880	12.500					10.000	2.500						
4	Dự án khu tái định cư Trường Cao đẳng cộng đồng (hạng mục: đường Nguyễn Văn Tre nối dài)	Hòa Thuận	BQLDATP	2014-2016		64.706	5.860						5.860						
5	Đường vào khu xử lý nước thải - đoạn từ kênh ngang đến khu xử lý nước thải	Phường 3	QLĐT	2015-2017		4.002	2.713			2.713									
2)	Khoi công mới giai đoạn 2016-2020					1.842.626	1.674.342	-	36.503	1.098.544	-	152.491	225.947	152.400	1.535	5.777	1.146		
*	Các công trình giao thông trong điểm phát triển đô thị đến năm 2020 theo Nghị quyết số 01					1.172.552	1.065.457	-	-	1.024.157	-	-	18.500	22.800	-	-	-		
1	Mở rộng đường vào Sở chỉ huy Bộ đội biên phòng Tỉnh (Đường Bình Trị - đoạn QL30 đến cầu Bình Trị)	Phường 11 - Mỹ Tân	BQLDATP	2016-2017	Nền rộng 9m, mặt láng nhựa rộng 7m; L=1,33km	11.686	11.600			11.600									
2	Nâng cấp mở rộng đường Tân Việt Hòa (đoạn từ đường Phạm Hữu Lầu đến điểm đầu nối với đường vào cầu Cao Lãnh), bao gồm các cầu, cống trên tuyến	Phường 6 - Tịnh Thới	BQLDATP	2016-2017	Nền rộng 15m, mặt thảm nhựa rộng 7m; L=2,24km; vỉa hè 2,5m x 2 và 1m x 2	36.876	35.120			24.000			11.120						
3	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Trần Quang Diệu - đường Phù Đồng)	Mỹ Phú	BQLDATP	2017-2018	Nền rộng 22m, mặt thảm nhựa rộng 12m; L=0,54km; vỉa hè 5m x 2	17.323	15.000			15.000									
4	Đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ kênh 16 đến nút giao với đường từ Sở Tư pháp qua Tịnh Thới)	Phường 3	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh	2017-2019	Nền rộng 26m, mặt thảm nhựa rộng 2x7m; dây phân cách 2m, vỉa hè 2x5m; L=1,62km, đèn chiếu sáng	161.626	146.933			146.933									
5	Đường từ Sở Tư pháp kết nối đường Tân Việt Hòa	Mỹ Phú - Phường 3	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh	2017-2019	Nền rộng 26m, mặt thảm nhựa 14m; vỉa hè 6m x 2; L=2,48km cầu BTCT tại trong H=30 tấn	477.357	433.961			433.961									

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú
							Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ					Ngân sách Thành phố					
							Tổng số	ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GD 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)	Ngân sách cấp xã, phường	Vốn vay tín dụng (5)	
6	Cầu Ngõ Thờ Nhâm	Phường 1-Mỹ Tân	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh	2018-2019	cầu BTCT tải trọng H=30 tấn	59.467	54.061			46.561			7.500				
7	San lấp mở rộng đường Phạm Hữu Lầu (đoạn từ cầu Cái Tôm đến nút giao Tân Việt Hòa; bao gồm cầu Tân Việt Hòa)	Phường 6	BQLDATP	2018-2020		82.838	74.815			45.815			11.000	18.000			
8	Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở dọc sông Tiên bảo vệ dân cư thành phố Cao Lãnh (Giai đoạn 1)	T.Tây-Hòa An-Phường 6	Sở GTVT	2019-2020	Chân đê bao rộng 22m, nền đường rộng 9m, mặt lán nhựa 7m; L=20,24km; công BTCT tải trọng HL93	391.264	355.687			350.887			4.800				
	<i>Xây dựng nông thôn mới 03 xã điển hình giai đoạn 2016 - 2020</i>					<i>182.808</i>	<i>159.465</i>	<i>-</i>	<i>35.503</i>	<i>16.087</i>	<i>-</i>	<i>43.200</i>	<i>26.380</i>	<i>32.300</i>	<i>-</i>	<i>5.777</i>	<i>219</i>
9	Đường từ cầu Út Nè - Cầu Bailey (bao gồm công Chấn Còi, công Chấn Hậu)	Tỉnh Thới	BQLDATP	2016	Nền rộng 6m, mặt lán nhựa rộng 3,5m; L=0,65km	2.248	1.120		750				370				
10	Đường từ cầu Tám Nhương - cầu Bailey	Tỉnh Thới	BQLDATP	2016	Nền rộng 6m; mặt lán nhựa rộng 3,5m; L=2,3km	5.630	4.368			2.548			1.820				
11	Đường từ cầu Long Hối đến ngã ba Cây Me	Tỉnh Thới	BQLDATP	2016-2017	Nền rộng 6m, mặt lán nhựa rộng 3,5m; L=3,6km	6.800	5.416		1.986	2.690			740				
12	Đường Tô 1, ấp Tịnh Mỹ (từ công năm Kỳ đến nhà ông Xê)	Tỉnh Thới	BQLDATP	2017	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=0,8km	1.510	1.360					1.360					
13	Đường Cá Sung	Tỉnh Thới	UBND xã Tịnh Thới	2017		1.146	830		500				330				
14	Đường từ lộ nhựa Phường 6 - cầu Khém Chốt trong (tổ 5 ấp Tịnh Đông), bao gồm công Xẻo Hường trên tuyến	Tỉnh Thới	BQLDATP	2017-2018	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=0,9km	5.288	4.806		1.806				3.000				
15	Đường từ cầu đình Tịnh Mỹ - bến đò Dơi Me (gồm công Khém Sâu trên tuyến)	Tỉnh Thới	BQLDATP	2017-2018	Nền rộng 6m, mặt lán nhựa rộng 3,5m; L=1,43km	4.609	4.199			2.122					2.077		
16	Đường từ Trạm xá đến công Mã Voi	Tỉnh Thới	BQLDATP	2017-2018	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=0,5km	4.536	4.131		381				3.750				
17	Đường từ cầu Ông Khuôn đến công chùa Thới An	Tỉnh Thới	BQLDATP	2017-2018	Nền rộng 6m, mặt lán nhựa rộng 3,5m; L=2,5km	9.445	8.590		4.500				4.090				
18	Đường từ bến đò Phường 3 - chùa Hội Khánh (bao gồm đường nhánh từ cầu Tư An đến Tư Hương)	Tỉnh Thới	BQLDATP	2018-2019	Nền rộng 6m, mặt lán nhựa rộng 3,5m; L=2,7km	12.234	11.000					7.000		4.000			
19	Đường từ cầu Mười Y - ngọn Ngã Quát	Tỉnh Thới	UBND xã Tịnh Thới	2018-2019	Nền rộng 6m, mặt lán nhựa rộng 3,5m; L=2,5km	4.992	4.617		4.617								
20	Đường từ cầu Nhạc Thìn đến cầu Long Hối	Tỉnh Thới	BQLDATP	2018-2019	Nền rộng 6m, mặt lán nhựa rộng 3,5m; L=2,7km	6.111	5.000					4.000	1.000				
21	Nâng cấp mở rộng đường Tân Việt Hòa (đoạn từ cầu Rạch Miễu đến UBND xã Tịnh Thới), bao gồm các cầu, công trên tuyến	Tỉnh Thới	BQLDATP	2018-2020		32.644	29.000					3.000		26.000			Xin vốn Tỉnh
22	Đường giáp Phường 6 - nhà Chấn Bự (cầu rạch Cá Chốt)	Tỉnh Thới	BQLDATP	2019	Nền rộng 6m, mặt lán nhựa rộng 3,5m; L=1,2km	3.420	3.100					3.100					
23	Đường bờ Bắc Sông Tiên đoạn từ giáp Phường 6 đến cầu chùa Hội Khánh	Tỉnh Thới	BQLDATP	2019-2020	Nền rộng 6m, mặt lán nhựa rộng 3,5m; L=4,8km	13.616	11.500					10.000	1.500				
24	Khắc phục sạt lở bờ sông Tiên	Tỉnh Thới	BQLDATP	2019-2020	Nền rộng 6m, mặt lán nhựa rộng 3,5m; L=0,82km	5.585	5.500						1.800		3.700		
25	Đường từ bến đò Dơi Me - rạch vàm Long Sung	Tỉnh Thới	UBND xã Tịnh Thới	2020	Nền rộng 6m, mặt lán nhựa rộng 3,5m; L=1km	3.900	3.259		3.059			200					

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Vốn vay tín dụng (5)	Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)	
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GPĐ 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)			
26	Đường đan từ đường Nguyễn Hữu Kiến - cống Lộ Mới (đường chùa Tân Long)	T.T.Tây	BQLDATP	2016	Nền rộng 6m, mở rộng mặt BTCT từ 3m lên 4m; L=1,65km	1.066	940		750			190					
27	Đường từ cống Kênh Ngang - nhà Ông Út Niêm	T.T.Tây	BQLDATP	2016	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=0,8km	2.199	1.736		1.236			500					
28	Đường từ cầu Bà Y - cuối Vàm Cà Kịch	T.T.Tây	BQLDATP	2016	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=1,08km	2.000	2.000		1.350			650					
29	Đường từ cống Rạch Dưa - chùa Hồng Liên	T.T.Tây	BQLDATP	2016	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=1,0km	1.173	1.050		450			600					
30	Đường từ bên đò Kênh Ngang - nhà bà Nguyễn Thị Nữa	T.T.Tây	UBND xã T.T.Tây	2016	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=1,1km	1.841	1.670					1.670					
31	Đường vào trường tiểu học Lê Thánh Tông	T.T.Tây	BQLDATP	2016	Láng nhựa mặt đường rộng 3,5m; L=0,15km	702	690					690					
32	Đường từ bên đò Mỹ Hiệp - cầu Phạm Văn Hí	T.T.Tây	BQLDATP	2016-2017	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=1,3km	2.900	2.555		1.245			700	610				
33	Đường Tổ 15, ấp Tân Hậu	T.T.Tây	UBND xã T.T.Tây	2017		850	620		500			120					
34	Tuyến đường 4A, 4B và cống thoát nước thải vượt đường số 10 thuộc CDC Khu hành chính xã Tân Thuận Tây	T.T.Tây	BQLDATP	2017	Đường số 10: mặt nhựa rộng 7m, L=0,02km; Đường số 4A: mặt nhựa rộng 3,5m, L=0,2km; Đường số 4B: mặt rộng 3,5m, L=0,05km;	1.691	1.520					1.520					
35	Cầu qua kênh Cái Tôm (qua xã Hòa An)	T.T.Tây	BQLDATP	2017	BTCT tải trọng H=8 tấn	715	650		650								
36	Cầu đình Bàng Lãng	T.T.Tây	BQLDATP	2017	BTCT tải trọng H=8 tấn	930	900					900					
37	Đường từ cống Bàng Lãng đến đất Ông Vinh	T.T.Tây	UBND xã T.T.Tây	2017-2018	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3m; L=1,8km	2.558	2.277		1.558				500		219		
38	Đường từ cống Bà Hương - cuối đường	T.T.Tây	BQLDATP	2017-2018	Nền rộng 6m, mặt BTCT rộng 3,5m; L=0,9km	3.107	2.832		942			1.890					
39	Đường từ nhà Ông Mẫn đến cầu Bàng Lãng (mất đường)	T.T.Tây	BQLDATP	2017-2018	Mặt đường láng nhựa, mặt 3,5m, L=0,7km	2.142	1.950		1.350			600					
40	Đường Rạch Bún (đoạn từ Lộ Mới đến đất Ông Nguyễn Văn Rùm)	T.T.Tây	BQLDATP	2017-2018	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=1,2km	3.584	3.260		3.000			260					
41	Đường từ cống Bảy Tô đến đất Ông Phương	T.T.Tây	BQLDATP	2019	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=1,3km	3.259	3.059		3.059								
42	Cầu Khai Long (qua chùa Hồng Liên)	T.T.Tây	UBND xã T.T.Tây	2020	BTCT tải trọng H=8 tấn	2.015	2.000		2.000								
43	Đường từ cầu Bàng Lãng - cống Bàng Lãng	T.T.Tây	UBND xã T.T.Tây	2020	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=0,6km	1.620	1.059		1.059								
44	Đường từ Mương Khai - cầu Bà Mu	Mỹ Trà	BQLDATP	2016	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=0,8km	1.223	1.050					1.050					
45	Đường từ nghĩa địa nhân dân - vườn Ông Huệ - cầu kênh Hội Đồng	Mỹ Trà	BQLDATP	2016-2017	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=3,11km	6.723	6.152		4.882			400	870				
46	Đường từ Mương Khai - kênh Hội Đồng, ấp 2	Mỹ Trà	BQLDATP	2016-2017	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=2,2km	3.955	3.070		2.600			470					
47	Đường từ cầu Ông Hoàn - giáp phường Mỹ Phú	Mỹ Trà	BQLDATP	2017	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=2,9km	1.414	1.230					1.230					
48	Đường từ Mương Khai - kênh Hội Đồng, ấp 1 (bao gồm cống Ông Sùng)	Mỹ Trà	BQLDATP	2017	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=2,2km	5.706	4.300					4.300					
49	Đường từ cầu Rạch Chanh - cống Bà Mu	Mỹ Trà	BQLDATP	2017	Mở rộng đường đan BTCT lên 3,5m; L=0,9km	661	500					500					
50	Đường từ cầu Quảng Khánh - cầu Ông Phúc	Mỹ Trà	BQLDATP	2017	Mở rộng đường đan BTCT lên 3,5m; L=0,8km	447	390					390					

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Vốn vay tín dụng (5)	Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)	
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GD 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)			
51	Hệ thống công thoát nước mưa ở Quảng Khánh	Mỹ Trà	BQLCTCC	2017		1.593	1.460					1.460					
52	Đường từ ngã ba vườn ông Huệ - cầu Bà Vai	Mỹ Trà	BQLDATP	2018	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=1,3km	3.019	2.750						2.750				
*	<i>Các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng ưu tiên đầu tư giai đoạn 2016 - 2020</i>					<i>487.266</i>	<i>449.420</i>	<i>-</i>	<i>1.000</i>	<i>58.300</i>	<i>-</i>	<i>109.291</i>	<i>181.067</i>	<i>97.300</i>	<i>1.535</i>	<i>-</i>	<i>927</i>
53	Đường cấp nước Ban nhân dân Khóm 1	Phường 1	UBND Phường 1	2016	Láng nhựa rộng 5m, L=0,12km	535	535							535			
54	Đường Nguyễn Quang Diêu nối dài - đường Trần Phú nối dài	Phường 1	BQLDATP	2016-2017	Nền rộng 15m, mặt thảm nhựa rộng 7m; L=0,4km; vỉa hè	5.284	4.000					4.000					
55	Chỉnh trang hoa viên, vỉa hè đường Đặng Văn Bình (lề phải đoạn từ đường 30/4 đến đường Lý Thường Kiệt)	Phường 1	BQLCTCC	2017		217	200					200					
56	Vỉa hè đường 30/4 (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến ngã tư Nguyễn Huệ - cầu Đức)	Phường 1	BQLCTCC	2017-2018		6.979	6.340					6.340					
57	Vỉa hè đường 30/4 (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Nguyễn Văn Bảnh)	Phường 1	BQLCTCC	2018		1.561	1.420					1.420					
58	Công thoát nước đường Nguyễn Quang Diêu (đoạn từ Trụ sở UBND Khóm 1 đến đường 30/4)	Phường 1	BQLCTCC	2018		913	830					830					
59	Vỉa hè đường Lý Thường Kiệt	Phường 1	BQLDATP	2018		3.000	3.000						3.000				
60	Vỉa hè đường Nguyễn Huệ (đoạn từ cầu Đức đến Bưu điện Đồng Tháp)	Phường 1, 2	BQLDATP	2018		4.354	3.900					3.900					
61	Đường Nguyễn Minh Trí và đường Lê Thị Hồng Gấm	Phường 2	BQLDATP	2017	Nền rộng 15m, mặt thảm nhựa rộng 7m; L=0,2km	2.990	2.500						2.500				
62	Chỉnh trang hẻm đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Nguyễn Trãi	Phường 2	BQLDATP	2018		500	500					500					
63	Đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường Nguyễn Huệ - đường Hùng Vương)	Phường 2	BQLDATP	2019	Nền rộng 11m, mặt láng nhựa rộng 5m; L=0,08km	2.000	1.800					1.800					
64	Chỉnh trang hẻm sau đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường 2	BQLDATP	2019		4.277	3.800					3.800					
65	Cầu Đổ Công Tường	Phường 2, Phường 4	BQLDATP	2019-2020		7.000	6.360					6.360					
66	Sàn lắp kênh Thầy Cừ - đoạn từ nhà ông Út Lộc đến cầu Vàm Đĩnh (bao gồm công Vàm Đĩnh)	Phường 2, Phường 3	BQLDATP	2017-2018	L=60m, đầu nối hệ thống thoát hiện hữu, tháo dỡ cầu; nền và mặt đường BTNN đường Ngô Quyền nối dài, kè	3.602	3.270					1.970	1.300				
67	Đường vào trụ sở UBND Phường 3	Phường 3	BQLDATP	2017-2018	Nền rộng 19m, mặt láng nhựa rộng 7m; L=0,34km	13.707	12.120					10.900	220	1.000			
68	Đường số 3 (đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Bảy đường Trần Thị Thu đến đường hiện trạng khu tập thể ngân hàng)	Phường 4	UBND Phường 4	2018	Đan BTCT rộng 4m; L=0,25km	977	880					880					
69	Đường tổ 38, nhóm 4 (rạch Ba Khía)	Phường 4	BQLDATP	2018	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=0,5km	2.092	1.900					1.900					

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú	
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố		Vốn vay tín dụng (5)	Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)			
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GD 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất			Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)		Ngân sách cấp xã, phường
70	Via hè, công thoát nước đường Nguyễn Thái Học (đoạn cầu Y tế - cầu Cái Tôm trong)	Phường 4	BQLDATP	2019		3.039	2.760					2.760						
71	Cầu Nguyễn Bình Khiêm	Phường 4	BQLDATP	2019-2020	BTCT, tải trọng H=30 tấn	14.000	12.000					7.000		5.000				
72	Via hè, công thoát nước đường Lê Văn Đáng	Phường 4	BQLDATP	2016		250	250					250						
73	Cầu Sông Tiên	Phường 6	BQLDATP	2016	BTCT tải trọng H=8 tấn	1.000	1.000							1.000				
74	Bến phà chui Cao Lãnh - Lấp Vò (gần vị trí phà Cao Lãnh cũ)	Phường 6	BQLDATP	2019-2020	BTCT tải trọng H=8 tấn	16.159	13.000					2.000		11.000				
75	Đường tổ 31, 32, 33, khóm 4	Phường 11	BQLDATP	2016-2017	Nền rộng 6m; mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=0,9km	2.544	2.180					2.180						
76	Nắn tuyến sat lộ đường nhựa Khóm 3	Phường 11	BQLDATP	2018		1.087	1.080					1.080						
77	Khắc phục sat lộ đường Trần Văn Năng	Phường 11	BQLDATP	2018		1.242	1.240					1.240						
78	Đường tổ 28, khóm 4	Phường 11	BQLDATP	2018-2019	Đường thảm nhựa rộng 3,5m; L=0,7km	4.509	4.250							4.100			150	
79	Đường vào trạm tế phường Mỹ Phú	Mỹ Phú	BQLDATP	2017	Nền rộng 5m, mặt thảm nhựa rộng 3m, L=0,09km	565	510					510						
80	Đường tổ 19 (từ giáp ranh Tòa án đến đường số 12)	Mỹ Phú	BQLDATP	2017	Nền rộng 5m, mặt BTCT rộng 3m, L=0,25km, hồ ga	640	580					580						
81	* Các tuyến đường xung quanh khu liên hợp thể dục thể thao Tỉnh:	Mỹ Phú	BQLDATP	2017-2018		42.166	35.140			32.300				2.840				
82	Đường Đ-01 (đoạn từ khán đài A đến đường Thủ Khoa Huân - Trần Quang Diệu)				Nền rộng 20m, mặt thảm nhựa rộng 12; L=0,13km; vỉa hè 4m và 5,4m		-											
83	Đường Đ-02 (đoạn từ đường Đ-03 đến khán đài A)				Nền rộng 15m, mặt thảm nhựa rộng 7m; L=0,17km; vỉa hè 3m và 5m		-											
84	Đường Đ-03 (đoạn từ đường Điện Biên Phủ đến đường vào cổng khán đài C)				Nền rộng 13m, mặt thảm nhựa rộng 7m; L=0,4km; vỉa hè 3m x 2		-											
85	Đường Đ-04 (đoạn từ đường Phù Đổng đến cổng vào khán đài)				Nền rộng 13m, mặt thảm nhựa rộng 6,5m; L=0,6km; vỉa hè 3m x 2		-											
86	Đường Thủ Khoa Huân nối dài				Nền rộng 20m, mặt thảm nhựa rộng 16; L=0,11km; vỉa hè 5m x 2		-											
87	Đường Hàm Nghi nối dài (đoạn từ cổng khán đài B đến đường Đ-03)				Nền rộng 17,5m, mặt thảm nhựa rộng 7m; L=0,15km; vỉa hè 3m và 7,5m		-											
88	Sân lấp mặt bằng các khu nhà bộ môn (sân bóng đá mini, sân tập luyện võ thuật, sân quần vợt) và bồi thường						2.400						2.400					
89	Nâng cấp đường Tôn Đức Thắng (từ cầu Cái Sao Thượng đến đường Điện Biên Phủ)				L=0,8km; hệ thống công thoát nước; vỉa hè rộng 7,5m (01 bên phía Khu liên hợp)		-											
90	Đường cấp sông Quảng Khánh (đoạn từ cổng Bảy Bùn đến cầu Quảng Khánh)	Mỹ Phú	BQLDATP	2018	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=1,0km	1.130	1.020					1.020						
91	Đường cấp hông Trường lái kết nối xã An Bình	Mỹ Phú	BQLDATP	2018	Nền rộng 24m, mặt thảm nhựa rộng 12m, vỉa hè 4mx2; L=0,35km	3.183	2.900						2.900					

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Vốn vay tín dụng (5)	Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)	
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GĐ 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)			
92	Đường số 12 (cấp hông nghĩa trang liệt sĩ Tỉnh và sau Tòa án Tỉnh)	Mỹ Phú	BQLDATP	2018-2019	Nền rộng 18m, mặt thảm nhựa rộng 10m, L=0,4km, vỉa hè 4mx2	10.952	9.950					9.950					
93	Sân lấp rạch mở rộng đường Tắc Thủy Cai (đoạn từ đường Lê Đại Hành đến QL30, bao gồm lấp đất cống thoát nước)	Mỹ Phú	BQLDATP	2019-2020	Nền rộng 15m; L=0,40km	12.600	11.500						10.000	1.500			
94	Cống thoát nước, vỉa hè đường Lê Duẩn (từ UBND Phường đến đường Tôn Đức Thắng)	Mỹ Phú	BQLDATP	2019-2020	Hệ thống cống thoát nước; vỉa hè rộng 3m x 2; L=0,94km;	4.600	4.180					4.180					
95	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ Phù Đổng đến đường Tắc Thủy Cai)	Mỹ Phú	BQLDATP	2019-2020	Nền rộng 22m, mặt thảm nhựa rộng 12m; L=0,54km; vỉa hè 5m x 2	48.000	48.000						48.000				Xin vốn Tỉnh
96	Nâng cấp, mở rộng đường Võ Văn Trĩ	Hòa Thuận	BQLDATP	2017-2018		8.971	7.470					7.470					
97	Cầu và đường vào cầu Lò Rèn	Hòa Thuận	BQLDATP	2018	BTCT tải trọng H=8 tấn	2.409	2.190						2.190				
98	Các tuyến đường xung quanh Trường Nguyễn Chí Thanh	Hòa Thuận	BQLDATP	2019-2020	01 tuyến rộng 5-7-5m, dài 127m; 01 tuyến rộng 5-7-5, dài 167m; 01 tuyến rộng 5-5,5-5m, dài 167m	14.829	13.000						12.000	1.000			
99	Khắc phục sạt lở đường Cái Tác (đoạn trước nhà máy nước)	Hòa An	BQLDATP	2016-2017		1.876	1.670						1.670				
100	Khắc phục sạt lở bờ sông Tiên (đoạn từ bến phà Hòa An - Tân Thuận Đông đến nhà máy nước Đông Bình)	Hòa An	BQLDATP	2018		2.300	2.300						2.300				
101	Cống Hồ Chúa Càng	T.T.Đông	BQLDATP	2016-2017	BTCT tải trọng H=20 tấn	2.966	2.700					2.700					
102	Đường từ cửa Anh Rắt đến cửa Anh Dóm	T.T.Đông	BQLDATP	2017	Nền rộng 5m, mặt BTCT rộng 3m, L=1,14km	2.870	2.300					2.300					
103	Cầu qua trường THCS Tân Thuận Đông	T.T.Đông	BQLDATP	2017-2018	BTCT tải trọng H=8 tấn	1.916	1.740					1.740					
104	Đường từ Hai Tinh - Anh Duy	T.T.Đông	BQLDATP	2018	Nâng cấp mặt BTCT rộng từ 2m lên 3,5m; L=1,8km	2.196	2.000					2.000					
105	Đường tránh sạt lở cửa Năm Gà	T.T.Đông	BQLDATP	2018-2019		3.328	3.020					3.020					
106	Sân lấp mặt bằng, làm hàng rào khu nghĩa trang	T.T.Đông	BQLDATP	2019		2.200	2.000					2.000					
107	Cầu Cá Gừa	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2017	BTCT tải trọng H=5 tấn	730	730		500			230					
108	Đường Vạn Thọ (từ nhà ông Sáu Khôi đến rạch Ông Cai), bao gồm cầu Cá Xáng trên tuyến	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2017-2018	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=1,75km	5.253	4.780					4.780					
109	Cầu và đường vào UBND xã Mỹ Ngãi	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2017-2018	BTCT tải trọng H=8 tấn	12.744	11.590					11.590					
110	Đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ QL30 đến cầu Mỹ Ngãi)	Phường 11, Mỹ Ngãi	BQLDATP	2017-2018	Mở rộng nền rộng 9m, mặt láng nhựa rộng 7m; L=1,5km; cầu BTCT tải trọng 30 tấn	14.980	13.620					13.620					
111	Mở rộng đường Mai Văn Khai (đoạn từ đường Bình Trị đến đường Trần Văn Năng)	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2018	Mở rộng nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=4,5km	3.838	3.490					3.490					
112	Tuyến đê bao áp 1, áp 2 (đoạn từ đường Mai Văn Khai đến cuối đường Trần Văn Năng)	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2018	Nền rộng 5m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=2,2km	3.004	2.730					2.730					
113	Đường từ cầu Cá Xáng - cầu Cá Xáng 2	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2018	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=1,8km	4.390	3.990					3.990					
114	Cầu Cá Xáng 2	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2018	BTCT tải trọng H=8 tấn		-										chung với đườ

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú	
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Ngân sách cấp xã, phường	Vốn vay tín dụng (5)		Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GĐ 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)				
115	Đường từ cầu Kháng Chiến đến cầu Kháng Chiến 2	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2018	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=1,2km	2.023	1.840											
116	Cầu Kháng Chiến	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2018	BTCT tái trọng H=8 tấn		-											chung với đường
117	Cầu Ông Phú	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2017		467	467	350										117
118	Cầu Tám Hữu	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2017		200	200	150										50
119	Đường Bà Vai (đoạn cầu cầu Kháng Chiến - Kênh Ranh)	Mỹ Tân	BQLDATP	2017-2018	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=2,77km	7.572	6.880					6.880						
120	Đường Tram y tế (đoạn từ từ đường Mai Văn Khái - cầu sắt Bà Học)	Mỹ Tân	BQLDATP	2017-2018	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=1,0km	2.299	2.090					2.090						
121	Cầu Bà Học ngoài (đi huyện Cao Lãnh)	Mỹ Tân	BQLDATP	2017-2018	BTCT tái trọng H=8 tấn	2.331	2.110					2.110						
122	Cầu Ông Chim	Mỹ Tân	BQLDATP	2017-2018	BTCT tái trọng H=8 tấn	2.719	2.470					2.470						
123	Cầu Kháng Chiến	Mỹ Tân	BQLDATP	2017-2018	BTCT tái trọng H=8 tấn	2.356	2.140					2.140						
124	Cầu Bà Học trong (đi KDC Bà Học)	Mỹ Tân	BQLDATP	2017-2018	BTCT tái trọng H=8 tấn	3.017	2.740					2.740						
125	Đường Vạn Thọ (đoạn cầu Vạn Thọ - cầu Ông Đen), bao gồm cầu Ông Đen trên tuyến	Mỹ Tân	BQLDATP	2017-2018	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=2,7km	7.660	6.960					6.960						
126	Đường áp Chiến Lược (đoạn cống Chiến Lược - đường Ông Thọ)	Mỹ Tân	BQLDATP	2017-2018	Nền rộng 6m, mặt đan BTCT rộng 3,5m; L=1,0km	2.631	2.390					2.390						
127	Cầu Ông Chim trong (cuối tuyến đường Bà Vai đi xã Tân Nghĩa)	Mỹ Tân	BQLDATP	2018	BTCT tái trọng H=8 tấn	2.691	2.440					2.440						
128	Đường Ông Hồ	Mỹ Tân	BQLDATP	2018	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=01km	3.269	2.970					2.970						
129	Đường Cái Sao	Mỹ Tân	BQLDATP	2018	Mở rộng đan BTCT rộng 3,5m; L=3,2km	2.750	2.500					2.500						
130	Đường Ông Cà (đoạn từ QL30 đến đường Cái Sao)	Mỹ Tân	BQLDATP	2018	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=1,3km	2.657	2.420					2.420						
131	Mở rộng đường Mai Văn Khái (đoạn cầu UBND - cống Bô Từ đến đường Bình Trị) kể cả cầu Ba Sao	Mỹ Tân	BQLDATP	2018-2019	L=3,7km; Đoạn 1: Mở rộng nền rộng 9m, mặt láng nhựa rộng 7m; đoạn 2: mở rộng đan BTCT rộng 1m	30.949	28.320					21.320	7.000					
132	Cầu Bà Vai	Mỹ Tân	BQLDATP	2018-2019	BTCT tái trọng H=30 tấn	14.952	13.600					800	12.800					Xin vốn Tỉnh
133	Đề án phát triển cây xây đô thị (Chinh trang đô thị, trồng cây xanh các công viên, hoa viên, vỉa hè các tuyến đường)	TPCL	BQLCTCC	2016-2020		30.000	30.000	26.000				4.000						
134	Chinh trang, duy tu, sửa chữa cầu, đường, vỉa hè, hệ thống cống thoát nước trên địa bàn Thành phố	TPCL	BQLCTCC	2016-2020		5.000	5.000					300	4.700					
135	Kè và đường vào Trường TH Ngô Thời Nhiệm	Hòa An	BQLCTCC	2019		2.041	2.041					2.041						
136	Hẻm Lê Quý Đôn - Trương Định (Cấp khách sạn Xuân Mai)	Phường 1	BQLDATP	2019		726	726					726						
137	Hệ thống thoát nước khu 500	Phường Mỹ Phú	BQLDATP	2019		5.531	5.531					5.531						
138	Dự án khu dân cư Khóm 3 phường 1 (Bồi thường)	Phường Mỹ Phú	BQLDATP	2019		22.500	22.500					22.500						
139	Nâng cấp mặt đường Đặng Văn Bình (QL30-Lý Thường Kiệt)	Phường 1	Ban QLDA & PTQĐ	2019		1.300	1.300					1.300						
140	Nâng cấp mặt đường Nguyễn Đình Chiểu (Nguyễn Huệ-Nguyễn Du)	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2019		1.200	1.200					1.200						

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020									Ghi chú	
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Vốn vay tín dụng (5)		Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GD 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)			
141	Nâng cấp mặt đường Đốc Bình Kiều (Nguyễn Huệ- Nguyễn Du)	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2019		1.200	1.200					1.200					
142	Cải tạo sửa chữa ke co gián Cầu Đúc	Phường 2-4	Ban QLDA & PTQĐ	2019		1.150	1.150					1.150					
143	Cải tạo sửa chữa ke co gián Cầu Cái Sao Thượng	Phường 1- Mỹ Phú	Ban QLDA & PTQĐ	2019		420	420					420					
144	Tuyến đường từ Anh Duyệt - đầu Cồn	Tân Thuận Đông	Ban QLDA & PTQĐ	2019		1.500	1.500					890			610		
145	Đường Cặp hồng Sứ Lao động TB&XH (Đường 30/4 - cuối đường)	Phường 1	Ban QLDA & PTQĐ	2020		700	700					700					
146	Hoàn thiện các hạng mục của dự án nâng cấp Đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long- Tiểu dự án thành phố Cao Lãnh còn lại sau khi đóng dự án	Thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA & PTQĐ	2020		5.000	5.000					5.000					
*	Ngành Tỉnh đầu tư																
1	Mở rộng đường Ông Thọ (đoạn giáp QL30 - giáp đường Lộ Mới KDC Bà Học)	Mỹ Tân		2020												Tỉnh đầu tư	
2	Cầu Ông Thọ trong (qua sông Cái Sao)	Mỹ Tân		2020												Tỉnh đầu tư	
*	Xã hội hóa																
1	San lấp Kênh Cũ và lấp đặt cống thoát nước (đoạn từ QL30 đến Ban nhân dân tự quản khóm 4)	Phường 11														KCN đầu tư	
2	Nâng cấp bến khách ngang sông và đường dẫn bến Phường 11	Phường 11															
3	Tuyến đường xóm Rạch Nhỏ	Mỹ Trà															
4	Cầu Rạch Vông	Mỹ Trà															
5	Cầu Hòa Lợi	Hòa An															
6	Cầu Kênh Xáng (Út Long)	T.T.Đông															
7	Đường từ cầu Kênh Ngang - bến đò Kênh Ngang	T.T.Tây															
8	Đường từ cống Quốc Bình đến UBND xã	T.T.Tây															
9	Đường từ cống chùa Thiên Đà - rạch Cái Tôm	T.T.Tây															
10	Cầu qua rạch Cù Kịch (tiếp giáp với đường vào chùa Hồng Liên)	T.T.Tây														Vốn tài trợ	
11	Cầu Phạm Văn Hi	T.T.Tây															
12	Cầu rạch Bà Thao	T.T.Tây															
13	Cầu kênh Ngang	T.T.Tây															
14	Cầu Hồng Liên 1	T.T.Tây															
15	Cầu Hồng Liên 2	T.T.Tây															
16	Đường từ cống Long Sung đến Thành Long	Tịnh Thới															
17	Đường Tổ 5, ấp Tịnh Long	Tịnh Thới															
18	Cầu Nhạc Thôn	Tịnh Thới															
19	Cầu Ông Quới	Tịnh Thới															
20	Cầu Hai Yên	Tịnh Thới															
21	Cầu rạch Cá Chốt	Tịnh Thới															
22	Cầu Long Hoi	Tịnh Thới															
23	Cầu Tư An	Tịnh Thới															
24	Cầu Bảy Pháp	Tịnh Thới															

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú			
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Ngân sách cấp xã, phường	Vốn vay tín dụng (5)		Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)		
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GĐ 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)						
25	Cầu Cái Qua	Tỉnh Thới																		
26	Cầu Hội Khánh	Tỉnh Thới																		
27	Cầu Dân Lập	Tỉnh Thới																		
28	Đường Cá Điền	Mỹ Tân																		
29	Đường Rạch Dâu	Mỹ Tân																		
30	Đường rạch Bà Lối	Mỹ Tân																		
31	Cầu Út Lâm	Mỹ Tân																		
32	Cầu Cà Cối	Mỹ Ngãi																		
33	Cầu Khánh Nhi	Mỹ Ngãi																		
III	Dự phòng					-	-													
B.	Lĩnh vực Nông nghiệp - Thủy lợi					55.419	49.858	-	-	-	-	3.230	-	46.628	-	-	-			
I	Chuẩn bị đầu tư					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
II	Chuẩn bị thực hiện đầu tư và thực hiện đầu tư					55.419	49.858	-	-	-	-	3.230	-	46.628	-	-	-			
1)	Chuyển tiếp của giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020					3.332	3.330	-	-	-	-	-	-	3.330	-	-	-			
1	Nạo vét rạch Ông Khuôn (đoạn từ sông Tiên đến cầu Hai Yển)	Tỉnh Thới	UBND xã Tỉnh Thới	2015-2016	L=1,7km	360	250							250						
2	Nạo vét rạch từ cầu Tram Xá - cống Mã Voi	Tỉnh Thới	UBND xã Tỉnh Thới	2015-2016	L=2,6km	604	510							510						
3	Nạo vét kênh Cà Xáng kết hợp đê bao (bờ Nam)	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2015-2016	L=1,6km	470	410							410						
4	Nạo vét kênh (từ cống Bà Hường đến nhà ông Nguyễn Văn Ham)	T.T.Tây	UBND xã T.T.Tây	2015-2016	L=1,1km	226	200							200						
5	Nạo vét kênh từ cống Bảy Tò đến đất ông Thơ	T.T.Tây	UBND xã T.T.Tây	2015-2016	L=1,2km	335	300							300						
6	Nạo vét kênh đoạn từ cầu Ông Hoàn đến giáp phường Mỹ Phú	Mỹ Trà	UBND xã Mỹ Trà	2015-2016	L=2,4km	1.730	1.570							1.570						
7	Nạo vét kênh Cá Trê	Phường 11	UBND Phường 11	2015-2016		107	90							90						
2)	Khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020					51.586	46.528	-	-	-	-	3.230	-	43.298	-	-	-			
1	Nạo vét sông Cao Lãnh	TPCL	BQLDATP	2019-2020		12.021	10.900					900		10.000						
2	Nạo vét kênh thủy lợi từ ngã ba Rạch Bãi đến đất ông Thành	Phường 3	UBND Phường 3	2016	L=0,8km	125	120							120						
3	Cống Bà Hai A	Phường 3	BQLDATP	2017		575	520							520						
4	Cống Vàm Đính	Phường 3	BQLDATP	2018																
5	Nạo vét Rạch Bãi (đoạn từ nhà Ông Ký đến cuối rạch khóm Mỹ Thiện)	Phường 3	UBND Phường 3	2019		90	90							90						
6	Nạo vét Rạch Bãi (đoạn từ nhà Bà Nguyễn khóm Mỹ Thiện)	Phường 3	UBND Phường 3	2019		85	85							85						
7	Nạo vét rạch (đoạn từ nhà Bà Thuyền đến cuối rạch)	Phường 3	UBND Phường 3	2019		130	130							130						
8	Nạo vét rạch Khém Bún (từ cống Khém Bún đến giáp đường nhựa trước Trường TH Phan chu Trinh)	Phường 6	UBND Phường 6	2016	L=0,4km	139	130							130						
9	Nạo vét kênh Bào Sen (đoạn từ nhà ông Lê Tứ Hải đến sông Tiên)	Phường 6	UBND Phường 6	2016	L=1,5km	230	220							220						
10	Nạo vét kênh Khém Vườn (đoạn từ đường Phạm Hữu Lầu đến giáp Kênh Ranh xã Hòa An)	Phường 6	UBND Phường 6	2016	L=1,0km	183	180							180						

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú	
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Vốn vay tín dụng (5)	Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)		
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GĐ 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)				
11	Nạo vét kênh Cản Quych	Phường 6	UBND Phường 6	2017	L=1,0km	503	460									460		
12	Nạo vét rạch Cái Bún, khóm 4	Phường 6	UBND Phường 6	2018		226	210									210		
13	Nạo vét rạch Khém Mía	Phường 6	UBND Phường 6	2018		355	320									320		
14	Sửa chữa, nâng cấp cống Áo Đen, cống Hai Trí, lấp đất phai cống đường vào chùa Kim Quang	Phường 6	UBND Phường 6	2018		586	533									533		
15	Nạo vét kênh Kháng Chiến	Phường 11	UBND Phường 11	2017		254	230									230		
16	Cải tạo, sửa chữa cống Rạch Bần, Rạch Sung, Lun Sen, Rạch Nhum	Phường 11	UBND Phường 11	2017		748	680									680		
17	Cống qua kênh Cũ	Phường 11	BQLDATP	2018		562	510									510		
18	Nạo vét rạch Cái Sơn (đoạn từ cống Cái Sơn đến nhà ông Bé Tư)	Hòa Thuận	UBND phường Hòa Thuận	2016	L=0,7km	173	170									170		
19	Nạo vét rạch Bà Phần (từ cống Bà Phần đến giáp xã Hòa An)	Hòa Thuận	UBND phường Hòa Thuận	2016	L=1,4km	211	210									210		
20	Nạo vét rạch từ cống ông Hồng đến cống Bảy Chiến, cống Ba Hớn	Hòa An	UBND xã Hòa An	2016	L=1,7km	350	260									260		
21	Nạo vét tiêu vùng HA4 (đoạn từ cống Bà Hường đến cống Hai Chiến)	Hòa An	UBND xã Hòa An	2016	L=0,8km	176	140									140		
22	Nạo vét kênh Lung Ông Tà (đoạn từ cống Bảy Việt đến giáp ranh xã Tân Thuận Tây)	Hòa An	UBND xã Hòa An	2016	L=0,70km	173	80									80		
23	Nạo vét kênh tập đoàn 9 (đoạn từ cống Mười triệu - cống tổ 14, ấp Hòa Mỹ)	Hòa An	UBND xã Hòa An	2018		527	480									480		
24	Nạo vét rạch Cá He (đoạn từ cống Cá He - Cống Ông Cá, Cống áp Phước)	Hòa An	UBND xã Hòa An	2018		581	530									530		
25	Nạo vét rạch Ba khía (đoạn từ lộ Hòa Đông đến giáp phường 4)	Hòa An	UBND xã Hòa An	2018		301	280									280		
26	Nạo vét rạch Ông Đá (từ cống Ông đá đến cuối tuyến)	Hòa An	UBND xã Hòa An	2019		350	350									350		
27	Nạo vét kênh Ông Hai (đoạn từ cống Ngã Bát đến giáp cùng)	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2016	L=1,3km	345	250									250		
28	Nạo vét kênh Chiến Lược (đoạn giáp đường Ông Thọ đến Cà Đức)	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2016	L=0,7km	187	130									130		
29	Cống Bò Từ trong	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2016		170	160									160		
30	Cống Rạch Dầu trong	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2016		182	170									170		
31	Cống Trùm Thiên ngoài	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2016		270	270									270		
32	Nạo vét kết hợp đập bờ bao tiêu vùng 4, 5 (Đường Ông Chim - đoạn cầu Bà Học đến cầu Ông Chim)	Mỹ Tân	BQLDATP	2017	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=2,5km	4.328	3.630					230				3.400		
33	Nạo vét kết hợp đập bờ bao tiêu vùng 3, xã Mỹ Tân (Đường Lộ Mới - đoạn từ cầu Vạn Thọ đến cầu sắt Bà Học)	Mỹ Tân	BQLDATP	2017	Nền rộng 6m, mặt láng nhựa rộng 3,5m; L=1,5km	2.338	2.140					140				2.000		
34	Cống Lục Trâm	Mỹ Tân	BQLDATP	2017-2018		641	580									580		
35	Nạo vét rạch Bà Tăng	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2017	L=0,7km	228	210									210		

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Vốn vay tín dụng (5)	Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)	
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GĐ 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)			
36	Nạo vét kênh Ông Chấn	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2017		178	160							160			
37	Nạo vét kết hợp đắp bờ bao tiêu vùng 6	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2018		898	820							820			
38	Nạo vét kết hợp đắp bờ bao tiêu vùng 7 (đoạn từ cầu Bà Học ngoài đến giáp ranh xã Tân Nghĩa)	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2018		2.110	1.920							1.920			
39	Nạo vét kết hợp đắp bờ bao tiêu vùng 7 (đoạn từ cầu Lục Trầm đến giáp xã Tân Nghĩa)	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2018		1.895	1.720							1.720			
40	Nạo vét kênh Hàng Trầm (từ công Hàng Trầm đến công Sáu Bông)	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2018		405	360							360			
41	Nạo vét kênh Ông Trí và công tròn	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2018		427	390							390			
42	Công Bà Mu	Mỹ Trà	BQLDATP	2018		1.212	1.100							1.100			
43	Nâng cấp phay các công Doi Miếu, Tư Nhin (trên tuyến đê bao ấp 2)	Mỹ Trà	BQLDATP	2016		459	450							450			
44	Công rạch Khách Nhì	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2016		200	190							190			
45	Công Út Khánh	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2016		282	250							250			
46	Công Bầy Sung	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2016		272	250							250			
47	Công Chín Đức	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2016		250	240							240			
48	Công Diêu Gà	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2016		230	230							230			
49	Nạo vét rạch Khách Nhì kết hợp đê bao (bờ Bắc)	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2017	L=2,7km	737	670							670			
50	Nạo vét rạch Cái Sao	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2017	L=2,0km	392	360							360			
51	Nạo vét kênh KC1	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2017		340	310							310			
52	Sửa chữa công KC1, công Mương Trâu	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2017		73	70							70			
53	Nạo vét rạch ấp 1, ấp 2 kết hợp tu sửa bờ bao	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2017-2018		290	260							260			
54	Nạo vét rạch Mương Trâu kết hợp tu sửa bờ bao	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2017-2018		230	210							210			
55	Nạo vét rạch Bầy Sung	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2018		152	140							140			
56	Công Tám Chấn	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2018		312	290							290			
57	Nạo vét kênh Cá Cái	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2018	L=2,1km	433	390							390			
58	Công Út Được	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2019		320	320							320			
59	Công Út Hào	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2019		280	280							280			
60	Công Khém Sâu, ấp Tịnh Đông	Tịnh Thới	UBND xã Tịnh Thới	2016		335	320							320			
61	Công Ông Kiềm, ấp Tịnh Châu - Tịnh Hùm	Tịnh Thới	UBND xã Tịnh Thới	2016		366	350							350			

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú			
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố				Vốn vay tín dụng (5)		Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)		
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GĐ 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)						
62	Công Tầm Nhường	Tỉnh Thới	BQLDATP	2017		798	720													
63	Nâng cấp công Năm Kỳ, Năm Bờ	Tỉnh Thới	BQLDATP	2017		387	350													
64	Công bên đò Dơi Me	Tỉnh Thới	BQLDATP	2017-2018		1.484	1.350													
65	Nạo vét rạch từ Bảy Ngổng đến công Bà Diều	Tỉnh Thới	UBND xã Tỉnh Thới	2018		532	480													
66	Nạo vét rạch Cà Môn đến công ngầm Khém Sâu	Tỉnh Thới	UBND xã Tỉnh Thới	2018		383	340													
67	Nạo vét rạch Xẻo Hường, Tô 6, ấp Tỉnh Đông	Tỉnh Thới	UBND xã Tỉnh Thới	2018		196	180													
68	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các công và phai công trên địa bàn xã Tỉnh Thới: công Cồn Cát, Khém Sâu (TV1); công Ông Kiềm, Sáu Hạnh, Bảy Đền, Bếp Thiệt, Thới Long, Song Sinh, Út Mắm (TV2); Thới An, Năm Lý, Ba Sùng, Hồ Hiệp(TV4-5)	Tỉnh Thới	UBND xã Tỉnh Thới	2018		752	690													
69	Nạo vét rạch Bún (đoạn từ nhà Ông Thanh đến nhà Ông Hạng), ấp Tân Hùng	T.T.Tây	UBND xã T.T.Tây	2016	L=1,8km	523	510													
70	Công Út Hiến	T.T.Tây	BQLDATP	2017		1.039	950													
71	Cải tạo công Chù Hiếu	T.T.Tây	BQLDATP	2017-2018		261	240													
72	Nạo vét kênh từ Út Hiến - Bảy Phương	T.T.Đông	UBND xã T.T.Đông	2016	L=0,9km	161	150													
73	Nạo vét kênh từ công Sáu Tre đến công Út Phò	T.T.Đông	UBND xã T.T.Đông	2016	L=1,4km	306	280													
74	Nạo vét kênh từ công Khém Tret đến Chín Non	T.T.Đông	UBND xã T.T.Đông	2016	L=0,8km	100	100													
75	Nâng cấp, sửa chữa 03 công: Năm Viêt, công Bảy Tiếp, công Năm Ngời)	T.T.Đông	UBND xã T.T.Đông	2017-2018		576	530													
76	Nạo vét kênh từ công Út Miên đất đất Anh Hải, ấp Đông Hòa	T.T.Đông	UBND xã T.T.Đông	2017-2018		326	290													
77	Trạm bơm điện																			
78	Hệ thống điện cung cấp nguồn cho 02 trạm bơm ở xã Mỹ Tân (Ông Chấn, Ông Hồ trong)	Mỹ Tân	BQLDATP	2017		753	630													
79	Hệ thống điện cung cấp nguồn cho 04 trạm bơm ở xã Mỹ Trà (Ba Say, Tư U, Bà Mụ, Bảy Cừ)	Mỹ Trà	BQLDATP	2017		1.062	890													
80	Hệ thống điện cung cấp nguồn cho 02 trạm bơm ở xã Mỹ Ngãi (Út Ni, Khách Nhi)	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2017		530	440													
*	Dự án nâng cấp đô thị đầu tư:																			
81	Công Thông Lưu (tuyến đường Ngô Quyền)	Phường 3																		
82	Công Xáng Trong	Phường 3																		
III	Dự phòng																			
C.	Lĩnh vực Cấp nước sạch					9.647	8.912	-	-	-	-	5.340	-	-	-	-	-	-	-	3.572
I	Chuẩn bị đầu tư					104	104	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	104
II	Chuẩn bị thực hiện đầu tư và thực hiện đầu tư					9.543	8.808	-	-	-	-	5.340	-	-	-	-	-	-	-	3.468

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Vốn vay tín dụng (5)	Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)	
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GĐ 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)			
1)	Khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020					9.543	8.803	-	-	-	-	5.340	-	-	-	3.468	
	* Hệ thống cấp nước xã Mỹ Ngãi:	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2017		529	510					510					
1	Tuyến cấp nước Rạch Dầu (bờ Bắc)																
2	Tuyến cấp nước Tô 19, ấp 3																
3	Tuyến cấp nước đường kênh Cà Xáng																
	* Hệ thống cấp nước xã Tịnh Thới:	Tịnh Thới	BQLDATP	2017		3.389	2.820					2.820					
4	Tuyến cấp nước từ cầu đĩnh Tỉnh Mỹ đến cầu Tám Nhường - cầu Bailey																
5	Tuyến cấp nước từ cầu Mười Y - ngọn Ngã Quát																
6	Tuyến cấp nước từ công Long Sung - nhà ông Tư Là																
7	Tuyến cấp nước từ bên đò qua Phường 3 - chùa Hội Khánh																
8	Tuyến cấp nước từ công Long Sung - nhà ông Thành Long																
9	Tuyến cấp nước từ giáp Phường 6 - nhà ông Chín Bư																
10	Tuyến cấp nước từ giáp Phường 6 - cầu Khém Cá Chốt (tổ 5, tổ 6, Tịnh Đông)																
11	Tuyến cấp nước công Chín Tổ - cuối ngọn																
12	Tuyến cấp nước từ cầu Cá Mỡn - cuối ngọn																
13	Tuyến cấp nước từ cầu Trạm Xá - cầu Bà Sang																
	* Hệ thống cấp nước xã Hòa An:	Hòa An	BQLDATP	2018		634	580					580					
14	Tuyến cấp nước từ cầu Ngã Ba Cái Tắc - giáp ranh Phường 6																
15	Tuyến cấp nước từ cầu Xếp Lá - cầu Xéo Bèo (bờ Tây - Lô Hòa Tây)																
	* Hệ thống cấp nước xã Tịnh Thới:	Tịnh Thới	BQLDATP	2018		801	730					730					
16	Tuyến cấp nước từ giáp Phường 6 - nhà ông Hai Dết																
17	Tuyến cấp nước từ bên đò Dơi Me - Khém Lớn Hồ Tôm																
18	Tuyến cấp nước đường Ông Đen (đoạn từ trai của Ông Thành - đường tránh QL30)	Mỹ Tân	BQLDATP	2017	L=2,0km	322	300					300					
19	Tuyến cấp nước từ cầu Ông Hoàn đến giáp phường Mỹ Phú (giai đoạn 2)	Mỹ Trà	BQLDATP	2019	L=1,3km	400	400					400					
20	Tuyến cấp nước cấp kênh Thầy Cừ (đoạn từ đường Nguyễn Trãi - đường Ngô Thì Nhâm)	Phường 3		2019-2020	L=0,3km	70	70									70	
21	Tuyến cấp nước rạch Xếp Lá (đoạn từ kênh Hòa Đông đến cầu nhà máy Kim Sơn)	Hòa Thuận-Hòa An		2019-2020	L=1,8km	396	396									396	
22	Tuyến cấp nước Tô 9, 10, 11, ấp 2	Mỹ Ngãi		2019-2020	L=2,5km	550	550									550	
23	Tuyến cấp nước Tô 4, ấp 1 (từ cầu Kháng Chiển 1 - cầu Kháng Chiển 2)	Mỹ Ngãi		2019-2020	L=1,2km	264	264									264	
24	Tuyến cấp nước từ cầu Cái Tôm - kênh Hòa Tây	T.T.Tây		2019-2020	L=1,9km	418	418									418	

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Vốn vay tín dụng (5)	Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)	
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GD 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)			
25	Tuyến cấp nước từ bà Ba Niêm - cầu chùa Hội Khánh	Tịnh Thới		2019-2020	L=2,0km	440	440									440	
26	Tuyến cấp nước cống Long Sung - bến đò Đoi Me	Tịnh Thới		2019-2020	L=1,2km	264	264									264	
27	Tuyến cấp nước từ cầu Rạch Dong - Năm Khê (ấp 3)	Mỹ Trà		2019-2020	L=0,8km	176	176									176	
28	Tuyến cấp nước từ cầu Rạch Nhỏ - cầu Năm Bé (ấp 1)	Mỹ Trà		2019-2020	L=0,8km	176	176									176	
29	Tuyến cấp nước từ cầu Mương Khai - cầu kênh Hội Đông (ấp 1)	Mỹ Trà		2019-2020	L=2,2km	484	484									484	
30	Tuyến cấp nước Ngã Bát đến đường tránh QL30 - Ông Năm The (3 nhánh)	Mỹ Tân		2019-2020	L=1,5km	230	230									230	
* Các công trình do Công ty cấp nước đầu tư:																	
1	Tuyến cấp nước Khu dân cư Khóm 3	Phường 1															
2	Tuyến cấp nước đường Thông Lưu (bờ trên)	Phường 3															
3	Tuyến cấp nước Rạch Bảy (bờ dưới)	Phường 3															
4	Tuyến cấp nước đê bao Kênh Ngang đến dưới cồn	Phường 3															
5	Tuyến cấp nước đường vào Lăng Cự (từ chùa Hòa Long - đường Cao Thắng)	Phường 4															
6	Tuyến cấp nước Khu tái định cư Nguyễn Thái Học	Phường 4															
7	Tuyến cấp nước đường Nguyễn Thái Học (phía bờ sông)	Phường 4															
8	Tuyến cấp nước đường vào Lăng Cự (hướng Bắc)	Phường 4															
9	Tuyến cấp nước đường vào Lăng Cự (hướng Nam)	Phường 4															
10	Tuyến cấp nước tổ 8, khóm 1	Phường 6															
11	Tuyến cấp nước đường tổ 47, 48, khóm 5	Phường 6															
12	Tuyến cấp nước đường Vành Đai Tình Đới	Phường 6															
13	Tuyến cấp nước đường vào Trường THPT Thiên Hộ Dương	Phường 6															
14	Tuyến cấp nước đường rạch Cái Bún	Phường 6															
15	Tuyến cấp nước rạch Bà Phàn	Hòa Thuận															
16	Tuyến cấp nước đường Nguyễn Thái Học (từ mé sông Cao Lãnh đến giáp ranh Phường 4 - Hòa An)	Hòa Thuận															
17	Tuyến cấp nước từ cầu Xẻo Bèo - cầu Hòa Lợi (bờ Tây - Lộ Hòa Tây)	Hòa An															
18	Tuyến cấp nước rạch Xếp Lá (bờ Bắc)	Hòa An															
19	Tuyến cấp nước Rạch Dừa - chùa Hồng Liên	T.T.Tây															
20	Tuyến cấp nước từ cống Mười Thọ - giáp Tịnh Long (phía nhà ông Ba Long)	Tịnh Thới															
21	Tuyến cấp nước từ cầu Mương Khai - cầu kênh Hội Đông (ấp 2)	Mỹ Trà															

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú	
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố				Vốn vay tín dụng (5)		Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GD 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)	Ngân sách cấp xã, phường			
22	Tuyến cấp nước từ cầu Rạch Dong - Năm Chát (ấp 2)	Mỹ Trà																
23	Tuyến cấp nước ven QL30 (phía sông - đoạn từ cầu Kinh Cụt đến đình Tân An)	Mỹ Tân																
24	Tuyến cấp nước đường Bà Học (đoạn cầu Bà Học - giáp Tân Nghĩa)	Mỹ Tân																
25	Tuyến cấp nước đường Ông Đen (đoạn từ đường tránh QL30 - giáp nhà bà Nga)	Mỹ Tân																
26	Tuyến cấp nước đường Ông Đen (đoạn từ cầu Lục Trâm - giáp Tân Nghĩa)	Mỹ Tân																
27	Tuyến cấp nước đường Bà Vay (đoạn từ cầu Kháng Chiến đến cuối đường)	Mỹ Tân																
28	Tuyến cấp nước rạch Bà Lới	Mỹ Tân																
29	Tuyến cấp nước đường Ông Hai	Mỹ Tân																
30	Tuyến cấp nước đường Rạch Dâu	Mỹ Tân																
III	Dự phòng																	
D.	Lĩnh vực Cấp điện					26.076	22.860	-	-	-	-	20.410	-	2.450	-	-	-	-
I	Chuẩn bị đầu tư					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Chuẩn bị thực hiện đầu tư và thực hiện đầu tư					26.076	22.860	-	-	-	-	20.410	-	2.450	-	-	-	-
I)	Khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020					26.076	22.860	-	-	-	-	20.410	-	2.450	-	-	-	-
1	Cải tạo, thay thế hệ thống đèn chiếu sáng Sodium 250W bằng đèn LED 80W - 120W trên địa bàn Thành phố	TPCL	BQLCTCC	2017-2020		6.600	6.000					6.000						
2	Cải tạo, thay thế hệ thống đèn chiếu sáng Sodium 250W bằng đèn LED 80W - 120W các tuyến đường xung quanh Khu liên hợp thể dục thể thao Tỉnh	TPCL	BQLCTCC	2017		744	670					670						
3	Tuyến điện khu dân cư nhóm 3	Phường 1	BQLDATP	2017		1.511	870					870						
4	Tuyến điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường tổ 38, 39, 40	Phường 4	BQLCTCC	2018	L=1,4km	432	390					390						
5	Tuyến điện rạch Cái Bún	Phường 6	BQLDATP	2018	L=0,6km	606	560					560						
6	Tuyến điện rạch Xếp Lá (đoạn từ đường Võ Văn Trĩ đến đường Lò Rèn)	Hòa Thuận	BQLDATP	2018		422	370					370						
7	Tuyến điện chùa Tân Long	T.T.Tây	Phòng KT	2016	L=0,6km	580	530						530					
8	Tuyến điện công Rạch Dưa - chùa Hồng Liên	T.T.Tây	Phòng KT	2016	L=1,0km	265	240						240					
9	Tuyến điện Rạch Bún (đoạn từ nhà ông Thanh đến nhà ông Cúa)	T.T.Tây	Phòng KT	2016	L=0,6km	653	600						600					
10	Tuyến điện công kênh Ranh - nhà Ông An	T.T.Tây	Phòng KT	2016	L=1,2km	860	780						780					
	* Hệ thống điện hạ thế sinh hoạt xã Mỹ Trà:	Mỹ Trà	BQLDATP	2017		1.653	1.440					1.440						
11	Tuyến điện từ Bà Mụ - cầu Rạch Giồng						-											
12	Tuyến điện ông Hiến - đình Mỹ Thanh						-											
13	Tuyến điện chiếu sáng công cộng từ Quảng Khánh - cầu Ông Hoàng	Mỹ Trà	BQLCTCC	2017	L=1,3km	351	320					320						
14	Tuyến điện chiếu sáng công cộng từ ngã ba Ông Huế - Bà Vay	Mỹ Trà	BQLDATP	2017	L=5,8km	698	700					700						

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Chi chú	
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố				Vốn vay tín dụng (5)		Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GD 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)	Ngân sách cấp xã, phường			
15	Tuyến điện từ cầu Ông Hoàng - giáp phường Mỹ Phú (giai đoạn 1)	Mỹ Trà	BQLDATP	2018	L=2,9km	1.230	1.120					1.120						
	* Hệ thống điện hạ thế sinh hoạt xã Tịnh Thới:	Tịnh Thới	BQLDATP	2017		1.895	1.510					1.510						
16	Tuyến điện cầu Uy ban - cầu đình Tịnh Mỹ						-											
17	Tuyến điện tổ 14, ấp Tịnh Châu - tổ 4, 5, 6, ấp Tịnh Đông						-											
18	Tuyến điện tổ 3, ấp Tịnh Đông (từ nhà Tu Điện đến nhà Hai Phúc)	Tịnh Thới	BQLDATP	2018	L=0,8km	1.230	1.000					1.000						
	* Hệ thống điện hạ thế sinh hoạt xã Mỹ Tân (phần 1)	Mỹ Tân	BQLDATP	2018		1.735	1.580					1.580						
19	Tuyến điện đường Ông Đen						-											
20	Tuyến điện đường Bà Vay						-											
21	Tuyến điện đường Bà Học						-											
	* Hệ thống điện chiếu sáng sinh hoạt xã Mỹ Tân (phần 2)	Mỹ Tân	BQLDATP	2018		1.203	1.090					1.090						
22	Tuyến điện đường Ông Chim						-											
23	Tuyến điện đường Lò Mới						-											
24	Tuyến điện từ của Anh Rât - Khém Tret	T.T.Đông	BQLDATP	2017	L=2,1km	1.279	1.150					1.150						
25	Tuyến điện chiếu sáng đường GTNT (đường Hồng Móm - Hai Nhân; đường của Anh Rât - của Anh Dóm)	T.T.Đông	BQLCTCC	2018	L=2,1km	708	640					640						
	* Hệ thống điện hạ thế sinh hoạt xã Tân Thuận Đông	T.T.Đông	BQLDATP	2018		701	620					620						
26	Tuyến điện từ nhà Đào Minh Hùng - cổng Tư Triều						-											
27	Tuyến điện từ Sáu Lãm - Năm Lươn						-											
28	Tuyến điện từ Mương Năm Quý đến anh Duy, ấp Đông Định	T.T.Đông	BQLDATP	2020		420	380					380						
29	Tuyến điện công cộng chiếu sáng khu dân cư Xẻo Bèo	Hòa An	BQLCTCC	2017		300	300							300				
	* Các công trình do Công ty cấp điện đầu tư:																	
1	Tuyến điện đường Bình Trị	Phường 11																
2	Tuyến điện đường Cồn Quỳch	Phường 6																
3	Tuyến điện rạch Bà Phán	Hòa Thuận																
4	Tuyến điện từ cổng Năm Bền - cầu kênh Hội Đông	Mỹ Trà																
5	Tuyến điện từ Ông Súng - Sáu Cua	Mỹ Trà																
6	Tuyến điện từ Trường THCS Nguyễn Tú đến nhà Ông Lê Hùng	Mỹ Trà																
7	Tuyến điện tổ 6, ấp Tịnh Long	Tịnh Thới																
8	Tuyến điện từ cầu bến đò Doi Me - cổng Khém Sáu	Tịnh Thới																
9	Tuyến điện giáp phường 6 cầu Bảy Tu - nhà ông Hai Dết	Tịnh Thới																
10	Tuyến điện chợ Long Hội, tổ 3, ấp Tịnh Hưng	Tịnh Thới																
11	Tuyến điện cổng Long Sung - Tư Lê	Tịnh Thới																
12	Tuyến điện từ rạch Long Sung - cầu Bailey	Tịnh Thới																

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú			
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Ngân sách cấp xã, phường	Vốn vay tín dụng (5)		Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)		
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GĐ 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)						
13	Tuyến điện từ nhà Năm Bông - cầu Nhạc Thịnh	Tỉnh Thái																		
14	Tuyến điện tổ 7, tổ 8, ấp Tịnh Hưng	Tỉnh Thái																		
15	Tuyến điện tổ 4, ấp Tịnh Hưng	Tỉnh Thái																		
16	Tuyến điện đường kênh Cá Xáng	Mỹ Ngãi																		
17	Tuyến điện tổ 7, ấp 2	Mỹ Ngãi																		
18	Tuyến điện Rạch Dấu	Mỹ Ngãi																		
19	Tuyến điện tổ 4, tổ 6, ấp Hòa Long	Hòa An																		
20	Tuyến điện tổ 14, ấp Hòa Lợi	Hòa An																		
III	Dự phòng					-	-													
E.	Lĩnh vực Giáo dục					281.566	240.783			10.057	104.943	85.040	30.000	10.743						
I	Chuẩn bị đầu tư					1.213	1.213					900		313						
II	Chuẩn bị thực hiện đầu tư và thực hiện đầu tư					280.353	239.570			10.057	104.943	84.140	30.000	10.430						
I)	<u>Chuyển tiến của giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020</u>					<u>34.636</u>	<u>13.687</u>			<u>10.057</u>		<u>3.630</u>								
1	Trường THCS Phan Bội Châu	T.T.Tây	BQLDATP	2016-2017		26.588	6.930			3.300		3.630								
2	Trường TH Hoàng Văn Thu - điểm Hòa Khánh (giai đoạn 2)	Hòa An	BQLDATP	2015-2016		3.500	3.500			3.500										
3	Trường MN Tịnh Thái (GD 3)	Tỉnh Thái	BQLDATP	2015-2016		3.648	2.436			2.436										
4	Trường MN Tân Thuận Đông (điểm Đông Đỉnh)	T.T.Đông	BQLDATP	2015-2016		900	820			820										
2)	<u>Khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020</u>					<u>245.717</u>	<u>225.883</u>			<u>-</u>	<u>104.943</u>	<u>80.510</u>	<u>30.000</u>	<u>10.430</u>						
	* Mầm non																			
1	Trường MN Mỹ Trà - GD 2 (điểm chính Rạch Chanh)	Mỹ Trà	BQLDATP	2017-2018	04 p.học, khối hiệu bộ, phòng chức năng, hạng mục phụ	9.791	8.906			8.306		600								
2	Trường MN Hòa An 4	Hòa An	BQLDATP	2019-2020	08 p.học, khối hiệu bộ, phòng chức năng, hạng mục phụ	16.108	14.638			10.608		4.030								
3	Trường MN Tịnh Thái 4 (GD1)	Tỉnh Thái	BQLDATP	2017	02 p.học	1.083	980					980								
4	Trường MN Tịnh Thái 4 (GD2)	Tỉnh Thái	BQLDATP	2018-2019	04 p.học, khối hiệu bộ, phòng chức năng, hạng mục phụ	13.916	12.650					12.650								
5	Trường MN Bình Minh	Phường 11	BQLDATP	2020	12 p.học, khối hiệu bộ, phòng chức năng, hạng mục phụ	19.170	17.430			12.000			5.430							
6	Trường MN Mỹ Phú (GD2)	Mỹ Phú	BQLDATP	2020	04 phòng học, khối hiệu bộ, phòng chức năng, hạng mục phụ	8.500	7.730					7.730								
	* Tiểu học																			
7	Trường TH Mỹ Phú (GD2)	Mỹ Phú	BQLDATP	2018	04 p.học, khối hiệu bộ, phòng chức năng, hạng mục phụ	10.165	9.452			5.732		3.720								
8	Trường TH Võ Thị Sáu - GD2	Phường 3	BQLDATP	2017-2018	20 p.học, khối hiệu bộ, phòng chức năng, hạng mục phụ	16.512	16.489			11.989		500	4.000							
9	Trường tiểu học Trưng Vương - điểm phụ	Phường 11	BQLDATP	2019	08 p.học, khối hiệu bộ, phòng chức năng, hạng mục phụ	11.000	9.500					9.500								
	* Trung học cơ sở																			

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú	
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Ngân sách cấp xã, phường	Vốn vay tín dụng (5)		Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GD 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)				
10	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh (GD2)	Hòa Thuận	BQLDATP	2017-2018	Khởi hiệu bộ, phòng chức năng, hạng mục phụ	13.372	12.151				9.091	3.060						
11	Trường THCS Kim Hồng	Phường 3	BQLDATP	2017-2018	40 p.học, khởi hiệu bộ, phòng chức năng, hạng mục phụ	73.172	67.434				38.624	2.810	26.000					
12	Trường THCS Nguyễn Tú (GD2)	Mỹ Trà	BQLDATP	2018	13 phòng chức năng, hạng mục phụ	8.166	7.330					7.330						
13	Trường THCS Nguyễn Thị Lưu (GD2 + GD3)	Phường 4	BQLDATP	2019-2020	15 p.học, khởi hiệu bộ, hạng mục phụ	18.362	16.693				8.593	8.100						
14	Mua sắm trang thiết bị để trường đạt chuẩn quốc gia	TPCL	BQLDATP	2017-2020		4.400	4.500					4.500						
15	Duy tu, sửa chữa trường học hệ hàng năm	TPCL	BQLDATP	2016-2020		22.000	20.000					15.000	5.000					
40	<i>Xã hội hóa:</i>																	
1	Trường MN Phường 1 (điểm TH Lê Văn Tám cũ)	Phường 1																
38	<i>Dự án nâng cấp đô thị đầu tư:</i>																	
1	Trường tiểu học Lê Văn Tám (GD 2)	Phường 1																
2	Trường mầm non Sao Mai (GD 2)	Phường 3																
3	Trường mầm non Trúc Xanh (GD 2)	Phường 4																
4	Trường tiểu học Hoà Thuận (GD 2)	Hòa Thuận																
5	Trường MN Tân Thuận Đông (điểm chính, điểm phụ, ấp Tân Phát)	T.T.Đông																
6	Trường THCS Tân Thuận Đông	T.T.Đông																
7	Trường mầm non Mỹ Trà (điểm phụ)	Mỹ Trà																
8	Trường mầm non Mỹ Ngãi (GD 2)	Mỹ Ngãi																
9	Trường mầm non Tân Thuận Tây 1 (điểm chính)	T.T.Tây																
10	Trường tiểu học Lê Thánh Tông (điểm phụ)	T.T.Tây																
11	Trường tiểu học Tịnh Thới (GD 2)	Tịnh Thới																
III	Dự phòng																	
						-	-											
G.	Trụ sở cơ quan QLNN					153.691	138.450	-	-	12.000	-	114.550	1.000	9.600	1.300	-	-	
I	Chuẩn bị đầu tư					500	500	-	-	-	-	500						
II	Chuẩn bị thực hiện đầu tư và thực hiện đầu tư					153.191	137.950	-	-	12.000	-	114.050	1.000	9.600	1.300	-	-	
1)	<i>Chuyển tiếp của giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020</i>					<i>11.818</i>	<i>8.300</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>7.300</i>	<i>1.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
1	Trụ sở phòng Giáo dục - Đào tạo thành phố	Phường 1	BQLDATP	2015-2016		11.818	8.300					7.300	1.000					
2)	<i>Khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020</i>					<i>141.373</i>	<i>129.650</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>12.000</i>	<i>-</i>	<i>106.750</i>	<i>-</i>	<i>9.600</i>	<i>1.300</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
*	<i>Dự án xây dựng trụ sở UBND cấp xã của tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 - 2020</i>																	
1	Trụ sở UBND phường 3	Phường 3	BQLDATP	2017-2018		11.788	10.720			4.000		6.720						
2	Trụ sở UBND xã Tân Thuận Đông	T.T.Đông	BQLDATP	2018-2019		6.662	6.060			4.000		2.060						
3	Trụ sở UBND phường 6	Phường 6	BQLDATP	2019-2020		8.013	7.290			4.000		3.290						
*	<i>Kế hoạch đầu tư trụ sở làm việc giai đoạn 2016 - 2020</i>																	
4	Cải tạo, sửa chữa Văn phòng tiếp dân thành phố Cao Lãnh	Phường 1	BQLDATP	2016		513	500					500						

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư/ Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú	
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Ngân sách cấp xã, phường	Vốn vay tín dụng (5)		Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GP 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)				
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND Thành phố	Phường 1	BQLDATP	2016		2.983	2.900					2.900						
6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở và khuôn viên Thành ủy	Phường 1	BQLDATP	2016		1.151	1.150					1.150						
7	Công, hàng rào trụ sở Thành ủy, UBND Thành phố và cột cờ	Phường 1	BQLDATP	2017		2.030	1.700					1.700						
8	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc của Thành ủy, UBND Thành phố và nhà làm việc các ban ngành	Phường 1	BQLDATP	2017		1.197	1.000					1.000						
9	Khởi nhà làm việc và Hội trường UBND thành phố Cao Lãnh	Phường 1	BQLDATP	2017-2019		24.088	21.900					21.900						
1	Trụ sở BND nhóm 5	Phường 1	BQLDATP	2017		550	500						500					
2	Trụ sở BND nhóm 3	Phường 1	BQLDATP	2020		660	600					600						
3	Trụ sở BND nhóm Mỹ Thiện	Phường 3	BQLDATP	2018		1.064	970					970						
	Trụ sở làm việc Đồi QL trật tự đô thị	Phường 4	BQLDATP	2016		1.680	1.680					1.680						
4	Trụ sở BND nhóm 4	Phường 4	BQLDATP	2017		641	550					550						
5	Trụ sở BND nhóm 2 (bao gồm: san lấp, đường vào và trụ sở nhóm)	Phường 4	UBND Phường 4	2018		2.314	2.100					2.100						
6	Trụ sở BND nhóm 3	Phường 4	BQLDATP	2019		660	600					600						
7	Trụ sở làm việc Mặt trận Tô quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và quần chúng thành phố	Phường 4	BQLDATP	2019-2020		15.000	13.600					4.000	9.600					
8	Nhà VH + Trụ sở BND nhóm 5	Phường 6	UBND Phường 6	2016		800	800						800					
9	Trụ sở BND nhóm 1	Phường 6	BQLDATP	2019		660	600					600						
10	Trụ sở BND nhóm 2	Phường 6	BQLDATP	2019		660	600					600						
11	Trụ sở BND nhóm 2	Phường 11	BQLDATP	2019		660	600					600						
12	Trụ sở BND nhóm 5	Phường 11	BQLDATP	2019		660	600					600						
13	Trụ sở BND nhóm 3	Phường 11	BQLDATP	2019		660	600					600						
14	Trụ sở BND nhóm Mỹ Thương	Mỹ Phú	BQLDATP	2019		660	600					600						
15	Trụ sở BND nhóm Mỹ Trung	Mỹ Phú	BQLDATP	2019		660	600					600						
16	Trụ sở BND nhóm Mỹ Thuận	Mỹ Phú	BQLDATP	2020		660	600					600						
17	Trụ sở UBND phường Hòa Thuận	Hòa Thuận	BQLDATP	2019-2020		8.000	7.270					7.270						
18	Trụ sở BND nhóm Thuận An	Hòa Thuận	BQLDATP	2017		508	450					450						
19	Trụ sở BND nhóm Thuận Nghĩa	Hòa Thuận	BQLDATP	2019		660	600					600						
20	Trụ sở BND nhóm Thuận Phú	Hòa Thuận	BQLDATP	2020		660	600					600						
21	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Ban chỉ huy quân sự thành phố	Hòa An	BQLDATP	2018		750	680					680						
22	Nhà VH + Trụ sở BND ấp Tân Hùng	T.T.Tây	UBND xã T.T.Tây	2016		700	700					700						
23	Nhà VH + Trụ sở BND ấp Tân Chủ	T.T.Tây	UBND xã T.T.Tây	2017		700	660					660						
24	Trụ sở UBND xã Tân Thuận Tây	T.T.Tây	BQLDATP	2018-2019		8.315	7.560					7.560						
25	Nhà VH + Trụ sở BND ấp Tịnh Hưng	Tịnh Thới	UBND xã Tịnh Thới	2017		700	610					610						
26	Nhà VH + Trụ sở BND ấp Tịnh Châu	Tịnh Thới	BQLDATP	2017		594	520					520						
27	Nhà VH + Trụ sở BND ấp Tịnh Mỹ	Tịnh Thới	BQLDATP	2017		447	390					390						
28	Sửa chữa trụ sở UBND xã Tịnh Thới	Tịnh Thới	BQLDATP	2019		500	500					500						
29	Nhà VH + Trụ sở BND ấp Tịnh Đông	Tịnh Thới	BQLDATP	2019		660	600					600						
30	Trụ sở BND ấp Tân Tịch	Tịnh Thới	BQLDATP	2019		660	600					600						
31	Trụ sở BND ấp Tịnh Long	Tịnh Thới	BQLDATP	2020		660	600					600						
32	Cải tạo trụ sở UBND xã Mỹ Trà	Mỹ Trà	BQLDATP	2017		728	620					620						

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú		
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố				Vốn vay tín dụng (5)		Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)	
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GD 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)	Ngân sách cấp xã, phường				
33	Nhà VH + Tru sở BND ấp 2	Mỹ Trà	BQLDATP	2017		1.900	1.540												
34	Nhà VH ấp 1	Mỹ Trà	BQLDATP	2020		660	600												
35	Tru sở UBND xã Mỹ Ngãi	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2019		8.000	7.270												
36	Nhà VH + Tru sở BND ấp 3	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2017		600	510												
37	Tru sở BND ấp 1	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2020		660	600												
38	Tru sở BND ấp 2	Mỹ Ngãi	BQLDATP																Không đầu tư do sử dụng TTVHHTCĐ
39	Nhà VH + Tru sở BND ấp 4	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2017		700	660												
40	Nhà VH + Tru sở BND ấp 3	Mỹ Tân	BQLDATP	2018		770	700												
41	Tru sở BND ấp 1	Mỹ Tân	BQLDATP	2018		765	700												
42	Sửa chữa tru sở UBND xã Mỹ Tân	Mỹ Tân	BQLDATP	2018		600	540												
43	Sửa chữa UBND xã, phường trên địa bàn	Thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA & PTQĐ	2020		800	800												
44	Ban nhân dân ấp Đông Thạnh - xã Tân Thuận Đông	Tân Thuận Đông	Ban QLDA & PTQĐ	2020		800	800												
45	Ban nhân dân khóm 4	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2020		800	800												
46	Trung tâm Học tập cộng đồng phường 3	Phường 3	Ban QLDA & PTQĐ	2020		8.000	8.000												
	Đổi ứng vốn xây dựng trụ sở làm việc Công an và BCH Quân sự các xã, phường	TPCL		2016-2020		4.000	3.750												
35	Nhà VH + Tru sở BND ấp Hòa Khánh	Hòa An																	
36	Nhà VH + Tru sở BND ấp Hòa Hưng	Hòa An																	
III	Đợt phòng					-	-												
H.	Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin					53.557	42.429	-	-	8.779	-	33.650	-	-	-	-	-	-	-
1	Chuẩn bị đầu tư					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Chuẩn bị thực hiện đầu tư và thực hiện đầu tư					53.557	42.429	-	-	8.779	-	33.650	-	-	-	-	-	-	-
1)	Chuyển tiếp của giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020					10.187	1.993	-	-	1.873	-	120	-	-	-	-	-	-	-
1	Trung tâm Văn hóa-Học tập cộng đồng xã Tân Thuận Đông	T.T.Đông	BQLDATP	2015-2016		10.187	1.993			1.873		120							
2)	Khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020					43.371	40.436	-	-	6.906	-	33.530	-	-	-	-	-	-	-
1	Cổng chào thành phố Cao Lãnh (mùng xuân năm 2016)	Phường 1	BQLDATP	2016		923	906			906									
2	Bia tưởng niệm Khu căn cứ kháng chiến Thị xã ủy Cao Lãnh	Mỹ Trà	BQLDATP	2016		830	820					820							
3	Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng xã Mỹ Trà	Mỹ Trà	BQLDATP	2017-2018		3.310	2.800					2.800							
4	Trùng tu và tôn tạo Khu di tích Chi bộ Đảng đầu tiên	Hòa An	BQLDATP	2018-2019		2.028	1.840					1.840							
5	Phục dựng Khu căn cứ cách mạng Vườn Quýt, xã Hòa An	Hòa An	BQLDATP	2018-2019		2.762	2.510					2.510							
6	Trung tâm Văn hóa-Học tập cộng đồng xã Tân Thuận Tây	T.T.Tây	BQLDATP	2017-2018		4.321	4.200			3.000		1.200							
7	Cổng chào các xã nông thôn mới	TPCL	UBND xã	2017		1.000	1.000					1.000							

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Vốn vay tín dụng (5)	Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)	
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GĐ 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)			
8	Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng xã Tịnh Thới	Tịnh Thới	BQLDATP	2018-2019		7.281	6.620			3.000		3.620					
9	Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng xã Mỹ Ngãi	Mỹ Ngãi	BQLDATP	2018		6.917	6.290					6.290					
10	Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng xã Mỹ Tân	Mỹ Tân	BQLDATP	2018		6.000	5.450					5.450					
11	Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	TPCL	Phòng Tin học	2017-2020		8.000	8.000					8.000					
12	Hệ thống Camera an ninh	TPCL	Phòng Tin học	2019-2024		14.000	14.000					14.000					
*	Dự án nâng cấp đô thị đầu tư:																
1	Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng Phường 4	Phường 4															
2	Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng Phường 11	Phường 11															
III	Dự phòng					-	-										
K.	Thương mại					22.097	20.600	-	-	-	-	17.600	-	3.000	-	-	-
I	Chuẩn bị đầu tư					200	200	-	-	-	-	200	-	-	-	-	-
II	Chuẩn bị thực hiện đầu tư và thực hiện đầu tư					21.897	20.400	-	-	-	-	17.400	-	3.000	-	-	-
j)	Khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020																
1	Thay mái tôn chợ nông sản Cao Lãnh	Phường 2	BQLDATP	2017		1.173	1.000					1.000					
2	Chợ gạo, trái cây và hoa tươi	Phường 2	BQLDATP	2017		2.819	2.800					2.800					
3	Khu ẩm thực chợ Đền Dâu	Phường 2	BQLDATP	2018		1.458	1.330					1.330					
4	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng chợ Mỹ Trà	Mỹ Phú	BQLCTCC	2018		2.239	2.040					2.040					
5	Chợ xã Tịnh Thới	Tịnh Thới	BQLDATP	2018-2019		2.400	2.180					2.180					
6	Hạ tầng CDC chợ xã Mỹ Ngãi	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2018		2.310	2.100					2.100					
7	Chợ xã Mỹ Ngãi	Mỹ Ngãi	UBND xã Mỹ Ngãi	2018-2019		2.200	2.000					2.000					
8	Cải tạo, sửa chữa chợ Bà Học	Mỹ Tân	UBND xã Mỹ Tân	2019		2.533	2.300					2.300					
9	Chợ CDC Khu hành chính xã Tân Thuận Tây	T.T.Tây	UBND xã T.T.Tây	2016		1.765	1.650					1.650					
10	Duy tu sửa chữa các chợ trên địa bàn thành phố	TPCL	BQL Chợ	2018-2020		3.000	3.000					3.000					
11	Bê xù lý nước thải 4 chợ (Chợ Rạch Chanh, Chợ Mỹ Trà, Chợ Mỹ Ngãi và Chợ Cao Lãnh)	Thành phố Cao Lãnh	Ban Quản lý Chợ TPCL	2020		1.690	1.690					1.690					
12	Quầy thức ăn nhanh CV Hai Bà Trưng	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2020		1.690	1.690					1.690					
*	Xã hội hóa																
1	Chợ phường Mỹ Phú	Mỹ Phú															
III	Dự phòng					-	-										
L.	Công tác trích lập đo đạc bản đồ sử dụng đất và Quy hoạch sử dụng đất					5.000	5.000					5.000					
M.	Trả nợ vay đầu tư phát triển					18.853	18.853	-	-	-	-	8.370	10.483	-	-	-	-
1	Đầu tư các chợ trên địa bàn thành phố Cao Lãnh			2016-2017		925	925					925					
2	Giao thông nông thôn và trạm bơm điện			2016-2020		4.852	4.852					4.852					
3	Kiến cổ hóa kênh mương			2016-2017		706	706					706					

Stt	Tên dự án, công trình, hạng mục công trình	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư / Ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Quy mô xây dựng	Khái toán tổng mức đầu tư	Dự kiến các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020										Ghi chú	
							Tổng số	Ngân sách Trung ương và Tỉnh hỗ trợ				Ngân sách Thành phố			Ngân sách cấp xã, phường	Vốn vay tín dụng (5)		Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (6)
								ODA	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (1)	Ngân sách Tỉnh và Trung ương hỗ trợ (2)	Chương trình KCH trường, lớp học GĐ 2016-2020 (3)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Tiền sử dụng đất	Nguồn thu chi đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách (4)				
4	Vay đầu tư tôn nền 05 cụm dân cư vùng ngập lũ giai đoạn 1			2016-2020		12.370	12.370					8.370	4.000					
N.	Trả nợ đọng XD CB và tất toán nguồn					48.296	48.296	-	-	922	-	3.040	40.464	3.870	-	-	-	
1	Dự án khu tái định cư trường Cao đẳng cộng đồng	Hòa Thuận				28.334	28.334						28.334					
2	Tất toán vốn đầu tư hoàn thành	TPCL				10.962	10.962			922		3.040	3.130	3.870				
3	Chi bồi hoàn GQKN các công trình trên địa bàn TP	Thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA & PTQĐ	2019-2020		9.000	9.000					9.000						

Phụ biểu 01
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
 (Kèm theo Nghị quyết số: 4 /2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năm g lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2019			Ghi chú				
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: phân vốn NSNN			Tổng số	Trong đó:						
															Thu hồi vốn đã ứng	Trả nợ XDCB					
TỔNG SỐ																					
I	Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật																				
1	Hai tuyến đường, cống thoát nước cấp hông đèn thờ ông bà Đổ Công Tường (đường số 4, đường số 7 đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Đồng Đa)	Phường 2	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		292		2019-2020	36/QĐ-UBND 09/10/2017	24.468	24.468	20.390						Vướng công tác GPMB			
2	Đường số 14 vào trường TH Võ Thị Sáu (rộng 5-9-5m, dài 328m)	Phường 3	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		292		2019	427/QĐ-UBND 25/10/2018	12.182	12.182	10.152						Nằm trong dự QH 68ha			
II	Lĩnh vực Cấp nước sạch																				
1	Đường Ông Sùng đến Sáu Cửa	Mỹ Trà	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		311		2019		444	444	370						C/ trình hiện trạng còn SD được			
III	Lĩnh vực Cấp điện																				
1	Tuyến điện từ cầu Rạch Vòng đến Bảy Cừ	Mỹ Trà	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		302		2019		600	600	500						C/ trình hiện trạng còn SD được			
IV	Lĩnh vực Thương mại																				
1	Chợ Bình Trị	Mỹ Tân	KBNNĐT	UBND xã Mỹ Tân		321		2019		5.000	4.540	4.540						Vướng công tác GPMB			
2	Chợ xã Tân Thuận Đông	T.T.Đông	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		321		2019-2020		3.639	3.639	3.033						Dự kiến di dời điểm mới			

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

Số: 05/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Cao Lãnh, ngày 19 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/09/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/09/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2019; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2019 do Thành phố quản lý và phân bổ như sau:

1. Nguồn ngân sách tập trung: giữ nguyên tổng vốn 106,465 tỷ đồng, điều chỉnh giảm 09 công trình vốn bố trí 15,670 tỷ đồng và bổ sung 13 danh mục công trình và kinh phí bồi thường các công trình theo quyết định giải quyết khiếu nại vốn bố trí 15,670 tỷ đồng.

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2019 và tăng thu tiền sử dụng đất năm 2018: giữ nguyên tổng vốn 85,700 tỷ đồng; điều chỉnh giảm 5 công trình vốn bố trí 11,800 tỷ đồng và bổ sung 8 công trình vốn bố trí 11,800 tỷ đồng.

Kèm theo phụ biểu 01 & 02 đính kèm.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Tùy theo thực tế tiến độ thực hiện của từng công trình, nhu cầu giải ngân, Ủy ban nhân dân Thành phố được điều chỉnh vốn theo kế hoạch.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh khóa VIII, kỳ họp lần thứ Mười một, thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT/HĐND, UBND Tỉnh;
- Sở Tài chính Tỉnh ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh;
- TT/Thành ủy, UBND Thành phố;
- ĐB HĐND Thành phố;
- Các ban ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT/HĐND, UBND xã, phường;
- LĐ & CVTH VP/HĐND&UBND TP;
- Lưu: VT.



CHỦ TỌA

Cao Thị Phượng

10

TỜ TRÌNH
Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2019

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh

A. QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ

Căn cứ Nghị quyết số 27/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh khóa VIII, kỳ họp thứ 10 về việc thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Thành phố phân bổ và quản lý;

Căn cứ Chương trình họp Hội đồng nhân dân Thành phố 6 tháng đầu năm 2019, khóa VIII, Ủy ban nhân dân Thành phố đã xây dựng dự thảo Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư 6 tháng đầu năm và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2019, kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố các nội dung như sau:

B. CƠ CẤU CỦA TỜ TRÌNH

Gồm có 2 phần

- Phần thứ nhất: Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm 2019.

- Phần thứ hai: Điều chỉnh kế hoạch vốn phân bổ năm 2019.

C. NỘI DUNG CỦA TỜ TRÌNH

I. Kết quả thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm

1- Kết quả thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm 2019 và nguồn vốn thực hiện các dự án theo Nghị quyết số 01-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh, trong đó có ước thực hiện giải ngân vốn đầu tư phát triển đạt 44,39%.

2- Đánh giá chung:

Ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh có quyết định phân bổ chi tiết các nguồn vốn đầu tư đến các chủ đầu tư (*Quyết định số 633/QĐ-UBND, về việc phân bổ chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách Nhà nước năm 2019 do Thành phố phân bổ và quản lý*).

- Thường xuyên đi công trình kiểm tra tiến độ thi công, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

3. Tồn tại, hạn chế sau:

- Công tác giải ngân những tháng đầu năm 2019 còn chậm. Lý do các chủ đầu tư tập trung giải ngân vốn kế hoạch năm 2018 (đến hết ngày 31/01/2019).

- Dự án, công trình thuộc nguồn vốn khác tiến độ còn chậm. Đặc biệt là các công trình thuộc nguồn vốn thủy lợi phí chưa giải ngân.

*** Nguyên nhân khách quan**

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng ở một số hạng mục công trình gặp nhiều khó khăn, nhất là những công trình thực hiện cơ chế vận động nhân dân và nhà nước cùng làm, *dân hiến đất làm vỉa hè*.

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Các chủ đầu tư chưa thực sự quan tâm công tác chủ bị các thủ tục đầu tư.

4. Bên cạnh việc triển khai thủ tục đầu tư các dự án trọng điểm trong Nghị quyết của Tỉnh ủy, Thành phố cũng đang triển khai các dự án trọng điểm theo Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố.

4.1. Dự án đầu tư từ nguồn vốn khai thác quỹ đất đầu tư kết cấu hạ tầng

- Các tuyến đường xung quanh Khu liên hợp thể dục thể thao Tỉnh: tiến độ xây dựng đạt 85% khối lượng.

4.2. Lĩnh vực Nông nghiệp - Thủy lợi

- Lập hồ sơ thủ tục đầu tư (giai đoạn 1, L= 2,5km) công trình Nạo vét sông Cao Lãnh. Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu miễn giảm thủy lợi phí Trung ương cấp tăng thêm của kế hoạch vốn các năm 2016, 2017 và 2018.

4.3. Dự án kêu gọi đầu tư

Đường Nguyễn Văn Tre, xã Mỹ Trà có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận dự án đầu tư có sử dụng đất theo Nghị định 30/2015/NĐ-CP ngày 17/03/2015 của Chính phủ, trình Sở Xây dựng phê duyệt chỉ tiêu về quy hoạch.

II. Điều chỉnh kế hoạch vốn phân bổ năm 2019

Tổng nguồn phân bổ đầu năm 2019 là 192,165 tỷ đồng (*nguồn NSTT và thu tiền SDD*) một số công trình không thực hiện được, đồng thời bên cạnh có một số công trình có nhu cầu đầu tư xây dựng, đề xuất điều chỉnh tăng giảm không ảnh hưởng đến tổng nguồn bố trí ban đầu.

1. Số công trình, dự án đã phân khai bố trí vốn không thể triển khai trong năm là 13 công trình, đề nghị điều chỉnh giảm với số vốn là 27,470 tỷ đồng. Bao gồm:

- Nguồn vốn NSTT, công trình khởi công mới.

+ Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật: 03 công trình, vốn phân bổ 11,2 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực Cấp nước sạch : 01 công trình, vốn phân bổ 0,370 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực Cấp điện : 01 công trình, vốn phân bổ 0,500 tỷ đồng.

+ Trụ sở cơ quan QLNN: 01 công trình, vốn phân bổ 0,600 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực Thương mại: 01 công trình, vốn phân bổ 1,000 tỷ đồng.

- Công trình, dự án chuyển tiếp

+ Lĩnh vực Thương mại: 02 công trình, vốn phân bổ 2,000 tỷ đồng.

- Nguồn vốn tiền sử dụng đất. Lĩnh vực Giao thông. Khởi công mới

+ Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật: 03 công trình, vốn phân bổ 8,500 tỷ đồng.

- Nguồn vốn tiền sử dụng đất. Lĩnh vực Giao thông. Công trình chuyên tiếp

+ Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật: 02 công trình, vốn phân bổ 3,300 tỷ đồng.

2. Công trình, dự án bổ sung bố trí vốn thực hiện trong năm là 21 công trình, dự án với số vốn là 27,470 tỷ đồng. Bao gồm:

- Nguồn vốn NSTT: 14 công trình, dự án với số vốn phân bổ là 15,670 tỷ đồng.

- Nguồn vốn tiền SDD: 7 công trình với số vốn phân bổ là 11,000 tỷ đồng.

III. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm

1. Chủ động lập phương án đề xuất đầu tư đối với các dự án mời gọi đầu tư trên địa bàn Thành phố đã ký bản ghi nhớ với Nhà đầu tư để đủ thủ tục triển khai thực hiện đầu tư xây dựng.

2. Tập trung hoàn thành thủ tục đầu tư để khởi công xây dựng các công trình đã được bố trí kế hoạch vốn thực hiện đầu tư.

3 Thường xuyên đi thực tế kiểm tra tiến độ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thành đúng kế hoạch; thực hiện chế tài nghiêm theo quy định đối với nhà thầu thi công chậm tiến độ

4. Theo dõi, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn trong cân đối đã, kịp thời đáp ứng vốn giải ngân khi có khối lượng hoàn thành.

D. NHỮNG VẤN ĐỀ KÍNH TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CHO Ý KIẾN

Trên cơ sở dự thảo báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm, điều chỉnh kế hoạch vốn phân bổ năm 2019 và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố cho ý kiến về:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư 6 tháng đầu năm 2019, những tồn tại hạn chế và nguyên nhân về công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Các nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2019.

3. Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2019 do Thành phố quản lý và phân bổ.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận: 

- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT/UBND TP;
- Văn phòng HĐND&UBND TP;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Cư Trinh

Số: 130 /BC-UBND

Thành phố Cao Lãnh, ngày 14 tháng 6 năm 2019

08

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm, điều chỉnh kế hoạch vốn phân bổ năm 2019 và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020

Thực hiện thông báo số 271-TB/VPTU ngày 27 tháng 5 năm 2019 của văn phòng Thành ủy về việc chuẩn bị nội dung Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy tháng 6 năm 2019.

Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm, điều chỉnh kế hoạch vốn phân bổ năm 2019 và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 – 2020, như sau:

Phần thứ nhất

Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm 2019.

Căn cứ Nghị quyết số 27/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh khóa VIII, kỳ họp thứ 10 về việc thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Thành phố phân bổ và quản lý;

- Ngày 28 tháng 12 năm 2018, Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh ban hành quyết định số 633/QĐ-UBND, về việc phân bổ chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách Nhà nước năm 2019 do Thành phố phân bổ và quản lý.

Trong đó:

- + Nguồn ngân sách tập trung 106,465 tỷ đồng;
- + Nguồn tiền sử dụng đất năm 2019 là 47,50 tỷ đồng; Nguồn tiền sử dụng đất tăng thu năm 2018 là 38,20 tỷ đồng.

I. Kết quả thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm và tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng

1. Kết quả thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019 (tính đến 31/5/2019) đã phân bổ là 463,579 tỷ đồng, bố trí cho 150 dự án, công trình.

Tính đến ngày 31/5/2019, giải ngân đạt **9,30%** tổng kế hoạch (43,101/463,579 tỷ đồng), cụ thể:

- Vốn Tỉnh quản lý: giải ngân đạt 1,24% so với kế hoạch.
- Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu: giải ngân đạt 50,91% so với kế hoạch.
- Vốn Thành phố quản lý: giải ngân đạt 11,84% so với kế hoạch, gồm:

- + Vốn ngân sách tập trung đạt 7,77% so với kế hoạch.
- + Tiền sử dụng đất đạt 17,69% so với kế hoạch.
- + Vốn vay tín dụng đạt 0% kế hoạch.
- Vốn khác: giải ngân đạt 47,31% so với kế hoạch.
- Vốn giao xã, phường quản lý: giải ngân đạt 32,43% so với kế hoạch.
- Vốn CTMTQG (giao xã, phường quản lý): giải ngân đạt 7,35% so với kế hoạch.

Ước thực hiện đến (ngày 30/6/2019) giải ngân vốn đầu tư phát triển đạt 44,39% so với kế hoạch.

(Chi tiết xem Phụ biểu 01 đính kèm)

2. Tiến độ giải ngân cụ thể từng công trình:

(Chi tiết xem Phụ biểu 02 đính kèm)

II. Kết quả thực hiện các dự án theo Nghị quyết số 01-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh (tính từ đầu thời điểm triển khai đến nay)

1. Các dự án trọng điểm theo Nghị quyết số 84/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh

- Dự án mở rộng đường vào Sở Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Tỉnh (đoạn từ Quốc lộ 30 đến cầu Bình Trị): thi công đạt 98% tổng khối lượng; giải ngân đạt 99,77% vốn kế hoạch.

- Dự án đường Tân Việt Hòa (đoạn từ đường Phạm Hữu Lầu đến điểm đầu nối với đường vào cầu Cao Lãnh): thi công đạt 100% tổng khối lượng; giải ngân đạt 75,68 % vốn kế hoạch.

- Dự án đường Lê Đại Hành giai đoạn 2 (đoạn từ đường Trần Quang Diệu đến đường Phù Đồng): thi công đạt 100% tổng khối lượng; giải ngân đạt 100% vốn kế hoạch.

- Dự án đường Lý Thường Kiệt nối dài và dự án đường Sở Tư pháp kết nối đường Tân Việt Hòa: một phần nằm trong dự án khu đô thị mới phường 3, dự án thuộc nhóm B đã hoàn thành thủ tục trình HĐND phê duyệt; làm cơ sở pháp lý tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ xin chuyển mục đích sử dụng đất (đất trồng lúa) .

- Dự án nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở dọc sông Tiền: tỉnh có chủ trương giao phần xây dựng cho Ban Quản lý dự án xây dựng các công trình Nông nghiệp, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện.

- San lấp mương lộ mở rộng đường Phạm Hữu Lầu (đoạn từ cầu Cái Tôm đến nút giao Tân Việt Hòa): đã có báo cáo thẩm định NCKT, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án đầu tư.

- Triển khai thực hiện xây dựng hoàn thành 03 trường học thuộc kế hoạch đầu tư năm 2017 (Mầm non Mỹ Trà - giai đoạn 2; Trung học cơ sở Nguyễn Chí Thanh - giai đoạn 2; Tiểu học Võ Thị Sáu - giai đoạn 2). Riêng trường Trung học

cơ sở Kim Hồng đấu thầu xong hạng mục san lấp mặt bằng, tổ chức đấu thầu thiết kế hạng mục phần thân các hạng mục phụ.

Thực hiện Nghị Quyết 01-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí 13 danh mục công trình, dự án với tổng mức đầu tư 1.984,60 tỷ đồng, trong đó thành phố trực tiếp làm chủ đầu tư 800 tỷ đồng, đến thời điểm hiện nay phân bổ được 382,7 tỷ đồng cho 8 công trình, dự án.

Tính đến cuối tháng 4 năm 2019 giải ngân 190,6/382,7 đạt 49,8%, cụ thể:

- Có 3 công trình dự án giải ngân đạt 99 – 100%;
- Có 2 công trình dự án giải ngân đạt 31,7 – 75,7%;
- Có 3 công trình dự án chưa giải ngân.

Ước đến cuối năm 2019 phân vốn của ngân sách tỉnh phân bổ cho Thành phố giải ngân đạt từ 80% trở lên.

- Những ưu điểm trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.
 - + Ủy ban nhân dân thành phố tập trung chỉ đạo các phòng chuyên môn tham mưu để thực hiện dự án.
 - + Ủy ban nhân dân thành phố thường xuyên kiểm tra tiến độ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.
 - + Có sự phối hợp và hỗ trợ kịp thời của các Sở chuyên môn của tỉnh.
- Những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.
 - + Công tác phân khai giao vốn chưa kịp thời.
 - + Phần lớn các dự án giao cho Thành phố làm chủ đầu tư phải thực hiện công tác thu hồi đất bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

(Chi tiết xem Phụ biểu 03 đính kèm)

2. Bên cạnh việc triển khai thủ tục đầu tư các dự án trọng điểm trong Nghị quyết của Tỉnh ủy, Thành phố cũng đang triển khai các dự án trọng điểm theo Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2.1. Dự án đầu tư từ nguồn vốn khai thác quỹ đất đầu tư kết cấu hạ tầng

- Các tuyến đường xung quanh Khu liên hợp thể dục thể thao Tỉnh: tiến độ xây dựng đạt 85% khối lượng.

2.2. Lĩnh vực Nông nghiệp - Thủy lợi

- Lập hồ sơ thủ tục đầu tư (giai đoạn 1, L= 2,5km) công trình Nạo vét sông Cao Lãnh. Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu miễn giảm thủy lợi phí Trung ương cấp tăng thêm của kế hoạch vốn các năm 2016, 2017 và 2018.

2.3. Dự án kêu gọi đầu tư

Đường Nguyễn Văn Tre, xã Mỹ Trà có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận dự án đầu tư có sử dụng đất theo Nghị định 30/2015/NĐ-CP ngày 17/03/2015 của Chính phủ, trình Sở Xây dựng phê duyệt chỉ tiêu về quy hoạch.

III. Đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Mặt được.

- Ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh có quyết định phân bổ chi tiết các nguồn vốn đầu tư đến các chủ đầu tư (*Quyết định số 633/QĐ-UBND, về việc phân bổ chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách Nhà nước năm 2019 do Thành phố phân bổ và quản lý*).

- Thường xuyên đi công trình kiểm tra tiến độ thi công, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

2. Tồn tại, hạn chế sau:

- Công tác giải ngân những tháng đầu năm 2019 còn chậm. Lý do các chủ đầu tư tập trung giải ngân vốn kế hoạch năm 2018 (*đến hết ngày 31/01/2019*).

- Dự án, công trình thuộc nguồn vốn khác (*mục D phụ biểu 01*) tiến độ còn chậm. Đặc biệt là các công trình thuộc nguồn vốn thủy lợi phí chưa giải ngân.

*** Nguyên nhân khách quan**

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng ở một số hạng mục công trình gặp nhiều khó khăn, nhất là những công trình thực hiện cơ chế vận động nhân dân và nhà nước cùng làm, *dân hiến đất làm vỉa hè*.

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Các chủ đầu tư chưa thực sự quan tâm công tác chủ bị các thủ tục đầu tư.

Phần thứ hai

Điều chỉnh kế hoạch vốn phân bổ năm 2019 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2019

I. Điều chỉnh kế hoạch vốn phân bổ năm 2019

Tổng nguồn phân bổ đầu năm 2019 là 192,165 tỷ đồng (*nguồn NSTT và thu tiền SDD*) một số công trình không thực hiện được, đồng thời bên cạnh có một số công trình có nhu cầu đầu tư xây dựng, điều chỉnh tăng giảm không ảnh hưởng đến tổng giá trị bố trí ban đầu.

1. Số công trình, dự án đã phân khai bố trí vốn không thể triển khai trong năm là 13 công trình, đề nghị điều chỉnh giảm với số vốn là 27,470 tỷ đồng. Bao gồm:

- Nguồn vốn NSTT, công trình khởi công mới.

+ Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật: 03 công trình, vốn phân bổ 11,2 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực Cấp nước sạch : 01 công trình, vốn phân bổ 0,370 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực Cấp điện : 01 công trình, vốn phân bổ 0,500 tỷ đồng.

+ Trụ sở cơ quan QLNN: 01 công trình, vốn phân bổ 0,600 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực Thương mại: 01 công trình, vốn phân bổ 1,000 tỷ đồng.

- Công trình, dự án chuyên tiếp
- + Lĩnh vực Thương mại: 02 công trình, vốn phân bổ 2,000 tỷ đồng.
- Nguồn vốn tiền sử dụng đất. Lĩnh vực Giao thông. Khởi công mới
- + Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật: 03 công trình, vốn phân bổ 8,500 tỷ đồng.
- Nguồn vốn tiền sử dụng đất. Lĩnh vực Giao thông. Công trình chuyên tiếp
- + Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật: 02 công trình, vốn phân bổ 3,300 tỷ đồng.

(Chi tiết điều chỉnh giảm vốn Phụ biểu 04 đính kèm).

2. Số công trình, dự án bổ sung bố trí vốn thực hiện trong năm 2019 là 21 công trình, dự án với số vốn là 27,470 tỷ đồng. Bao gồm:

- Nguồn vốn NSTT: 14 công trình, dự án với số vốn phân bổ là 15,670 tỷ đồng.
- Nguồn vốn tiền SDD: 7 công trình với số vốn phân bổ là 11,000 tỷ đồng.

(Chi tiết bổ sung kế hoạch vốn Phụ biểu 05 đính kèm).

II. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020

Do thực tế một số công trình không triển khai thực hiện được, bên cạnh đó có một số công trình có nhu cầu đầu tư xây dựng. Đề xuất điều chỉnh tăng giảm danh mục công trình đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020, điều chỉnh này không ảnh hưởng đến tổng nguồn vốn đã bố trí.

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020.

+ Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật: 02 công trình, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 30,541 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực Cấp nước sạch : 01 công trình, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 0,370 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực Cấp điện : 01 công trình, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 0,500 tỷ đồng.

+ Lĩnh vực Thương mại: 02 công trình, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 5.143 tỷ đồng.

(Chi tiết điều chỉnh giảm vốn Phụ biểu 06 đính kèm).

2. Bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020.

- Chi bồi hoàn GQKN các công trình trên địa bàn TP, số tiền 9,00 tỷ đồng.
- Lĩnh vực Thương mại: 02 công trình, dự án, số tiền 2,890 tỷ đồng.
- Trụ sở Cơ quan QLNN: 02 công trình, số tiền 11,050 tỷ đồng.
- Lĩnh vực Giao thông - hạ tầng kỹ thuật 09 công trình, dự án số tiền 13,615 tỷ đồng.

(Chi tiết bổ sung kế hoạch vốn Phụ biểu 07 đính kèm).

Phần thứ ba

Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm

1. Chủ động lập phương án đề xuất đầu tư đối với các dự án mời gọi đầu tư trên địa bàn Thành phố đã ký bản ghi nhớ với Nhà đầu tư để đủ thủ tục triển khai thực hiện đầu tư xây dựng.

2. Tập trung hoàn thành thủ tục đầu tư để khởi công xây dựng các công trình đã được bố trí kế hoạch vốn thực hiện đầu tư.

3 Thường xuyên đi thực tế kiểm tra tiến độ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thành đúng kế hoạch; thực hiện chế tài nghiêm theo quy định đối với nhà thầu thi công chậm tiến độ

4. Theo dõi, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn trong cân đối đã, kịp thời đáp ứng vốn giải ngân khi có khối lượng hoàn thành.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm 2019 và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm ./.

Nơi nhận: *psu*

- Văn phòng/Thành ủy;
- CT và các PCT/UBNDTP;
- LĐVP/HĐND&UBNDTP;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Cư Trinh

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo số 130 /BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh)

Đơn vị tính: triệu đồng



Số TT	Diễn giải	Số lượng công trình	Tổng cộng	KH vốn được giao	Vốn chuyển tiếp	Giải ngân đến 31/5/2019	Tỷ lệ % giải ngân	Ước thực hiện đến 30/6/2019	Tỷ lệ % giải ngân đến 30/6/2019	Ghi chú
1	2	3	4=(5+6)	5	6	7	8=7/4	9	10=9/4	11
A	Nguồn vốn NS cấp tỉnh quản lý và phân bổ	9	208.593	156.483	52.110	2.583	1,24%	105.166	50,42%	
1	Nguồn XDCCB tập trung	2	15.720	15.720	-	-				
2	Nguồn vốn XSKT	3	141.121	140.763	358	1.154				
3	Nguồn vốn XSKT năm trước chuyển sang	6	51.752	-	51.752	1.429				
B	Nguồn vốn NS tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	7	21.087	9.200	11.887	10.736	50,91%	16.104	76,37%	
1	NS tập trung tỉnh hỗ trợ	4	10.404	9.200	1.204	7.003				
2	Nguồn tiền sử dụng đất tỉnh hỗ trợ	2	683	-	683	-				
3	Phát triển cây xanh đô thị 2018	1	10.000	-	10.000	3.733				
C	Nguồn vốn NS cấp Thành phố quản lý và phân bổ	104	220.999	192.165	28.834	26.159	11,84%	78.477	35,51%	
I	Ngân sách tập trung nguồn TP	69	130.386	106.465	23.921	10.132	7,77%			
1	Công trình khởi công mới	46	47.978	43.800	4.178	2.740				
2	Công trình chuyển tiếp	23	76.242	56.500	19.742	7.392				
4	Tắt toán nguồn		163	162	0,64	-				
5	Trả nợ		5.503	5.503	-	-				
6	Chuẩn bị đầu tư các công trình năm 2020		500	500	-	-				
II	Nguồn tiền sử dụng đất	35	90.613	85.700	4.913	16.027	17,69%			
1	Nguồn sử dụng đất năm 2019	27	50.942	47.500	3.442	9.604				
2	Nguồn sử dụng đất vượt thu năm 2018	8	39.671	38.200	1.471	6.423				
D	Vốn khác	13	4.697	-	4.697	2.222	47,31%	3.222	68,60%	
1	Nguồn thủy lợi phí	2	216	-	216	-				
2	Nguồn vốn HT đất trồng lúa	2	750	-	750	-				
3	CTMTQGXDNTM	2	1.121	-	1.121	-				
4	SN Kinh tế	6	387	-	387	-				
5	Khắc phục sạt lở bờ sông tiền	1	2.223	-	2.223	2.222				
E	Cấp xã phường quản lý	8	3.182	1.308	1.874	1.032	32,43%	2.064	64,86%	
F	Vốn chương trình MTQG	9	5.021	3.460	1.561	369	7,35%	738	14,70%	
	Tổng cộng	150	463.579	362.616	100.963	43.101	9,30%	205.771	44,39%	

CHI TIẾT DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN BỐ - TÍNH ĐẾN 31/5/2019

(Kèm theo báo cáo số 13/BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng



STT	Nguồn vốn	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư trong năm				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo				Tỷ lệ % KH đã giao
				Tổng số	Theo kế hoạch UBND tỉnh giao đầu năm	Kế hoạch bổ sung thêm so với QĐ của UBND tỉnh giao đầu năm		Tổng số	Theo kế hoạch UBND tỉnh giao đầu năm	Kế hoạch bổ sung thêm so với QĐ của UBND tỉnh giao đầu năm		
						KH vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Bổ sung trong năm			KH vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Bổ sung trong năm	
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
	TỔNG SỐ			458.558	343.436	115.122	-	39.001	20.136	18.865	-	9%
A	Nguồn vốn ngân sách tỉnh			208.593	140.763	67.830	-	2.583	797	1.786	-	1%
I	Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung			15.720	-	15.720	-	-	-	-	-	0%
	Vốn XDCB tập trung năm trước chuyển sang			15.720	-	15.720	-	-	-	-	-	0%
1	Trụ sở làm việc Ban CHQS và Công an xã Mỹ Ngãi	2017-2019	630/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017	720		720						
2	Đường ĐT 846 đoạn từ Tân Nghĩa đến Quốc Lộ 30- Phần đền bù	2018-2022	1300/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2017	15.000		15.000						
II	Nguồn vốn xổ số kiến thiết			192.873	140.763	52.110	-	2.583	797	1.786	-	1%
	Vốn xổ số kiến thiết năm kế hoạch			141.121	140.763	358	-	1.154	797	358	-	1%
1	Nâng cấp tuyến đê bao. Kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống dọc sông Tiền, TPCL	2018-2012	1328/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2018	100.000	100.000							

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
2	Trường tiểu học Võ Thị Sáu	2017-2019	715/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	3.858	3.500	358		1.154	797	358		
3	Trường THCS Kim Hồng	2017-2020	717/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	37.263	37.263			-				
	Vốn xố số kiến thiết năm trước chuyển sang			51.752	-	51.752	-	1.429	-	1.429	-	
1	Mở rộng đường vào Sở chỉ huy bộ đội biên phòng Tỉnh	2016-2018	Số 356/QĐ-UBND-HC ngày 30/03/2016	23		23		-				4
2	Đường Tân Việt Hoà	2016-2018	Số 320/QĐ-UBND-HC ngày 21/03/2016	5.593		5.593		909		909		
3	Đường Lý Thường Kiệt nối dài -Phân đền bù	2018-2020	1299/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2017	26.521		26.521		-				
4	Đường sở Tư pháp kết nối đường Tân Việt Hoà-Phân đền bù	2018-2020	1298/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2017	15.000		15.000		-				
5	Trường MN Mỹ Trà (giai đoạn 2)	2017-2018	712/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	2.974		2.974		520		520		
6	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh (giai đoạn 2)	2017-2018	716/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	1.642		1.642		-				
B	Nguồn Ngân sách Tỉnh hỗ trợ			21.087	9.200	11.887	-	7.003	3.240	3.763	-	33%
I	NguồnNS Tập trung tỉnh hỗ trợ			10.404	9.200	1.204	-	3.240	3.240	-	-	
1	Trụ sở UBND Phường 6	2018	1251/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016	2.738	2.200	538		-				

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
2	Trụ sở UBND Phường Hoà Thuận	2019-2020	434/QĐ-UBND 30/12/2018	7.000	7.000			3.240	3.240			
3	Trụ UBND xã Tân Thuận Đông	2017-2018	1251/QĐ-UBND,HC, ngày 31/10/2016	397		397		-				
4	Trụ sở UBND Phường 3	2017-2018	1251/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016	269		269		-				
II	Nguồn SDD tính hỗ trợ			683	-	683	-	-	-	-	-	-
1	Vườn cây ăn Trái		458A/QĐ-UBND ngày30/7/2015	0,0570		0,057		-				
2	Khu Nghi Xuân		2079/QĐ-UBND ngày31/12/2007	683		683		-				
III	Hỗ trợ có MT phát triển cây xanh đô Thị 2018 trên địa bàn TPCL			10.000	-	10.000	-	3.763	-	3.763	-	
	Phát triển cây xanh đô Thị 2018 trên địa bàn TPCL	2018-2019	84/QĐ-UBND ngày 05/03/2018	10.000		10.000		3.763		3.763		
C	Nguồn vốn ngân sách thành phố			220.999	192.165	28.834	-	26.160	15.086	11.074	-	12%
I	Nguồn NSTT năm kế hoạch			130.386	106.465	23.921	-	10.132	6.688	3.445	-	8%
I.1	Công trình, dự án khởi công mới			47.978	43.800	4.178	-	2.740	2.740	-	-	6%
1)	Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật			10.500	10.500	-	-	-	-	-	-	0%
1	Đường giáp Phường 6 - nhà Chín Bự (cầu rạch Cá Chốt)	2019-2020	67/QĐ-UBND 16/10/2017	1.000	1.000			-				
2	Đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Hùng Vương)	2019	424/QĐ-UBND 24/10/2018	1.400	1.400			-				
3	Chỉnh trang hẻm sau đường Nguyễn Văn Trỗi	2019	423/QĐ-UBND 24/10/2018	3.000	3.000			-				

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
4	Cầu Nguyễn Bình Khiêm	2019-2020	430/QĐ-UBND 24/10/2018	1.000	1.000			-				
5	Via hè, cống thoát nước đường Lê Duẩn	2019	433/QĐ-UBND 24/10/2018	1.700	1.700			-				
6	San lấp mặt bằng, làm hàng rào khu nghĩa trang	2019-2020	432/QĐ-UBND 25/10/2018	1.000	1.000			-				
7	Kè và đường vào Trường TH Ngô Thời Nhậm	2019-2021	446/QĐ-UBND 29/10/2018	700	700			-				
8	Bến phà chùi Cao Lãnh - Lắp Vò (gần vị trí bến phà Cao Lãnh cũ)	2019 - 2020	426/QĐ-UBND 25/10/2018	700	700			-				
2)	Lĩnh vực Cấp nước sạch			1.023	770	253	-	-	-	-	-	0%
1	Tuyến cấp nước từ cầu Ông Hoàng đến giáp phường Mỹ Phú (giai đoạn 2)	2019	433/QĐ-UBND 25/10/2018	400	400			-				
2	Đường Ông Sùng đến Sáu Cửa	2019		370	370			-				
3	Hệ thống cấp nước xã Tịnh Thới	2018	75/QĐ-UBND, ngày 18/10/2017	90		90		-				
4	Hệ thống cấp nước xã Hòa An	2018	74/QĐ-UBND, ngày 18/10/2017	163		163		-				
3)	Lĩnh vực Cấp điện			3.551	1.880	1.671	-	-	-	-	-	0%
1	Cải tạo, thay thế hệ thống đèn LED các tuyến đường trên địa bàn Thành phố	2019		1.000	1.000			-				
2	Tuyến điện từ Mương Năm Quý đến anh Duy, ấp Đông Định	2019	437/QĐ-UBND 26/10/2018	380	380			-				
3	Tuyến điện từ cầu Rạch Vòng đến Bảy Cừ	2019		500	500			-				

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
4	Hệ thống điện xã Mỹ Tân (Phần 1)	2018	77/QĐ-UBND, ngày 18/10/2017	1.273		1.273		-				
5	Tuyến điện từ cầu Ông Hoàn - giáp phường Mỹ Phú	2018	76/QĐ-UBND, ngày 18/10/2017	114		114		-				
6	Hệ thống điện xã Mỹ Tân (Phần 2)	2018	78/QĐ-UBND, ngày 18/10/2017	62		62		-				
7	Tuyến điện rạch Xếp Lá (đoạn từ đường Võ Văn Trị đến đường Lò Rèn)	2018	79/QĐ-UBND, ngày 18/10/2017	51		51		-				
8	Tuyến điện tổ 3, ấp Tịnh Đông (từ nhà Tư Điện đến nhà Hai Phục)	2018	80/QĐ-UBND, ngày 18/10/2017	81		81		-				
9	Hệ thống điện xã Tân Thuận Đông	2018	83/QĐ-UBND, ngày 18/10/2017	23		23		-				
10	Tuyến điện rạch Cái Bún	2018	84/QĐ-UBND, ngày 18/10/2017	27		27		-				
11	Tuyến điện chiếu sáng đường GTNT (đường Hồng Móm - Hai Nhân; đường của Anh Rắt - của Anh Dóm)	2018	119/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017	9		9		-				
12	Tuyến điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường tổ 38, 39, 40	2018	118/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017	31		31		-				
13	Cải tạo, thay thế hệ thống đèn LED và tái sử dụng đèn Sodium các tuyến đường trên địa bàn Thành phố	2018	117/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017	0,109		0,109		-				
4)	Lĩnh vực Giáo dục			13.500	11.800	1.700	-	1.197	1.197	-	-	9%
1	Trường MN Hòa An 4	2019-2020	86/QĐ-UBND 20/10/2017	1.000	1.000			-				
2	Trường TH Mỹ Phú (GĐ2)	2019-2020	88/QĐ-UBND 20/10/2017	1.800	1.000	800		679	679			
3	Trường TH Trung Vương - điểm phụ	2019-2020		3.000	3.000			-				

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
4	Trường THCS Nguyễn Tú (GD2)	2019-2020	90/QĐ-UBND 20/10/2017	2.000	2.000			519	519			
5	Trường THCS Nguyễn Thị Lựu (GD2)	2019-2020	89/QĐ-UBND 20/10/2017	1.000	1.000			-				
6	Duy tu, sửa chữa trường học hè hàng năm	2019		3.800	3.800			-				
7	Trường MN Tịnh Thới 4	2018	87/QĐ-UBND, ngày 20/10/2017	900		900		-				
5)	Trụ sở cơ quan QLNN			13.604	13.050	554	-	1.543	1.543	-	-	11%
1	Trụ UBND xã Tân Thuận Tây	2019-2020	QĐ số 93/QĐ-UBND ngày 19/10/2017	3.000	3.000			-				
2	Trụ sở UBND xã Mỹ Ngãi	2019-2020		1.000	1.000			-				
3	Trụ sở UBND phường Hòa Thuận (<i>phần đối ứng NS Thành Phố</i>)	2019-2020	QĐ số 430/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	100	100			100	100			
4	Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và quân chủng thành phố	2019-2020	QĐ số 438/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	1.000	1.000			-				
5	Đối ứng vốn đầu tư xây dựng trụ sở Ban CHQS phường 2, phường 3, phường Mỹ Phú và trụ sở CA xã Mỹ Tân	2019	QĐ số 85/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	1.600	1.600			918	918			
6	Trụ sở BND khóm Mỹ Thượng	2019		550	550			-				
7	Nhà VH + Trụ sở BND ấp Tịnh Đông	2019		550	550			-				
8	Nhà VH + Trụ sở BND ấp Tân Tịch	2019	QĐ số 96/QĐ-UBND ngày 20/10/2017	550	550			-				
9	Trụ sở BND Khóm 2 (Phường 11)	2019	QĐ số 100/QĐ-UBND ngày 20/10/2017	550	550			-				
10	Trụ sở BND Khóm 5 (Phường 11)	2019	QĐ số 101/QĐ-UBND ngày 20/10/2018	550	550			-				

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
11	Trụ sở BND Khóm 3	2019		600	600			-				
12	Trụ sở BND Khóm 1 (Phường 6)	2019	QĐ số 439/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	600	600			233	233			
13	Trụ sở BND Khóm 2 (Phường 6)	2019	QĐ số 440/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	600	600			291	291			
14	Trụ sở BND Khóm 3 (Phường 11)	2019	QĐ số 441/QĐ-UBND ngày 26/10/2019	600	600			-				
15	Trụ sở BND khóm Mỹ Trung	2019		600	600			-				
16	Trụ sở BND khóm Thuận Nghĩa	2019		600	600			-				
17	Trụ sở UBND Phường 3 (đối ứng vốn Tỉnh hỗ trợ)	2018	1251/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016	54		54		-				
18	Trụ UBND xã Tân Thuận Đông (đối ứng vốn Tỉnh hỗ trợ)	2018	1251/QĐ-UBND,HC, ngày 31/10/2016	500		500		-				
6)	Lĩnh vực Thương mại			3.000	3.000	-	-	-	-	-	-	0%
1	Cải tạo, sửa chữa chợ Bà Học	2019		2.000	2.000			-				
2	Chợ xã Tân Thuận Đông	2019-2020		1.000	1.000			-				
7)	Lĩnh vực văn hóa thông tin			2.800,12	2.800	0,120	-	-	-	-	-	0%
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố Cao Lãnh (GĐ3)		423/QĐ-UBND, ngày 23/10/2018	800	800			-				
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố Cao Lãnh (GĐ2)	2018	113/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	0,120		0,120		-				
3	Hệ thống Camera an ninh trên địa bàn thành phố Cao Lãnh			2.000	2.000			-				
I.2	Công trình, dự án chuyên tiếp			76.242	56.500	19.742	-	7.392	3.948	3.445	-	10%
1)	Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật			25.810	17.900	7.910	-	962	-	962	-	

2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
Đường từ bến đò qua Phường 3 - chùa Hội Khánh	2018-2019	65/QĐ-UBND, ngày 16/10/2017	2.100	2.000	100						
Đường Tân Việt Hòa (đoạn từ cầu Rạch Miễu đến UBND xã Tịnh Thới)	2018-2019	58/QĐ-UBND, ngày 13/10/2017	1.000	1.000							
Đường số 12 (cấp hông nghĩa trang liệt sĩ Tỉnh)	2018-2019	47/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017	5.500	5.300	200						
Cầu Đổ Công Tường	2018-2019	45/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017	4.200	4.200							
Đường vào trụ sở UBND Phường 3	2018-2019	669/QĐ-UBND, ngày 23/10/2016	5.584	5.400	184						
Đường Võ Văn Trị	2017-2018	179/QĐ-UBND, ngày 31/3/2016	160		160						
Đường Nguyễn Quang Diêu và đường Trần Phú (nối dài)	2017-2018	165/QĐ-UBND, ngày 29/3/2016	20		20						
Đường từ lộ nhựa Phường 6 đến cầu khém Chốt Trong (đối ứng vốn ĐTPT CTMTQG XD NTM)	2017-2018	173/QĐ-UBND, ngày 30/3/2016	1.152		1.152						
Đường đan từ cầu Ông Khuôn đến cổng chùa Thới An (đối ứng vốn SN XD NTM)	2017-2018	743/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	67		67						
Đường từ từ cổng Bà Hường đến cuối đường (đối ứng vốn ĐTPT CTMTQG XD NTM)	2017-2018	172/QĐ-UBND, ngày 30/3/2016	273		273						
Cầu Bà Học ngoài (đi huyện Cao Lãnh)	2017-2018	614/QĐ-UBND, ngày 29/9/2016	568		568						
Cầu qua trường THCS Tân Thuận Đông	2017-2018	668/QĐ-UBND, ngày 21/10/2016	42		42						

1	2	3	4	5-07/10	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
13	Cầu Ông Chim	2017-2018	649/QĐ-UBND, ngày 14/10/2016	22		22		-				
14	Cầu Kháng Chiến	2017-2018	650/QĐ-UBND, ngày 14/10/2016	100		100		-				
15	Cầu Bà Học trong (đi KDC Bà Học)	2017-2018	651/QĐ-UBND, ngày 14/10/2016	865		865		-				
16	Via hè đường 30/4 (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Tôn Đức Thắng)	2017-2018	711/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	1.000		1.000		-				
17	San lấp kênh Thầy Cừ (đoạn từ nhà ông Út Lộc đến cầu Vàm Đình)	2017-2018	655/QĐ-UBND, ngày 21/10/2016	1.251		1.251	962			962		
18	Đường cặp sông Quãng Khánh (đoạn từ cống Bảy Bòn đến cầu Quãng Khánh)	2018	50/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017	441		441		-				
19	Via hè đường 30/4 (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Nguyễn Văn Bảnh)	2018	631/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017	176		176		-				
20	Đường tổ 38, khóm 4 (rạch Ba Khía)	2018	40/QĐ-UBND, ngày 09/10/2017	944		944		-				
21	Cống thoát nước đường Nguyễn Quang Diêu (đoạn từ Trụ sở BND Khóm 1 đến đường 30/4)	2018	116/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017	346		346		-				
2)	Lĩnh vực Nông nghiệp - Thủy lợi			2.402	500	1.902	-	66	-	66	-	3%
1	Nạo vét sông Cao Lãnh	2019	81/QĐ-UBND, ngày 18/10/2017	1.000	500	500		-				
2	Nắn tuyến đoạn sạt lở đường nhựa khóm 3	2018	54/QĐ-UBND, ngày 13/10/2017	262		262		-				
3	Khắc phục sạt lở đường Trần Văn Năng	2018	55/QĐ-UBND, ngày 13/10/2017	1.140		1.140		66		66		

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
3)	Lĩnh vực Giáo dục			13.122	9.500	3.622	-	-	-	-	-	0%
1	Trường MN Tịnh Thới 4	2018-2019	87/QĐ-UBND, ngày 20/10/2017	9.300	9.300			-				
2	Trường TH Võ Thị Sáu - GD2	2017-2018	715/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	1.100	100	1.000		-				
3	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh (GD 2)	2018-2019	716/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	1.308	100	1.208		-				
4	Trường MN Mỹ Trà - GD2 (điểm chính Rạch Chanh)	2017-2018	712/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	793		793		-				
5	Trường THCS Kim Hồng	2018-2019	717/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	202		202		-				
6	Duy tu, sửa chữa trường học hè hàng năm 2018	2018	92/QĐ-UBND, ngày 20/10/2017	419		419		-				
4)	Trụ sở cơ quan QLNN			20.820	17.200	3.620	-	2.842	1.525	1.317	-	14%
1	Khối nhà làm việc và Hội trường UBND thành phố Cao Lãnh	2017-2019	709/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	10.967	9.000	1.967		2.793	1.525	1.269		
2	Trụ sở UBND Phường 3 (đối ứng vốn Tỉnh hỗ trợ)	2018-2019	1251/QĐ-UBND.HC, ngày 31/10/2016	2.900	2.900			-				
3	Trụ sở UBND Phường 6 (đối ứng vốn Tỉnh hỗ trợ)	2018-2019	1251/QĐ-UBND.HC, ngày 31/10/2016	2.000	2.000			-				
4	Trụ UBND xã Tân Thuận Đông (đối ứng vốn Tỉnh hỗ trợ)	2018-2019	1251/QĐ-UBND.HC, ngày 31/10/2016	1.400	1.400			-				

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
5	Trụ sở BND nhóm 2 (bao gồm: san lấp, đường vào và trụ sở nhóm)	2018	633/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017	1.000	1.000			-				
6	Trụ sở làm việc BCH Quân sự và Công an xã Mỹ Ngãi (đối ứng vốn Tỉnh hỗ trợ)	2018-2019	630/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017	1.803	900	903		-				
8	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Ban chỉ huy quân sự thành phố	2018	85/QĐ-UBND, ngày 18/10/2017	15		15		-				
9	Trụ sở BND ấp 1	2018	97/QĐ-UBND, ngày 20/10/2017	558		558		-				
10	Trụ sở BND nhóm Mỹ Thiện	2018	99/QĐ-UBND, ngày 20/10/2017	176		176		48		48		
5)	Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin			11.381	8.700	2.681	-	3.523	2.423	1.100	-	31%
1	Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng xã Tịnh Thới	2018-2019	102/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	1.581	1.000	581		-				
2	Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng xã Mỹ Ngãi	2018-2019	109/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	3.700	2.700	1.000		348	348			
3	Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng xã Mỹ Tân	2018-2019	110/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	4.100	3.000	1.100		3.174	2.074	1.100		
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố Cao Lãnh (GD2)	2018-2019	113/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	500	500			-				
4	Trùng tu và tôn tạo Khu di tích Chi bộ Đảng đầu tiên	2018-2019	721/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	500	500			-				
5	Phục dựng Khu căn cứ cách mạng Vườn Quýt, xã Hòa An	2018-2019	722/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	1.000	1.000			-				
6)	Lĩnh vực Thương mại			2.707	2.700	7	-	-	-	-	-	0%

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
1	Chợ xã Tịnh Thới	2018-2019	111/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	1.000	1.000			-				
2	Chợ xã Mỹ Ngãi	2018-2020		700	700			-				
3	Chợ Bình Trị	2018-2019	103/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	1.000	1.000			-				
4	Khu ẩm thực chợ Đền Dầu	2018	104/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	7		7		-				
I.3	Tất toán nguồn vốn đầu tư			162,306	162	0,640	-	-	-	-	-	0%
1	Tất toán các công trình đã quyết toán vốn đầu tư hoàn thành			162	162			-				
2	Trụ sở Phòng Giáo dục và đào tạo TPCL			0,143		0,143		-				
3	Trụ sở làm việc đội quản lý trật tự TPCL			0,264		0,264		-				
4	Công chào thành phố cao Lãnh mừng xuân 2016			0,233		0,233		-				
I.4	Trả nợ vay đầu tư phát triển			5.503	5.503	-	-	-	-	-	-	0%
1	Giao thông nông thôn và trạm bơm điện			3.503	3.503			-				
2	Vay đầu tư tôn nền 05 cụm dân cư vùng ngập lũ giai đoạn 1			2.000	2.000			-				
I.5	Chuẩn bị đầu tư các công trình thực dự kiến hiện đầu tư năm 2020			500	500			-				0%
II	Nguồn sử dụng đất			50.942	47.500	3.442	-	9.604	8.398	1.206	-	19%
II.1	Công trình, dự án khởi công mới			10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	0%
1)	Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật			10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	0%
1	San lấp rạch mở rộng đường Tắc Thầy Cai (đoạn từ đường Lê Đại Hành đến QL30, bao gồm lấp đặt cống thoát nước)	2019-2020	51/QĐ-UBND 10/10/2017	2.000	2.000			-				

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
2	Hai tuyến đường, công thoát nước cấp hông đèn thờ ông bà Đỗ Công Tường (đường số 4, đường số 7 đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Đồng Đa)	2019-2020	36/QĐ-UBND 09/10/2017	4.000	4.000			-				
3	Đường số 14 vào trường TH Võ Thị Sáu (rộng 5-9-5m, dài 328m)	2019	427/QĐ-UBND 25/10/2018	2.500	2.500			-				
4	Ba tuyến đường xung quanh Trường Nguyễn Chí Thanh (01 tuyến rộng 5-7-5m, dài 127m; 01 tuyến rộng 5-7-5, dài 167mm; 01 tuyến rộng 5-5,5-5m, dài 167m)	2019-2020	422/QĐ-UBND 24/10/2018	1.500	1.500			-				
II.2	Công trình, dự án chuyển tiếp			40.739	37.300	3.439	-	9.604	8.398	1.206	-	24%
1)	Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật			40.739	37.300	3.439	-	9.604	8.398	1.206	-	24%
1	Đường từ ngã ba vườn ông Huệ - cầu Bà Vại	2018-2019	70/QĐ-UBND, ngày 16/10/2017	1.300	1.300			-				
2	Đường cấp hông Trường lái kết nối xã An Bình	2018-2019	48/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017	1.500	1.500			-				
3	Đường Tổ 28, khóm 4	2018-2019	57/QĐ-UBND, ngày 13/10/2017	2.800	2.500	300		186		186		
4	Đường từ Hai Tình đến Anh Duy	2018-2019	59/QĐ-UBND, ngày 13/10/2017	800	800			339		339		
5	Mở rộng đường Mai Văn Khải (đoạn cầu UBND đến Công Bộ Từ) kể cả cầu Ba Sao	2018-2019	747/QĐ-UBND, ngày 24/8/2017	6.000	6.000			-				
6	Mở rộng đường Mai Văn Khải (đoạn Công Bộ Từ đến đường Bình Trị)	2018-2019	480/QĐ-UBND, ngày 25/8/2017	812	500	312		812	500	312		
7	Cầu Ông Chim trong (cuối tuyến đường Bà Vại đi xã Tân Nghĩa)	2018-2019	62/QĐ-UBND, ngày 13/10/2017	1.000	1.000			-				
8	Đường Ông Hồ	2018-2019	63/QĐ-UBND, ngày 13/10/2017	1.300	1.300			964	964			
9	Đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ QL30 đến cầu Mỹ Ngãi)	2017-2018	643/QĐ-UBND, ngày 14/10/2016	2.000	2.000			1.451	1.451			

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
10	Cầu và đường vào UBND xã Mỹ Ngãi	2017-2018	640/QĐ-UBND, ngày 13/10/2016	4.000	4.000			-				
11	Các tuyến đường xung quanh Khu liên hợp thể dục thể thao Tỉnh (Đối ứng vốn Tỉnh hỗ trợ)	2017-2018	218/QĐ-UBND ngày 08/05/2017	1.000	1.000			541	541			
12	Đường từ Trạm Xá đến cống Mã Vôi (đối ứng vốn ĐTPT CTMTQG XD NTM)	2017-2018	576/QĐ-UBND, ngày 25/9/2017	1.000	1.000			354	354			
13	Đường từ lộ nhựa Phường 6 đến cầu Khém Chốt trong (đối ứng vốn ĐTPT CTMTQG XD NTM)	2017-2018	173/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 607/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	1.000	1.000			-				
14	Đường đan từ cầu Ông Khuôn đến cống chùa Thới An (đối ứng vốn SN XD NTM)	2017-2019	743/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016; 582/QĐ-UBND, ngày 29/09/2017	2.000	2.000			-				
15	Đường từ cống Bà Hường đến cuối đường (đối ứng vốn ĐTPT CTMTQG XD NTM)	2017-2018	172/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 572/QĐ-UBND, ngày 20/09/2017	1.000	1.000			-				
16	Đường Cái Sao	2018-2019	44/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017	1.100	1.100			-				
17	Đường Ông Cả (đoạn từ QL30 đến đường Cái Sao)	2018-2019	45/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017	1.100	1.100			-				
18	Mở rộng đường Mai Văn Khải (đoạn từ đường Bình Trị đến đường Trần Văn Năng)	2018-2019	46/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017	1.800	1.800			1.343	1.343			
19	Tuyến đê bao ấp 1, ấp 2 (đoạn từ đường Mai Văn Khải đến cuối đường Trần Văn Năng)	2018-2019	112/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	1.300	1.300			565	565			
20	Đường từ cầu Cả Xáng đến cầu Cả Xáng 2	2018-2019	113/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	2.200	2.200			1.198	1.198			
21	Đường từ cầu Kháng Chiến đến cầu Kháng Chiến 2	2018-2019	114/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	900	900			900	900			

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
22	Đường từ cầu Nhạc Thìn đến cầu Long Hồi	2018-2019	69/QĐ-UBND, ngày 16/10/2017	1.000	1.000			584	584			
23	Cầu và đường vào cầu Lò Rèn	2018-2019	53/QĐ-UBND, ngày 13/10/2017	1.192	1.000	192		-				
24	Đường Vạn Thọ (từ nhà ông Sáu Khôi đến rạch ông Cai), bao gồm cầu Cà Xáng trên tuyến	2017-2018	639/QĐ-UBND, ngày 13/10/2016	1.615		1.615		369		369		
25	Cầu và đường vào UBND xã Mỹ Ngãi	2017-2018	640/QĐ-UBND, ngày 13/10/2016	42		42		-				
26	Đường Vạn Thọ (đoạn cầu Vạn Thọ - cầu Ông Đen), bao gồm cầu Ông Đen trên tuyến	2017-2018	638/QĐ-UBND, ngày 13/10/2016	397		397		-				
27	Đường Trạm y tế (đoạn từ đường Mai Văn Khai - cầu sắt Bà Học)	2017-2018	646/QĐ-UBND, ngày 14/10/2016	0,240		0,240		-				
28	Đường từ Trạm xá đến cống Mã Vôi (đối ứng vốn ĐTPT CTMTQG XD NTM)	2017-2018	576/QĐ-UBND, ngày 25/9/2017	1		1		-				
29	Cầu Ngô Thời Nhậm (đối ứng vốn Tỉnh)	2018	1301/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017	2		2		-				
30	Đường từ Hai Tỉnh đến Anh Duy	2018	59/QĐ-UBND, ngày 13/10/2017	527		527		-				
31	Đường cấp hông Trường lái kết nối xã An Bình	2018-2019	48/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017	50		50		-				
II.3	Tất toán nguồn vốn đầu tư			202	200	2	-	-	-	-	-	-
1	Tất toán các công trình đã quyết toán vốn đầu tư hoàn thành			200	200			-				
	Thay mái tol chợ nông sản Cao Lãnh			0,453		0,453		-				
	Sửa chữa các trường học trên địa bàn năm 2016			0,574		0,574		-				
	Mua sắm thiết bị trường học đạt chuẩn QG			0,777		0,777		-				

2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
Tuyến điện Khu dân cư Khóm 3, Phường 1 (giai đoạn 1)			0,649		0,649		-				
Nguồn Tăng thu Tiền sử dụng đất năm 2018			39.671	38.200	1.471	-	6.423	-	6.423	-	16%
Công trình, dự án khởi công mới			24.700	24.700	-	-	-	-	-	-	0%
Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật			24.700	24.700	-	-	-	-	-	-	0%
San lấp mương lộ mở rộng đường Phạm Hữu Lầu - đoạn từ cầu Cái Tôm đến nút giao Tân Việt Hòa (đối ứng vốn Tỉnh hỗ trợ)	2019-2021	434/QĐ-UBND 26/10/2018	1.000	1.000			-				
Đường bờ Bắc Sông Tiên đoạn từ giáp Phường 6 đến cầu chùa Hội Khánh	2019-2020	66/QĐ-UBND 16/10/2017	1.500	1.500			-				
Đường tránh sạt lở của Năm Gà	2019-2019	105/QĐ-UBND 25/10/2017	2.500	2.500			-				
Bồi thường Khu dân cư khóm 3, phường 1 (các con hộ ông Nguyễn Văn Quốc)			15.000	15.000			-				
Hệ thống thoát nước khu 500		428/QĐ-UBND 25/10/2018	2.000	2.000			-				
Via hè, công thoát nước đường Nguyễn Thái Học (đoạn cầu Y tế - cầu Cái Tôm trong)	2019	429/QĐ-UBND 25/10/2018	2.000	2.000			-				
Hẻm Lê Quý Đôn - Trương Định (Cấp khách sạn Xuân Mai)	2019	425/QĐ-UBND 24/10/2018	700	700			-				
Công trình, dự án chuyển tiếp			14.971	13.500	1.471	-	6.423	-	6.423	-	43%
Lĩnh vực Giáo dục			13.500	13.500	-	-	6.407	-	6.407	-	47%
Trường THCS Kim Hồng	2018-2019	717/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	13.500	13.500			6.407		6.407		
Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật			1.471	-	1.471	-	16	-	16	-	

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
1	Đường từ bến đò Mỹ Hiệp - cầu Phạm Văn Hí (đối ứng vốn Tỉnh hỗ trợ)	2016-2018	164/QĐ-UBND, ngày 29/3/2016	1		1		-				
2	Đường Tân Việt Hòa đoạn từ đường Phạm Hữu Lầu đến điểm đầu nối với đường vào cầu Cao Lãnh (đối ứng vốn Tỉnh hỗ trợ chi trả bồi thường)	2016-2017	320/QĐ-UBND, ngày 21/3/2016	722		722		-				
3	Đường Ông Cả (đoạn từ QL30 đến đường Cái Sao)	2018-2019	45/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017	59		59		-				
4	Đường từ cầu Cà Xáng đến cầu Cà Xáng 2	2018-2019	113/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	151		151		-				
5	Đường Trạm y tế (đoạn từ đường Mai Văn Khái - cầu sắt Bà Học)	2017-2018	646/QĐ-UBND, ngày 14/10/2016	1		1		-				
6	Dự án khu tái định cư Trường cao đẳng cộng đồng	2013-2015	03/QĐ-UBND, ngày 07/3/2012	538		538		16		16		
D	Vốn khác			4.698	-	4.698	-	2.222	-	2.222	-	-
1	Nguồn vốn miễn giảm thủy lợi phí			216	-	216	-	-	-	-	-	-
	Vốn thủy lợi phí năm trước chuyển sang											
	Cống Bảy ngõng và cống Cà Môn			216		216		-				
2	Nguồn vốn hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP			750	-	750	-	-	-	-	-	-
	Vốn hỗ trợ địa phương năm trước chuyển sang											
	Cống Bảy ngõng và cống Cà Môn			750		750		-				
3	Nguồn vốn CTMTQG nông thôn mới			1.121	-	1.121	-	-	-	-	-	-
	Vốn sự nghiệp nông thôn mới năm trước chuyển sang											
	Đường từ cầu Ông Khuôn đến cống chùa Thới An			1.121		1.121		-				
4	Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế			387	-	387	-	-	-	-	-	-

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
	Vốn sự nghiệp kinh tế năm trước chuyển sang											
4.1	Nhà để xe hai bánh UBND Thành phố Cao Lãnh			36		36		-				
4.2	Nhà vệ sinh UBND Phường 3			30		30		-				
4.3	Cải tạo sửa chữa 03 phòng học làm việc của Trung tâm phát triển Quỹ đất TPCL			27		27		-				
4.4	Cải tạo cột cờ Quảng Trường công viên Văn Miếu			5		5		-				
4.5	Xây dựng nhà thông tin, nhà vệ sinh, sân tiếp cận và hoa viên			38		38		-				
4.6	Cụm cờ TPCL (03 địa điểm, bao gồm: UBND thành phố, Tiền hiền Nguyễn Tú, Tinh uý)			250		250		-				
5	Công trình Khẩn cấp			2.223	-	2.223	-	2.222	-	2.222	-	
	Khắc phục sạt lở bờ sông Tiền từ Bến phà Hoà an đến nhà máy nước Đông Bình			2.223		2.223		2.222		2.222		
E	Cấp Xã quản lý			3.182	1.308	1.874	-	1.032	1.013	19	-	32%
I	Xã Mỹ Tân			810	308	502	-	299	299	-	-	
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp nhánh rẽ hạ thế tuyến điện xã Mỹ Tân	2018	12/QĐ-UBND ngày 6/4/2018	308	308			299	299			
2	Sửa chữa nâng cấp dal và chỉnh trang đền thờ Tam vị đại thần thống lĩnh binh Nguyễn Văn Linh; nâng cấp nền Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã, cải tạo mặt tiền trụ sở UBND Xã			434		434		-				
3	Công trình nhà văn hóa kết hợp BND Ấp 4	2017	85/QĐ-UBND ngày 11/8/2017	68		68		-				
II	UBND Phường 4			1.183	1.000	183	-	733	714	19	-	
1	Trụ sở Ban nhân dân Khóm 2	2017-2019	633/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	1.157	1.000	157		714	714			

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
2	Tuyến đường số 3	2017-2019	114/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	26		26		19		19		
III	UBND xã Hòa An			255,06	-	255,06	-	-	-	-	-	-
1	Công trình đèn chiếu sáng tổ 3, 4 ấp Hòa Mỹ			0,4480		0,448		-				
2	Công trình phúc lợi xã hội Ấp Hòa lợi 10 năm liền, ấp Đông Bình 5 năm liền, công trình phúc lợi địa phương XD NTM giai đoạn 2011-2014	2016-2017	05/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	255		255		-				
III	UBND xã Mỹ Ngãi			934,27	-	934,27	-	-	-	-	-	-
1	Hạ tầng cụm dân cư chợ xã Mỹ Ngãi	2017-2019	548/QĐ-UBND ngày 18/9/2018	934,2720		934,272		-				

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA & CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TRONG NĂM

I	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia			5.021	3.460	1.561	-	369	-	369	-	7%
	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm kế hoạch			3.460	3.460	-	-	-	-	-	-	0%
1	Đường từ bến đò Doi Me - Rạch vàm Long Sung	2019-2020	Số 130/QĐ-UBND.XDCB ngày 31/10/2018 của UBND Xã	1.224	1.224							
2	Đường từ cầu Mười Y đến ngọn Ngã Quát	2018-2019	Số 05/QĐ-UBND ngày 25/10/2017; 01a/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND xã	1.169	1.169							
3	Đường tổ 3	2019	QĐ 129/QĐ-UBND.XDCB ngày 19/10/2018 của UBND xã	1.067	1.067							

1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm trước chuyển sang			1.561	-	1.561	-	369	-	369	-	24
1	Cầu qua kênh cái tôm (qua xã Hòa An)			61		61						
2	Đường từ cầu Năm Thắm đến giáp đường đèo ngọn Long Sung	2018	Số 109/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	500		500						0
3	Đường Rạch Chùa	2018	Số 39/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	150		150						0
4	Đường Tổ 13, ấp 3	2018	Số 40/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	350		350						0
5	Đường bờ Tây sông Cái Sao	2018	Số 210/QĐ-UBND ngày 04/7/2018; 35/QĐ-UBND ngày 27/2/2019	400		400		369		369		92
6	Đường Từ cống Rạch Miếu đến cuối đường	2018	Số 211/QĐ-UBND ngày 04/7/2018; 34/QĐ-UBND ngày 27/2/2019	100		100						0

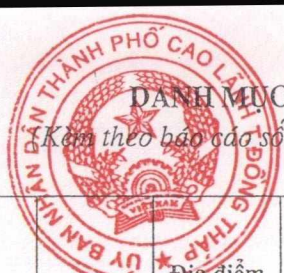
KHU ĐIỀU 5

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP TRÊN HỖ TRỢ THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01 CỦA TỈNH ỦY**



STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 204/2018/NQ-HĐND Tỉnh ngày 06/12/2018 của HĐND Tỉnh							Nguồn vốn NS phân bổ	Đã giải ngân	Ghi Chú
			4	5	6=7+8+9+10)	7	8	9	10			
1	2	3	4	5	6=7+8+9+10)	7	8	9	10	11	12	13=12/11
	Tổng số		1.984,6	1.205,7	1.205,7	240,9	800,0	67,1	97,7	382,7	190,6	49,8%
1	- Đối ứng dự án Nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL - Tiểu dự án thành phố Cao Lãnh (vốn WB)	UBND TPCL	126,0	126,0	126,0		126,0			126	126	100%
2	- Đường Lý Thường Kiệt nối dài, thành phố Cao Lãnh	Sở GTVT	161,6	43,0	43,0		43,0			26,5	-	0%
3	- Đường Sở Tư pháp kết nối đường Tân Việt Hòa, thành phố Cao Lãnh	Sở GTVT	477,4	335,5	335,5		335,5			15	-	0%
4	- Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở dọc sông Tiền bảo vệ dân cư thành phố Cao Lãnh	Sở GTVT	800,0	340,9	340,9	240,9	40,0		60,0	100	-	0%
5	- Mở rộng đường vào Sở chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (đoạn từ Quốc lộ 30 đến cầu Bình Trị)	UBND TPCL	11,7	11,6	11,6		11,6			10	9,9	99%
6	- Đường Lê Đại Hành giai đoạn 2 (đoạn từ đường Trần Quang Diệu đến đường Phù Đồng)	UBND TPCL	17,3	15,0	15,0		15,0			16,5	16,5	100%
7	- Đường Tân Việt Hòa (đoạn từ đường Phạm Hữu Lầu đến điểm đầu nối với cầu Cao Lãnh)	UBND TPCL	32,0	32,0	32,0		24,0	8,0		23	17,4	75,7%
8	- Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học (giai đoạn 2016-2020)	UBND TPCL	98,5	91,0	91,0		68,0	23,0		65,7	20,8	31,7%
	+ Trường TH Võ Thị Sáu (giai đoạn 2)		15,6	14,0	14,0		12,0	2,0		11,4	8,5	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 204/2018/NQ-HĐND Tỉnh ngày 06/12/2018 của HĐND Tỉnh							Nguồn vốn NS phân bổ	Đã giải ngân	Ghi Chú
			4	5	6=7+8+9+10)	7	8	9	10			
1	2	3	4	5	6=7+8+9+10)	7	8	9	10	11	12	13=12/11
	+ Trường THCS Kim Hồng		59,7	54,0	54,0		39,0	15,0		37,26	-	TP đối ứng năm 2018 chi trả đền bù 21 tỷ
	+ Trường MN Mỹ Trà (giai đoạn 2)		10,2	10,0	10,0		8,0	2,0		8	5	
	+ Trường THCS Nguyễn Chí Thanh (giai đoạn 2)		13,0	13,0	13,0		9,0	4,0		9	7,33	
9	- Cầu Ngõ Thời Nhậm	BQLDA giao thông tỉnh ĐT	60,8	56,2	56,2		48,8	7,4		-	-	TP đối ứng năm 2018 chi trả đền bù 8,2 tỷ
10	- Mở rộng đường Phạm Hữu Lầu đoạn từ cầu Cái Tôm đến cống Tân Việt Hòa (hạng mục: nền, mặt đường, cống Tân Việt Hòa)	UBND TPCL	82,8	74,5	74,5		8,1	28,7	37,7	-	-	
11	Cầu Bà Vại, TPCL (NS tỉnh hỗ trợ và giải ngân tại kho bạc Tỉnh)	UBND TPCL	15,0	13,0	13,0		13,0			-	-	
12	Cống Ngõ Thời Nhậm, TPCL (NS tỉnh hỗ trợ và giải ngân tại kho bạc Tỉnh)	UBND TPCL	21,9	20,0	20,0		20,0			-	-	
13	Đường Lê Đại Hành giai đoạn 3 (đoạn từ đường Phù Đổng đến Quốc lộ 30), TPCL (NS tỉnh hỗ trợ và giải ngân tại kho bạc Tỉnh)	UBND TPCL	79,6	47,0	47,0		47,0			-	-	



Phụ biểu 4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2019

Kèm theo báo cáo số: 130/BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năm g lập thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2019			Ghi chú								
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN			Tổng số	Trong đó:										
															Thu hồi vốn đã ứng	Trả nợ XDCB									
TỔNG SỐ																									
I.	Nguồn vốn NSTT																								
	Công trình khởi công mới																								
1)	Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật																								
1	Via hè, cống thoát nước đường Lê Duẩn	Mỹ Phú	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		312		2019	433/QĐ-UBND 24/10/2018	4.600	4.600	3.833	50	1.700											
2	Đường số 12 (cấp hông nghĩa trang liệt sĩ Tỉnh)	Mỹ Phú	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		292		2018-2019	47/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017	10.952	10.952	9.127	3.500	5.300											
3	Cầu Đổ Công Tường	Phường 2 Phường 4	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		292		2018-2019	45/QĐ-UBND, ngày 10/10/2017	7.000	7.000	5.833	1.500	4.200											
2)	Lĩnh vực Cấp nước sạch																								
1	Đường Ông Sùng đến Sáu Cửa	Mỹ Trà	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		311		2019		444	444	370		370											
3)	Lĩnh vực Cấp điện																								
1	Tuyến điện từ cầu Rạch Vòng đến Bảy Cừ	Mỹ Trà	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		302		2019		600	600	500		500											
4)	Trụ sở cơ quan QLNN																								
1	Trụ sở BND khóm Thuận Nghĩa	Hòa Thuận	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		341		2019		600	600	500		600											
5)	Lĩnh vực Thương mại																								
1	Chợ xã Tân Thuận Đông	T.T.Đông	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		321		2019-2020		3.639	3.639	3.033		1.000											

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năm g lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2019			Gh chú
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: phân vốn NSNN			Tổng số	Trong đó:		
															Thu hồi vốn đã ứng	Trả nợ XDCB	
	Công trình, dự án chuyển tiếp									7.400	7.400	6.167	2.000	2.000	-	-	
1)	Lĩnh vực Thương mại									7.400	7.400	6.167	2.000	2.000	-	-	
1	Chợ xã Tịnh Thới	Tịnh Thới	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		321		2018-2019	111/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	2.400	2.400	2.000	1.000	1.000			
2	Chợ Bình Trị	Mỹ Tân	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		321		2018-2019	103/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	5.000	5.000	4.167	1.000	1.000			
II. Nguồn vốn tiền sử dụng đất										55.307	55.307	46.089	1.150	11.800	-	-	
1)	Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật									49.250	49.250	41.041	100	8.500	-	-	
	Khởi công mới																
1	San lấp rạch mở rộng đường Tác Thầy Cai (đoạn từ đường Lê Đại Hành đến QL30, bao gồm lấp đặt cống thoát nước)	Mỹ Phú	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		311		2019-2020	51/QĐ-UBND 10/10/2017	12.600	12.600	10.500	50	2.000			
2	Hai tuyến đường, cống thoát nước cấp hông đến thờ ông bà Đỗ Công Tường (đường số 4, đường số 7 đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Đồng Đa)	Phường 2	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		292		2019-2020	36/QĐ-UBND 09/10/2017	24.468	24.468	20.390	50	4.000			
3	Đường số 14 vào trường TH Võ Thị Sáu (rộng 5-9-5m, dài 328m)	Phường 3	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		292		2019	427/QĐ-UBND 25/10/2018	12.182	12.182	10.152		2.500			
	Công trình, dự án chuyển tiếp									6.058	6.058	5.048	1.050	3.300	-	-	
1	Đường từ ngã ba vườn ông Huệ - cầu Bà Vại	Mỹ Trà	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		292		2018-2019	70/QĐ-UBND, ngày 16/10/2017	3.019	3.019	2.516	1.000	1.300			
2	Via hè, cống thoát nước đường Nguyễn Thái Học (đoạn cầu Y tế cầu Cái Tôm trong)	Phường 4	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP		312		2019	429/QĐ-UBND 25/10/2018	3.039	3.039	2.532	50	2.000			

DANH MỤC CÔNG TRÌNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2019
(Kèm theo báo cáo số 100/BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năm g lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2019			Ghi chú
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN			Tổng số	Trong đó:		
															Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XDCB	
TỔNG SỐ										13.116	18.341	17.842	830	27.469	-	-	
I	Nguồn vốn NSTT									6.416	12.251	12.151	830	15.670			
1	Chi bồi hoàn GQKN	Thành phố Cao Lãnh		Ban QLDA&PT QĐ				2019		1.200	1.200	1.200		1.200			
2	Trụ sở UBND phường 3: Thiết bị phục vụ hoạt động	Phường 3	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019			800	800		800			
3	Trụ sở UBND phường 6: Thiết bị phục vụ hoạt động	Phường 6	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019			800	800		800			
4	Trụ sở UBND xã Tân Thuận Đông: Thiết bị phục vụ hoạt động	Tân Thuận Đông	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019			700	700		700			
5	Trụ sở UBND Phường Hòa Thuận: Thiết bị phục vụ hoạt động	Phường Hòa Thuận	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019			800	800		800			
6	Quầy thức ăn nhanh CV Hai Bà Trưng	Phường 2	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019			1.200	1.200		1.200			
7	Sửa chữa trụ sở UBND xã, phường trên địa bàn TP																
7.1	Cải tạo trụ sở Thành ủy và UBND/TPCL	Phường 1	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019			650	650		650			
7.2	Sửa chữa UBND xã Tịnh Thới	Tịnh Thới		UBND xã Tịnh Thới				2019			600	500		600			

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năm g lập thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2019			Ghi chú
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN			Tổng số	Trong đó:		
															Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XDCB	
8	Chỉnh trang khu Nghi Xuân lát vỉa hè đường Lê Thị Hồng Gấm và Nguyễn Minh Trí	Phường 2	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019			650	650		650			
9	- Đối ứng vốn đầu tư xây dựng trụ sở CA xã Mỹ Tân (hàng rào, nhà xe, sân dal, san nền, cây xanh và thiết bị)	Xã Mỹ Tân		Xã Mỹ Tân		041		2019			730	730	-	730			
10	Đối ứng trụ sở QS phường Mỹ Phú, hạng mục phụ (hàng rào, nhà xe, sân dal,)	Phường Mỹ Phú		Phường Mỹ Phú							744	744	744	743			
11	Đối ứng vốn chương trình MTQGXDNTM đoạn 300m đường từ cầu Mườì Y - Ngọn Ngã Quát	Tịnh Thới		UBND xã Tịnh Thới				2019			940	575	575	-	575		
12	Đối ứng vốn chương trình MTQGXDNTM đường Cà Sung	Tịnh Thới		UBND xã Tịnh Thới				2019			1.112	1.112	1.112	830	282		
13	Bể xử lý nước thải 4 chợ (Chợ Rạch Chanh, Chợ Mỹ Trà, Chợ Mỹ Ngãi và Chợ Cao Lãnh)	Thành phố Cao Lãnh	KBNN/ĐT					2019-2020			1.690	1.690	1.690	1.690			
14	Hệ thống cấp nước khu tái định cư trường Cao đẳng công đồng	Phường Hòa Thuận	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019			4.000	4.000	4.000	4.000			
15	Bổ sung Tất toán nguồn vốn đầu tư													250			
II	Nguồn vốn tiền SDD										6.700	6.090	5.692	-	11.800		
1	Nâng cấp mặt đường Đặng Văn Bình (QL30-Lý Thường Kiệt)	Phường 1	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019			1.300	1.300	1.300	-	1.300		

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngân hàng kinh tế	Năm g lập thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	2019			Ghi chú
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN			Tổng số	Trong đó:		
															Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XDCB	
2	Nâng cấp mặt đường Nguyễn Đình Chiểu (Nguyễn Huệ- Nguyễn Du)	Phường 2	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019		1.200	1.200	1.200		1.200			
3	Nâng cấp mặt đường Đốc Bình Kiều (Nguyễn Huệ- Nguyễn Du)	Phường 2	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019		1.200	1.200	1.200		1.200			
4	Cải tạo sửa chữa ke co gián Cầu Đúc	Phường 2-4	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019		1.100	1.100	917	-	917			
5	Cải tạo sửa chữa ke co gián Cầu Cái Sao Thượng	Phường 1- Mỹ Phú	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019		400	400	333	-	333			
6	Tuyến đường từ Anh Duy - đầu Cồn	Tân Thuận Đông	KBNN/ĐT	Ban QLDA&PT QĐ				2019		1.500	890	742	-	742			
7	Các tuyến đường xung quanh Khu liên hợp thể dục thể thao Tỉnh (Đối ứng vốn Tỉnh hỗ trợ)	Mỹ Phú	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐTP	7614554	292		2017-2018	218/QĐ-UBND ngày 08/05/2017	42.166	42.166	35.138		6.000			
8	Bổ sung Tất toán nguồn vốn đầu tư													108			

Phụ biểu 6

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Báo cáo số 130/BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Năm g lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2019			Ghi chú		
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: phân vốn NSNN			Tổng số	Trong đó:	Thu hồi vốn đã ứng		Trả nợ XDCB	
TỔNG SỐ																			
1)	Lĩnh vực Giao thông - Hạ tầng kỹ thuật										43.865	43.865	36.554			-	-		
1	Hai tuyến đường, cống thoát nước cấp hông đèn thờ ông bà Đổ Công Tường (đường số 4, đường số 7 đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Đồng Đa)	Phường 2	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐT		292		2019-2020	36/QĐ-UBND 09/10/2017	24.468	24.468	20.390			-	-			
2	Đường số 14 vào trường TH Võ Thị Sáu (rộng 5-9-5m, dài 328m)	Phường 3	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐT		292		2019	427/QĐ-UBND 25/10/2018	12.182	12.182	10.152							
2)	Lĩnh vực Cấp nước sạch										444	444	370			-	-		
1	Đường Ông Sùng đến Sáu Cửa	Mỹ Trà	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐT		311		2019		444	444	370							
3)	Lĩnh vực Cấp điện										600	600	500			-	-		
1	Tuyến điện từ cầu Rạch Vòng đến Bảy Cừ	Mỹ Trà	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐT		302		2019		600	600	500							
4)	Lĩnh vực Thương mại										6.172	6.172	5.143			-	-		
1	Cải tạo, sửa chữa chợ Bà Học	Mỹ Tân	KBNNĐT	UBND xã Mỹ Tân		321		2019		2.533	2.533	2.111							
2	Chợ xã Tân Thuận Đông	T.T.Đông	KBNNĐT	BQLDA & PTQĐT		321		2019-2020		3.639	3.639	3.033							

Phụ biểu 7

DANH MỤC CÔNG TRÌNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 -2020

(Kèm theo Báo cáo số 130/BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân TPCL)



Nội dung	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Vốn đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
				Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN	
TỔNG SỐ				37.190	36.580	36.555
Chi bồi hoàn GQKN các công trình trên địa bàn TP	Thành phố Cao Lãnh		2019	9.000	9.000	9.000
Lĩnh vực Thương mại				2.890	2.890	2.890
Bể xử lý nước thải 4 chợ (Chợ Rạch Chanh, Chợ Mỹ Trà, Chợ Mỹ Ngãi và Chợ Cao Lãnh)	Thành phố Cao Lãnh		2019	1.690	1.690	1.690
Quầy thức ăn nhanh CV Hai Bà Trưng	Phường 2		2019	1.200	1.200	1.200
Trụ sở Cơ quan QLNN				11.050	11.050	11.050
Cải tạo trụ sở Thành ủy và UBND/TPCL	Phường 1		2019	650	650	650
Sửa chữa UBND xã, phường trên địa bàn	Thành phố Cao Lãnh		2020	800	800	800
Ban nhân dân ấp Đồng Thạnh - xã Tân Tân Thuận Đông	Tân Thuận Đông		2020	800	800	800
Ban nhân dân khóm 4	Phường 2		2020	800	800	800
Trung tâm Học tập cộng đồng phường 3	Phường 3		2020	8.000	8.000	8.000
Lĩnh vực Giao thông - hạ tầng kỹ thuật				14.250	13.640	13.615
Nâng cấp mặt đường Đặng Văn Bình (QL30-Lý Thường Kiệt)	Phường 1		2019	1.300	1.300	1.300
Nâng cấp mặt đường Nguyễn Đình Chiểu (Nguyễn Huệ-Nguyễn Du)	Phường 2		2019	1.200	1.200	1.200
Nâng cấp mặt đường Đốc Binh Kiều (Nguyễn Huệ-Nguyễn Du)	Phường 2		2019	1.200	1.200	1.200
Cải tạo sửa chữa ke co giãn Cầu Đúc	Phường 2-4		2019	1.150	1.150	1.150
Cải tạo sửa chữa ke co giãn Cầu Cái Sao Thượng	Phường 1-Mỹ Phú		2019	420	420	395
Tuyến đường từ Anh Duy - đầu Cồn	Tân Thuận Đông		2019	1.500	890	890
Đường Dương Văn Hòa (Đoạn Đặng Văn Bình - Nguyễn Quang Diêu)	Phường 1		2020	1.780	1.780	1.780
Đường Cặp hông Sở Lao động TB&XH (Đường 30/4 - cuối đường)	Phường 1		2020	700	700	700
Hoàn thiện các hạng mục của dự án nâng cấp Đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long- Tiểu dự án thành phố Cao Lãnh còn lại sau khi đóng dự án	Thành phố Cao Lãnh		2020	5.000	5.000	5.000

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06/2019/NQ-HĐND

Thành phố Cao Lãnh, ngày 19 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh, bổ sung Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND Thành phố về kế hoạch xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Cao Lãnh giai đoạn 2016 - 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-UBND.HC ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh về điều chỉnh, bổ sung Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của HĐND Thành phố về kế hoạch xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Cao Lãnh giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số: 10/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố, với các nội dung sau:

1. Không triển khai lập quy hoạch vùng trồng rau ở các xã Mỹ Tân, xã Mỹ Trà và xã Mỹ Ngãi. Cụ thể: không thực hiện chỉ tiêu tăng từ 15 ha lên 50 ha rau màu chuyên được nêu trong Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND.

2. Điều chỉnh, bổ sung tên “Quy hoạch vùng trồng rau” thành “Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao” và thực hiện ở các xã Tân Thuận Đông, Tân Thuận Tây và Tịnh Thới.

3. Công tác lập quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao được gắn kết vào nội dung lập Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp đô thị thành phố Cao Lãnh đến năm 2030.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố sớm triển khai tổ chức thực hiện nội dung điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp cuối hàng năm.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh khóa VIII, kỳ họp thứ Mười một, thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT/HĐND, UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TT/Thành ủy, UBND TP;
- ĐB HĐND Thành phố;
- TT/HĐND, UBND xã, phường;
- LĐ & CVTH VP/HĐND&UBND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỌA



Cao Thị Phụng

Số: 11 /TTr-UBND

Thành phố Cao Lãnh, ngày 26 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về điều chỉnh, bổ sung Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND Thành phố về kế hoạch xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Cao Lãnh giai đoạn 2016 - 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố

Căn cứ Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố về Xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Cao Lãnh giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Kế hoạch xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Cao Lãnh giai đoạn 2016 - 2020;

Qua kết quả khảo sát thực tế và nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp của Thành phố trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh, bổ sung các nội dung như sau:

I. QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ

1. Ủy ban nhân dân Thành phố đã tổ chức khảo sát thực tế quy hoạch vùng trồng rau tại các xã Mỹ Trà, Mỹ Tân và Mỹ Ngãi, kết quả như sau:

- Xã Mỹ Trà, đa số các hộ dân thống nhất với chủ trương quy hoạch vùng trồng rau. Tuy nhiên, thực hiện vùng rau hiện nay là chưa phù hợp, vì ở tiểu vùng 4 có một số hộ trồng rau xen lẫn trồng cây ăn trái, trồng lúa. Các hộ dân kiến nghị lùi thời gian quy hoạch hoặc chọn địa phương khác.

- Xã Mỹ Tân, trước đây diện tích trồng rau là 3,48ha, hiện đang trồng rau an toàn với diện tích giảm còn 1,94ha do một số hộ dân chuyển sang trồng cây ăn trái (sản xuất chủ yếu là rau ăn lá, chưa có nhiều mặt hàng rau củ quả, sản lượng cung cấp ít). UBND xã đề nghị không mở rộng vùng rau hiện có ở Ấp 1.

- Xã Mỹ Ngãi, khu vực dự kiến quy hoạch vùng trồng rau không còn phù hợp, vì người dân đã chuyển sang trồng cây lâu năm, UBND xã đề nghị không thành lập vùng rau trên địa bàn xã Mỹ Ngãi.

2. Nhận thấy các xã Mỹ Trà, Mỹ Tân và Mỹ Ngãi hiện không còn phù hợp để quy hoạch vùng trồng rau vì diện tích cây lâu năm từng bước mở rộng

và bao quanh khu vực dự kiến trồng rau nên không đảm bảo về an toàn thực phẩm, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức khảo sát thực tế tại các xã Tân Thuận Đông, Tân Thuận Tây, Tịnh Thới, kết quả như sau:

- Xã Tân Thuận Đông, đất bãi bồi 3 (giáp xã Tân Thuận Tây) thuộc ấp Đông Thạnh, diện tích còn lại sau khi cho Công ty Hoa Lan Ngọc Tú thuê là 5,7 ha (hiện trạng trên đất có 03 hộ chiếm dụng trồng rẫy, còn lại là cây tạp). UBND Thành phố đề nghị chọn khu vực này quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao của xã Tân Thuận Đông.

- Xã Tân Thuận Tây, đất bãi bồi 3 (giáp xã Tân Thuận Đông), thuộc ấp Tân Hậu, có tổng diện tích 5,31 ha, diện tích còn lại sau khi cho Công ty TNHH Hoa Lan Ngọc Tú thuê là 3,62 ha (hiện nay trên đất có 03 hộ chiếm dụng trồng rẫy còn lại là cây tạp); đất bãi bồi 2 thuộc ấp Tân Hậu, diện tích 1,73ha (hiện có 11 hộ dân chiếm dụng trồng cây). UBND Thành phố đề nghị chọn 02 khu vực này quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao của xã Tân Thuận Tây.

- Xã Tịnh Thới, đất bãi bồi từ Bến Đò Doi Me đến giáp ranh đất bãi bồi đã cho Công ty Vĩnh Hoàn thuê là 8ha (hiện tại chưa cho thuê, tuy nhiên đất bãi bồi còn “trầm thủy” nằm dưới mặt nước). UBND Thành phố đề nghị chọn khu vực này quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao của xã Tịnh Thới.

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

1. Trên cơ sở kết quả khảo sát lại nêu trên, Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị điều chỉnh, bổ sung Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về kế hoạch xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Cao Lãnh giai đoạn 2016 - 2020, với các nội dung sau:

- Không triển khai lập quy hoạch vùng trồng rau ở các xã Mỹ Tân, xã Mỹ Trà và xã Mỹ Ngãi; không thực hiện chỉ tiêu tăng từ 15 ha lên 50 ha rau màu chuyên được nêu trong Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND.

- Điều chỉnh, bổ sung tên “Quy hoạch vùng trồng rau” thành “Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao” và thực hiện ở các xã Tân Thuận Đông, Tân Thuận Tây và Tịnh Thới.

- Công tác lập quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao được gắn kết vào nội dung lập Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp đô thị thành phố Cao Lãnh đến năm 2030.

2. Việc đề nghị chọn các khu vực trên lập quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao là do:

- Các khu vực này đảm bảo nguồn nước ít bị ô nhiễm, đất bãi bồi giàu phù sa.

- Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao cũng chính là vùng quy hoạch sản xuất nông nghiệp trọng điểm của Thành phố, nhằm sử dụng 25% trong tổng vốn thủy lợi phí và vốn hỗ trợ đất trồng lúa được Tỉnh hỗ trợ hàng năm đúng quy định.

- Các hộ đang thuê đất có thể thành lập Tổ hợp tác, Hợp tác xã để được hưởng chính sách giao đất, cho thuê đất không qua đấu giá.

III. NHỮNG NỘI DUNG ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ XEM XÉT, QUYẾT NGHỊ

Ủy ban nhân dân Thành phố trình kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị điều chỉnh, bổ sung Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về kế hoạch xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Cao Lãnh giai đoạn 2016 – 2020 như sau:

1. Không triển khai lập quy hoạch vùng trồng rau ở các xã Mỹ Tân, xã Mỹ Trà và xã Mỹ Ngãi; không thực hiện chỉ tiêu tăng từ 15 ha lên 50 ha rau màu chuyên được nêu trong Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND.

2. Điều chỉnh, bổ sung tên “Quy hoạch vùng trồng rau” thành “Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao” và thực hiện ở các xã Tân Thuận Đông, Tân Thuận Tây và Tịnh Thới.

3. Công tác lập quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao được gắn kết vào nội dung lập Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp đô thị thành phố Cao Lãnh đến năm 2030.

Kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND TP;
- Văn phòng HĐND&UBND TP;
- CT, các PCT/UBND TP;
- LĐVP/HĐND&UBND TP;
- Lưu: VT, KT(Huy).



Phan Văn Chương

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
05 năm 2016 – 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/09/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/09/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Xét Tờ trình số 122 /TTr-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phê chuẩn bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm 2016 – 2020 như sau:

1. Bổ sung 05 công trình, dự án, gồm: Khu đô thị mới phường 3; Khu tái định cư đô thị mới phường 3; Khu tái định cư đường sỏ Tư pháp xã Tịnh Thới; Cải tạo môi trường, trồng cây xanh xây dựng lâm viên tại Quảng Khánh xã Mỹ Trà và Khu tái định cư Ven Sông Tiền xã Hòa An.

2. Tổng mức đầu tư: **1.230,702** tỷ đồng. Bằng chữ (Một ngàn, hai trăm ba mươi tỷ, bảy trăm lẻ hai triệu đồng)

3. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Tỉnh hỗ trợ và huy động hợp pháp khác.

Chi tiết phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh khóa VIII, kỳ họp lần thứ Mười một, thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực sau 7 ngày kể từ thông qua./.

Nơi nhận:

- TT/HĐND, UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Sở Tài chính Tỉnh ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh;
- TT/Thành ủy, UBND TP;
- Các ban ngành, đoàn thể TP;
- TT/HĐND, UBND xã, phường;
- LĐ & CVTH VP/HĐND&UBND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỌA



Cao Thị Phụng

Số: 22 /TTr-UBND

Thành phố Cao Lãnh, ngày 17 tháng 7 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
05 năm 2016 - 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh

Căn cứ Công văn số 493/VPUBND-ĐTXD ngày 03/07/2018 của UBND Tỉnh về tình hình giải phóng mặt bằng dự án đường Lý Thường Kiệt nối dài, dự án đường Sở Tư pháp kết nối đường Tân Việt Hòa;

Căn cứ Thông báo số 226/TB-VPUBND ngày 17/10/2018 của UBND Tỉnh nội dung về việc giao UBND thành phố Cao Lãnh chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng khẩn trương thực hiện công tác quy hoạch chi tiết làm cơ sở triển khai các thủ tục đầu tư của các dự án;

Căn cứ Công văn số 1457/SXD-KTQH.HTKT ngày 01/11/2018 của Sở Xây dựng Đồng Tháp về việc ý kiến hồ sơ đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu vực Phường 3, thành phố Cao Lãnh;

Để việc triển khai thực hiện các công trình, dự án đúng với Luật đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh kính trình Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm (2016 – 2020) gồm các công trình như sau:

- Khu đô thị mới phường 3;
- Khu tái định cư đô thị mới phường 3;
- Khu tái định cư đường sở Tư pháp, xã Tịnh Thới;
- Cải tạo môi trường, trồng cây xanh xây dựng lâm viên tại Quảng Khánh xã Mỹ Trà;
- Khu tái định cư Ven Sông Tiền, xã Hòa an.
- Tổng mức đầu tư: 1.230,702 tỷ đồng. Bằng chữ (Một ngàn, hai trăm ba mươi tỷ, bảy trăm lẻ hai triệu đồng) có danh mục chi tiết kèm theo.
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ và huy động hợp pháp.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận: *Phụ*

- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT/UBNDTP;
- Văn phòng HĐND&UBNDTP;
- Lưu: VT, TCKH.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Phan Chính Minh

DANH MỤC CÔNG TRÌNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 -2020

(Kèm theo Tờ trình số 122 /TTr-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân TPCL)



ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Vốn đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		
TỔNG SỐ					1.230.702	1.230.702	1.230.702	
1	Khu đô thị mới phường 3, thành phố Cao Lãnh	Phường 3	UBND TPCL	2020 - 2021	891.000	891.000	891.000	
2	Khu tái định cư đô thị mới phường 3	Phường 3	Ban QLDA & PTQĐ	2020 - 2021	115.000	115.000	115.000	
3	Khu tái định cư đường Sở Tư pháp	Xã Tịnh Thới	Ban QLDA & PTQĐ	2020 - 2021	80.000	80.000	80.000	
4	Cải tạo môi trường, trồng cây xanh xây dựng lâm viên tại Quảng Khánh	Xã Mỹ Trà	Ban QLDA & PTQĐ	2020	15.000	15.000	15.000	
5	Khu tái định cư Ven Sông Tiền	Xã Hòa an	Ban QLDA & PTQĐ	2020	129.702	129.702	129.702	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 -2020
(Kèm theo Nghị quyết số 7/2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh)



Stt	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Vốn đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		
	TỔNG SỐ				39.010	39.010	38.984	
I	Chi bồi hoàn GQKN các công trình trên địa bàn TP	Thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA & PTQĐ	2019	3.540	3.540	3.540	
II	Lĩnh vực Thương mại				2.890	2.890	2.890	
1	Bể xử lý nước thải 4 chợ (Chợ Rạch Chanh, Chợ Mỹ Trà, Chợ Mỹ Ngãi và Chợ Cao Lãnh)	Thành phố Cao Lãnh	Ban Quản lý Chợ TPCL	2019	1.690	1.690	1.690	
2	Quầy thức ăn nhanh CV Hai Bà Trưng	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.200	1.200	1.200	
III	Trụ sở Cơ quan QLNN				10.650	10.650	10.650	
1	Sửa chữa trụ sở làm việc trên địa bàn (UNMD phường 4 và Trung tâm Bồi dưỡng chính trị)	Thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA & PTQĐ	2020	1.050	1.050	1.050	
2	Ban nhân dân ấp Đông Thạnh - xã Tân Tân Thuận Đông	Tân Thuận Đông	Ban QLDA & PTQĐ	2020	800	800	800	
3	Ban nhân dân khóm 4	65	Ban QLDA & PTQĐ	2020	800	800	800	
4	Trung tâm Học tập cộng đồng phường 3	Phường 3	Ban QLDA & PTQĐ	2020	8.000	8.000	8.000	
IV	Lĩnh vực Giao thông - hạ tầng kỹ thuật		Ban QLDA & PTQĐ		17.930	17.930	17.904	
1	Nâng cấp mặt đường Đặng Văn Bình (QL30-Lý Thường Kiệt)	Phường 1	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.300	1.300	1.300	
2	Nâng cấp mặt đường Nguyễn Đình Chiểu (Nguyễn Huệ-Nguyễn Du)	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.200	1.200	1.200	
3	Nâng cấp mặt đường Đốc Binh Kiều (Nguyễn Huệ-Nguyễn Du)	Phường 2	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.200	1.200	1.200	
4	Cải tạo sửa chữa ke co giãn Cầu Đúc	Phường 2-4	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.150	1.150	1.150	
5	Cải tạo sửa chữa ke co giãn Cầu Cái Sao Thượng	Phường 1-Mỹ Phú	Ban QLDA & PTQĐ	2019	420	420	394	
6	Tuyến đường từ Anh Duy - đầu Cồn	Tân Thuận Đông	Ban QLDA & PTQĐ	2019	1.500	1.500	1.500	
7	Đường Cấp hông Sơ Lao động TB&XH (Đường 30/4 - cuối đường)	Phường 1	Ban QLDA & PTQĐ	2020	700	700	700	
8	Đường Lê Văn Tám (đoạn nối với đường Trần Hưng Đạo)	Phường 1	Ban QLDA & PTQĐ	2020	4.560	4.560	4.560	
9	Đường vào trường Mầm non Tịnh Thới kết nối đường xuống cầu Cao Lãnh	Tịnh Thới	Ban QLDA & PTQĐ	2020	900	900	900	
10	Hoàn thiện các hạng mục của dự án nâng cấp Đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long- Tiểu dự án thành phố Cao Lãnh còn lại sau khi đóng dự án	Thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA & PTQĐ	2020	5.000	5.000	5.000	
V	Hệ thống điện				4.000	4.000	4.000	
1	Hệ thống cấp nguồn khu tái định cư trường Cao đẳng cộng đồng	Phường Hòa Thuận	Ban QLDA&PTQĐ	2019	4.000	4.000	4.000	

